

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 100, Chúa Nhật 23.08.2009

MỤC LỤC

<u>Các Giám Mục Với Các Giáo Hội Địa Phương Hay Giáo Phận</u>	<u>Vatican 2</u>
<u>TAM TOÀ: NỐI TIẾP GƯƠNG CÁC THÁNH TỬ ĐẠO</u>	<u>Lữ Giang</u>
<u>LÀM THỂ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH LINH MỤC TUYỆT VỜI CHO GHCG VN?</u>	<u>Trịnh Nhật Định</u>
<u>Giáo Dân Làm Gốc</u>	<u>Lm Giuse Nguyễn Hữu An</u>
<u>AI MUỐN THEO TÔI, PHẢI TỪ BỎ MÌNH, ... (LC 9,23)</u>	<u>Lm. Giuse Lê Công Đức</u>
<u>CANH TÂN... (BÀI 5): ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP "HỌC SINH LÀ TRUNG TÂM"</u>	<u>Gioan Lê Quang Vinh</u>
<u>"HỒI ÔI, BÀ LÀ CHÚA BÀU CHÚNG CON..."</u>	<u>Lm. QUANG UY, DCCT</u>
<u>HỘI ĐỒNG GIA ĐÌNH</u>	<u>Lm. Lê Văn Quảng</u>
<u>MỆT MỎI CHÁN CHƯỜNG</u>	<u>Nhà Văn Quyên Di</u>
<u>Họp Mặt Năm Linh Mục: (LINH MỤC VÀ BÍ TÍCH THÁNH THỂ)</u>	<u>Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss</u>
<u>BỆNH THƯỜNG THẤY Ở MẮT M.D.</u>	<u>Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức</u>
<u>HƯ -</u>	<u>Chuyện phiếm của Gã Siêu</u>

Các Giám Mục Với Các Giáo Hội Địa Phương Hay Giáo Phận

**Sắc Lệnh Về Nhiệm Vụ Mục Vụ Của Các Giám Mục Trong Giáo Hội
(Christus Dominus)**

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Chương II

Các Giám Mục Với Các Giáo Hội Địa Phương Hay Giáo Phận

I. Các Giám Mục Giáo Phận

11. Ý niệm về Giáo huấn và phận sự Giám Mục trong giáo phận. Giáo phận là một phần Dân Thiên Chúa được giao phó cho một Giám Mục chăm sóc, với sự cộng tác của linh mục đoàn, để nhờ liên kết với vị chủ chăn của mình và qua ngài, giáo phận được tập trung trong Chúa Thánh Thần nhờ Phúc Âm và Thánh Thể, làm thành một Giáo Hội riêng biệt, trong đó Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền của Chúa Kitô hiện diện

và hành động thực sự. [9*](#)

Được ủy thác chăm sóc một Giáo Hội riêng biệt, mỗi Giám Mục dẫn dắt các con chiên của mình nhân danh Chúa, dưới quyền Đức Giáo Hoàng, với danh nghĩa là chủ chăn riêng, thường xuyên và trực tiếp khi thi hành nhiệm vụ giáo huấn, thánh hóa và cai quản các con chiên. Tuy nhiên các ngài phải nhìn nhận những quyền lợi chính đáng của các Thượng Phụ hay những Đấng Thẩm Quyền phẩm trật khác [1](#).

Các Giám Mục phải chăm lo nhiệm vụ tông đồ của mình như những chứng nhân của Chúa Kitô trước mặt mọi người, chẳng những săn sóc những kẻ đã theo vị Thủ Lãnh các chủ chăn, mà lại hết lòng hy sinh cho những người bất cứ cách nào đã đi lạc đường chân lý hay không biết Phúc Âm và lòng nhân từ cứu chuộc của Chúa Kitô, cho đến khi tất cả, sau cùng sẽ "đi trong sự chí thiện, chí công và chân thật" (Eph 5,9).

12. Nhiệm vụ giáo huấn. Trong khi thi hành chức vụ giáo huấn của mình, các Giám Mục phải loan báo cho mọi người biết Phúc Âm Chúa Kitô, một nhiệm vụ trỗi vượt trên các chức vụ chính yếu của các ngài [2](#), bằng cách nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần mời gọi họ chấp nhận đức tin hoặc làm cho họ vững mạnh trong đức tin sống động. Các ngài hãy trình bày cho họ toàn vẹn mầu nhiệm Chúa Kitô, tức những chân lý mà nếu không biết tới là không biết Chúa Kitô, và cũng phải trình bày con đường đã được Thiên Chúa mạc khải để làm vinh danh Người và nhờ đó, họ được hạnh phúc trường cửu [3](#).

Hơn nữa, các ngài phải minh chứng rằng theo ý định của Thiên Chúa Tạo Hóa, chính các thực tại trần thế và các tổ chức nhân loại đã được an bài để cứu rỗi con người, và do đó chúng có thể góp phần không ít trong việc kiến tạo Thân Thể Chúa Kitô.

Vì thế, dựa theo giáo thuyết của Giáo Hội, các ngài phải dạy cho họ biết phải kính trọng nhân vị, kính trọng tự do và cả đời sống thể xác như thế nào; phải kính trọng gia đình, còn sự hợp nhất và bền vững của nó, cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái như thế nào; phải tôn trọng cộng đồng dân sự với các luật lệ và những nghề nghiệp của nó như thế nào; phải quý trọng lao công, giải trí, nghệ thuật và những khám phá kỹ thuật như thế nào; phải miễn chuộng sự nghèo khó cũng như sự sung túc ra sao. Sau cùng các ngài phải trình bày những lý lẽ giải quyết các vấn đề rất hệ trọng liên quan đến việc chiếm hữu, phát triển và việc phân phối hợp lý của cải vật chất, những vấn đề liên quan tới hòa bình và chiến tranh, tới mỗi bang giao huynh đệ giữa mọi dân tộc [4](#).

13. Cách trình bày giáo thuyết Kitô giáo ngày nay. Các ngài phải trình bày giáo thuyết Kitô giáo một cách thích hợp với những nhu cầu của thời đại, nghĩa là đáp ứng những khó khăn và những vấn đề đang làm cho mọi người xao động và khắc khoải nhất. [10*](#) Các Ngài cũng phải coi sóc giáo thuyết đó bằng cách dạy cho chính các tín hữu biết bênh vực và phổ biến nó. Trong việc giảng truyền giáo thuyết này, các ngài phải tỏ lòng ân cần từ mẫu của Giáo Hội đối với hết mọi người, tín hữu cũng như lương dân, và phải chăm sóc đặc biệt đến những người nghèo khổ, những kẻ hèn kém, mà Chúa đã sai các ngài rao giảng Phúc Âm cho họ.

Vì Giáo Hội có nhiệm vụ tìm đến đối thoại với xã hội loài người, trong đó Giáo Hội đang sống [5](#), nên trước tiên bốn phận của các Giám Mục là đến với mọi người, kêu gọi và cổ vũ các cuộc đối thoại với họ. Trong những cuộc đối thoại thuộc viển tượng cứu rỗi đó, để chân lý luôn luôn liên kết với bác ái, kiến thức đi liền với tình yêu, cần phải làm nổi bật tính chất minh bạch của ngôn ngữ, cùng sự khiêm tốn và lòng nhân hậu, cũng như sự khôn ngoan đúng mức, nhưng đầy tin tưởng, vì khi sự tin tưởng hỗ trợ tình bạn hữu thì cũng liên kết các tâm hồn [6](#).

Các ngài phải cố gắng dùng những phương tiện khác nhau sẵn có trong thời đại chúng ta để loan báo giáo thuyết Kitô giáo, trước hết là việc giảng thuyết và việc tổ chức dạy giáo lý: cả hai luôn luôn giữ một địa vị chính yếu; sau đó trình bày giáo thuyết trong các học đường, các học hội, các buổi thuyết trình và những cuộc hội họp dưới mọi hình thức; và đừng quên phổ biến giáo lý đó bằng những bản tuyên ngôn nhân một vài biến cố, cũng như bằng báo chí và những phương tiện truyền thông xã hội khác nhau; cần phải hoàn toàn tận dụng các phương tiện này để rao truyền Phúc Âm Chúa Kitô [7](#).

14. Tổ chức dạy giáo lý. Các ngài phải lo lắng để việc tổ chức dạy giáo lý được thực hiện chu đáo cho các thiếu nhi, cho thanh thiếu niên và cho cả những người đã trưởng thành với mục đích là làm cho đức tin nơi mọi người, sau khi được giáo thuyết soi dẫn, trở nên sống động, minh bạch và hữu hiệu. Các ngài phải lo lắng để việc truyền đạt giáo lý có thể theo một thứ tự thích ứng và một phương pháp không những xứng hợp với môn đang học hỏi mà

còn hợp với tính tình, khả năng, tuổi tác và cả hoàn cảnh sinh sống của các thánh giả; việc dạy giáo lý đó cũng phải dựa trên Thánh Kinh, Thánh Truyền, Phụng Vụ, Giáo Huấn và đời sống Giáo Hội.

Ngoài ra, các ngài hãy lo chuẩn bị đúng mức các người dạy giáo lý thi hành phận sự của mình để họ hiểu rõ giáo thuyết của Giáo Hội và thông thạo những định luật tâm lý và các khoa sư phạm về lý thuyết cũng như thực hành.

Các ngài cũng phải cố gắng thế nào để việc tổ chức dạy giáo lý cho những tân tòng đã lớn tuổi được cải tổ hoặc thích nghi hơn.

15. Nhiệm vụ thánh hóa. Khi thi hành chức vụ thánh hóa, các Giám Mục phải nhớ rằng mình đã được chọn từ muôn người và được đặt lên cho họ trong những việc liên quan đến Thiên Chúa, để dâng của lễ và lễ vật hy sinh đền tội. Thực thể, các Giám Mục hưởng nhận sự sung mãn của Bí Tích Truyền Chức và các linh mục lệ thuộc vào các ngài khi thi hành quyền bính của mình, vì chính các linh mục đã được thánh hiến thành những linh mục đích thực của Tân Ước để trở nên những cộng sự viên sáng suốt của Hàng Giám Mục. Các phó tế cũng lệ thuộc như vậy, vì họ đã được thụ phong để phụng sự, nên họ phục vụ dân Thiên Chúa trong sự thông hiệp với Giám Mục và linh mục đoàn của Ngài. Vì vậy chính các Giám Mục là những người phân phát chủ yếu các mầu nhiệm của Thiên Chúa và là những vị điều hành, cổ vũ, bảo vệ toàn thể đời sống phụng vụ trong Giáo Hội đã được trao phó ⁸.

Vậy các ngài phải luôn luôn lo lắng cho các Kitô hữu thấu hiểu và sống sâu xa hơn mầu nhiệm phục sinh thế nào để nhờ Bí Tích Thánh Thể, họ tạo thành một Thân Thể liên kết rất chặt chẽ trong tình bác ái duy nhất của Chúa Kitô ⁹. Trong khi "chuyên cần cầu nguyện và giảng huấn lời Chúa" (CvTđ 6,4), các ngài hãy gắng sức để mọi người dưới sự săn sóc của mình được đồng một lòng trong kinh nguyện ¹⁰, được lớn lên trong ơn nghĩa thánh nhờ lãnh nhận các Bí Tích và trở nên nhân chứng trung thành của Chúa.

Như những kẻ có nhiệm vụ giúp người khác nên trọn lành, các Giám Mục hãy nhiệt thành thúc đẩy các giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân của mình sống thánh thiện tùy theo ơn gọi đặc biệt của mỗi người ¹¹. Tuy nhiên, các ngài hãy nhớ rằng mình cũng phải nêu gương thánh thiện bằng bác ái, khiêm nhường và bằng đời sống đơn giản. Các ngài phải thánh hóa các Giáo Hội đã được trao phó, sao cho ý nghĩa Giáo Hội phổ quát của Chúa Kitô được sáng chói hoàn toàn nơi các Giáo Hội đó. Cho nên các ngài hãy hết sức cổ vũ ơn gọi làm linh mục hay tu dòng, nhất là hãy đặc biệt lưu tâm đến ơn gọi truyền giáo.

16. Nhiệm vụ cai quản và chấn dặt các linh hồn. Trong khi thi hành nhiệm vụ người cha và chủ chăn, các Giám Mục hãy sống giữa dân mình như những người phục vụ ¹², nghĩa là như những chủ chăn hiền từ biết các con chiên mình và con chiên cũng biết chủ chăn; như những người cha đích thực tỏ lòng yêu thương và lo lắng cho hết mọi người và mọi người tỏ lòng tri ân tuân phục quyền hành Thiên Chúa đã ban cho các ngài. Các ngài hãy quy tụ đoàn chiên của mình thành một gia đình đồng đủ để mọi người đều ý thức nhiệm vụ riêng mà sống và hoạt động trong tình hiệp thông bác ái.

Để có thể thực thi những điều đó một cách hiệu nghiệm, các Giám Mục "là những người sẵn sàng làm mọi việc thiện" (2Tm 2,21) và "chịu đựng mọi sự vì những kẻ được chọn" (2Tm 2,10) phải tổ chức đời sống mình phù hợp với những nhu cầu thời đại.

Vì các linh mục chia xẻ một phần nghĩa vụ cũng như nỗi lo âu của chính các ngài và vì hằng ngày họ hằng say thi hành nghĩa vụ đó, nên các ngài hãy luôn đặc biệt yêu mến họ, coi họ như những người con, người bạn ¹³; như thế, nhờ sẵn sàng nghe họ và liên lạc thân tín với họ, các ngài nhiệt thành cổ vũ toàn thể công tác mục vụ trong cả giáo phận. ^{11*}

Các ngài phải lo lắng tới tình trạng thiêng liêng, trí thức và vật chất của các linh mục mình, để họ có thể sống thánh thiện và đạo đức cũng như có thể trung thành chu toàn nhiệm vụ riêng một cách hữu hiệu. Do đó, các ngài nên khuyến khích mở những trung tâm huấn luyện và tổ chức các cuộc gặp gỡ đặc biệt giúp cho các linh mục thỉnh thoảng quy tụ lại với nhau, vừa để chu toàn các việc linh thao lâu dài hơn nhằm cải tạo cuộc sống, vừa để học hỏi sâu xa hơn những môn học của Giáo Hội, nhất là Thánh Kinh và thần học hay những vấn đề xã hội khá quan trọng, và cả những phương pháp mới của hoạt động mục vụ nữa. Các ngài nên đối xử nhân từ cách tích cực với những linh mục đang lâm nguy bằng cách này hay bằng cách khác, hoặc đã sa ngã một cách nào đó.

Để có thể mưu ích cho các tín hữu hợp với tình trạng của từng người, các ngài phải cố gắng tìm hiểu đúng mức những nhu cầu của họ trong hoàn cảnh xã hội họ đang sống, nhờ áp dụng những phương thế thích hợp, nhất là phương pháp điều tra xã hội. Các ngài phải tỏ ra

lo lắng cho hết mọi người, bất luận tuổi tác, hoàn cảnh hay quốc tịch, người bản xứ, ngoại kiều cũng như lữ khách. Trong việc thể hiện nỗi lo lắng mục vụ này, các ngài phải dành cho tín hữu của mình những vai trò thích hợp với họ trong các công việc của Giáo Hội, và đồng thời phải nhìn nhận họ cũng có bốn phận và quyền lợi tích cực góp sức vào việc xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô.

Các ngài phải tỏ lòng thương mến những anh em ly khai bằng cách nhấn nhủ các tín hữu đối đãi với họ hết sức nhân đạo và bác ái; đồng thời cũng cổ vũ phong trào hiệp nhất đúng theo quan điểm của Giáo Hội [14](#). Các ngài hãy yêu mến những người không được rửa tội để bác ái của Chúa Kitô chiếu sáng cho họ, vì Giám Mục là nhân chứng của Chúa Giêsu trước mặt mọi người.

17. Các hình thức đặc biệt của việc tông đồ. Phải hỗ trợ các phương pháp làm việc tông đồ khác nhau cũng như việc phối trí và liên lạc mọi công việc tông đồ dưới sự chỉ huy của Giám Mục trong toàn cõi hay tại những vùng đặc biệt của giáo phận; nhờ sự liên kết này, mọi sáng kiến và tổ chức như dạy giáo lý, truyền giáo, bác ái, xã hội, gia đình, học đường và bất cứ công việc gì theo đuổi mục đích mục vụ, đều được thống nhất theo một đường lối hoạt động; và như thế sự hợp nhất của giáo phận được sáng chói hơn.

Cần phải chăm lo nhấn mạnh đến bốn phận đòi buộc từng tín hữu phải làm việc tông đồ tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mình và cũng phải nhắc nhở họ tham dự hoặc giúp đỡ các công việc tông đồ giáo dân khác nhau, nhất là công giáo tiến hành. Cũng phải cổ vũ hay nâng đỡ những hiệp hội nào trực tiếp hoặc gián tiếp theo đuổi mục đích siêu nhiên, nghĩa là để đạt đến đời sống toàn thiện hơn, hoặc để loan báo Phúc Âm Chúa Kitô cho mọi người, hoặc phát động giáo thuyết Kitô giáo hay phát triển những phụng tự công cộng hoặc theo đuổi những mục đích xã hội hoặc thực hiện những công việc đạo đức hay bác ái.

Các hình thức hoạt động tông đồ cần phải thích nghi đúng mức với những nhu cầu hiện đại, quan tâm tới các hoàn cảnh của con người, không những về điều kiện thiêng liêng và luân lý, mà cả hoàn cảnh xã hội, dân số và kinh tế nữa. Nhờ những ban mục vụ xã hội, là những ban được khuyến khích đặc biệt, các cuộc điều tra xã hội và tôn giáo giúp ích rất nhiều để đạt tới mục đích đó cách hữu hiệu và phong phú.

18. Chú tâm đặc biệt đến một ít nhóm tín hữu. Cần lo lắng đặc biệt đến những tín hữu vì hoàn cảnh sinh sống không được hưởng đầy đủ sự chăm sóc mục vụ chung và thường xuyên của cha xứ hoặc thiếu hẳn sự chăm sóc đó, chẳng hạn đa số những người di cư, dân lưu đầy, tị nạn, những người đi biển, cũng như các nhân viên phi hành, dân du mục và những hạng người như thế. Cần phải cổ vũ những phương pháp mục vụ thích hợp để nâng đỡ đời sống thiêng liêng của những người vì lý do nghỉ ngơi, tìm đến những xứ khác trong một thời gian.

Các Hội Đồng Giám Mục, nhất là Hội Đồng Giám Mục Quốc Gia, cần phải nghiên cứu những vấn đề khá cấp bách liên hệ đến những người kể trên. Nhờ các phương tiện cũng như các tổ chức thích hợp, các ngài hãy đồng tâm hiệp lực lo lắng và hỗ trợ việc thiêng liêng của họ, bằng cách vừa lưu tâm đến những tiêu chuẩn đã được Tòa Thánh qui định [15](#), hay sẽ ban hành, vừa thích nghi thỏa đáng với các hoàn cảnh về thời gian, nơi chốn và nhân sự.

19. Quyền tự do của Giám Mục và mối tương quan với chính quyền. Trong việc chu toàn nhiệm vụ tông đồ nhằm cứu rỗi các linh hồn, các Giám Mục tự mình được hưởng quyền tự do đầy đủ và hoàn toàn, cũng như quyền độc lập đối với bất cứ quyền hành dân sự nào [12*](#). Vì thế, không được phép trực tiếp hay gián tiếp ngăn trở việc thi hành nhiệm vụ thuộc phạm vi Giáo Hội của các ngài, hoặc không cho các ngài tự do liên lạc với Tòa Thánh, với những Thẩm Quyền khác trong Giáo Hội và với những kẻ thuộc quyền.

Thực ra, các Chủ Chăn Thánh, trong khi chuyên tâm săn sóc việc thiêng liêng cho đoàn chiên, thực sự cũng lo đến công việc thăng tiến và nền thịnh vượng của xã hội trần thế, bằng cách cộng tác hữu hiệu với các chính quyền dân sự để thực hiện mục đích trên trong phạm vi chức vụ và hợp với cương vị Giám Mục; và bằng cách nhấn nhủ đoàn chiên vâng phục các luật lệ chính đáng và tôn trọng các quyền bính hợp pháp.

20. Tự do trong việc chỉ định và bổ nhiệm Giám Mục. Vì nhiệm vụ tông đồ của các Giám Mục đã được Chúa Kitô thiết lập và theo đuổi mục đích thiêng liêng, siêu nhiên, nên Thánh Công Đồng tuyên bố rằng quyền chỉ định và bổ nhiệm các Giám Mục là quyền riêng, đặc biệt, và tự nó độc hữu thuộc Thẩm Quyền Giáo Hội.

Vì thế, để bảo vệ đúng mức sự tự do của Giáo Hội, để thăng tiến lợi ích của Kitô hữu cách thích hợp và dễ dàng hơn, Thánh Công Đồng ước mong sau này các chính quyền dân sự

không còn hưởng các quyền lợi hoặc đặc ân nào về việc tuyển chọn, bổ nhiệm, đề cử hay chỉ định chức vụ Giám Mục; còn phần các Chính Quyền dân sự, Thánh Công Đồng tri ân và quý trọng thịnh tình của họ đối với Giáo Hội và hết sức nhã nhặn xin họ hãy đồng lòng với Tòa Thánh tự ý từ bỏ những quyền lợi hay đặc ân kể trên mà hiện tại họ vẫn hưởng do hiệp ước hoặc tập tục.

21. Sự từ nhiệm của Giám Mục. Do đó, vì nhiệm vụ mục vụ của Giám Mục quá quan trọng và nặng nề, nên các Giám Mục giáo phận và những vị có quyền tương đương, nếu vì cao niên hay vì lý do quan trọng nào khác mà trở nên ít thích hợp trong việc chu toàn chức vụ ^{13*}, đều được tha thiết kêu gọi từ chức hoặc tự ý, hoặc do Thẩm Quyền khuyến cáo. Đàng khác, nếu đã chấp nhận sự từ chức đó, Thẩm Quyền vừa lo nâng đỡ cách xứng đáng các vị từ chức vừa thừa nhận các ngài được hưởng những quyền lợi đặc biệt.

II. Ranh giới các giáo phận

22. Duyệt xét lại ranh giới giáo phận. Để thực hiện được mục đích trung thực của giáo phận, bản tính của Giáo Hội cần phải được thể hiện rõ ràng ngay trong Dân Chúa thuộc giáo phận đó; các Giám Mục phải có thể chu toàn những nhiệm vụ mục vụ của mình trong giáo phận cách hữu hiệu; sau cùng, sự cứu rỗi của Dân Chúa phải được phục vụ hết sức hoàn hảo như có thể.

Điều đó đòi hỏi hoặc phải phân chia thích hợp ranh giới đất đai các giáo phận, hoặc phải phân phối các giáo sĩ, các tài sản cách hợp lý và thích hợp với những đòi hỏi của hoạt động tông đồ. Tất cả những điều đó chẳng những giúp ích cho hàng giáo sĩ và các Kitô hữu trực tiếp liên hệ, mà thực sự còn có ích lợi cho toàn thể Giáo Hội Công Giáo nữa.

Vì thế, Thánh Công Đồng quyết định là tùy theo lợi ích các linh hồn đòi hỏi, phải lập tức và khôn ngoan xét lại cách thỏa đáng những điều liên quan đến ranh giới các giáo phận, bằng cách phân chia, cắt xén hay sát nhập các giáo phận, hoặc bằng cách sửa đổi ranh giới hay ấn định địa điểm thích hợp hơn cho tòa Giám Mục, hoặc sau cùng bằng cách canh tân tổ chức nội bộ, nhất là đối với những giáo phận có nhiều thành phố lớn.

23. Quy tắc phải theo trong việc duyệt xét lại ranh giới giáo phận. Khi xét lại các ranh giới giáo phận, trước hết cần phải bảo đảm tính cách duy nhất về nhân sự, chức vụ, tổ chức của mỗi giáo phận giống như một thân thể thật sống động. Còn trong từng trường hợp, sau khi cân nhắc mọi hoàn cảnh liên hệ, cần phải lưu ý đến những tiêu chuẩn khá tổng quát sau đây:

1) Trong việc ấn định ranh giới giáo phận, phải lưu tâm chừng nào có thể đến những thành phần khác biệt của dân Chúa, vì điều đó có thể giúp ích nhiều cho việc thi hành sự chăm sóc mục vụ thích hợp hơn. Đồng thời phải lo sao để những vùng đông dân chúng thành một đơn vị đồng nhất bao nhiêu có thể, với những công sở dân sự và các tổ chức xã hội là những yếu tố tạo thành cơ cấu sống động của chính dân đó. Vì thế, lãnh thổ của mỗi giáo phận rõ ràng chỉ là một khối đồng nhất.

Nếu cần, cũng phải để ý đến những ranh giới dân sự và những hoàn cảnh đặc biệt về nhân sự hoặc địa phương, như tâm lý, kinh tế, địa lý, lịch sử.

2) Diện tích hay dân số của giáo phận cách chung phải làm sao để một mặt chính Giám Mục, dù có nhiều phụ tá, vẫn có thể cử hành những nghi lễ đại triều và đi kinh lý cách thuận lợi, có thể điều khiển và phối trí đúng mức mọi hoạt động tông đồ trong giáo phận, nhất là có thể hiểu biết các linh mục của mình, cũng như các tu sĩ và giáo dân đang tham dự một cách nào đó vào các công việc của giáo phận; mặt khác khu vực phải rộng đủ và thích hợp để cả Giám Mục lẫn các giáo sĩ có thể hy sinh cách hữu ích mọi sức lực mình cho nhiệm vụ mà vẫn luôn luôn lưu tâm tới những nhu cầu của toàn thể Giáo Hội.

3) Sau cùng để nhiệm vụ cứu rỗi có thể được thi hành trong giáo phận cách thích hợp hơn, phải được kể như luật là trong mỗi giáo phận, số lượng và khả năng của hàng giáo sĩ ít nhất phải đủ để chăn dắt dân Chúa cho đúng mức; đừng để thiếu những chức vụ, tổ chức và các công việc riêng biệt của Giáo Hội địa phương mà thực tế là cần thiết cho việc điều khiển và hoạt động tông đồ thích hợp của Giáo Hội đó. Sau hết các tài nguyên để nâng đỡ nhân sự và các tổ chức, hoặc phải có sẵn hoặc đàng khác, ít ra phải khôn ngoan tiên liệu sẽ không thiếu.

Cũng nhằm mục đích đó, nơi nào có những tín hữu thuộc Nghi Lễ khác, Giám Mục giáo phận phải lo liệu cho những nhu cầu thiêng liêng của họ hoặc bằng các linh mục hay những giáo xứ cùng nghi lễ, hoặc bằng vị Đại Diện Giám Mục có đủ đặc quyền thích hợp, và nếu cần

có cả chức Giám Mục nữa, hoặc chính ngài đảm trách nhiệm vụ của đẳng bản quyền cho các nghi lễ khác biệt ấy. Nếu theo sự xét đoán của Tòa Thánh, tất cả những điều trên không thể thực hiện được, vì những lý do đặc biệt, thì cần phải thiết lập một Phẩm Trật riêng cho các nghi lễ khác biệt này [16](#).

Cũng thế, trong những hoàn cảnh tương tự, cần lo cho các tín hữu thuộc ngôn ngữ khác nhau hoặc bằng các linh mục hay những giáo xứ có cùng ngôn ngữ, hoặc bằng Vị Đại Diện Giám Mục thông thạo ngôn ngữ ấy, và nếu cần có cả chức Giám Mục nữa, hoặc sau cùng, nhờ một phương thể nào khác thích hợp hơn.

24. Hòì ý kiến Hội Đồng Giám Mục. Để sửa đổi hoặc cải cách các giáo phận theo tiêu chuẩn liên quan đến các số 22-23, mà vẫn giữ trọn kỷ luật của các Giáo Hội Đông Phương, các Hội Đồng Giám Mục có thẩm quyền phải cứu xét những công việc trên cho mỗi lãnh thổ riêng của mình bằng cách nhờ đến Tiểu Ban Giám Mục đặc biệt, nếu thấy điều đó thích hợp, nhưng nhất là luôn luôn biết nghe các Giám Mục trong giáo tỉnh hay giáo miền liên hệ và sau đó phải đệ trình những ý kiến và nguyện vọng của mình lên Tòa Thánh.

III. Các cộng sự viên của Giám Mục giáo phận trong phận sự mục vụ

1. Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá [14*](#)

25. Luật phải theo khi thiết lập Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá. Trong việc điều khiển giáo phận, cần phải lo liệu cho phận sự mục vụ của các Giám Mục thể nào để ích lợi cho đoàn chiên Chúa luôn luôn là qui tắc tối cao. Để ích lợi đó được thể hiện đúng mức, nhiều khi cần phải thiết lập các Giám Mục Phụ Tá, vì Giám Mục giáo phận một mình không thể chu toàn mọi chức vụ giám mục như ích lợi các linh hồn đòi hỏi; hoặc do giáo phận quá rộng lớn, nhân số quá đông, hoặc do những hoàn cảnh đặc biệt của hoạt động tông đồ hay vì nhiều lý do khác. Hơn nữa, đôi khi nhu cầu đặc biệt đòi hỏi phải thiết lập Giám Mục Phó để giúp đỡ Giám Mục giáo phận. Các Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá đó phải được những đặc quyền thích hợp sao cho trong khi vẫn giữ được sự duy nhất của việc điều khiển giáo phận và duy trì quyền Giám Mục giáo phận, các ngài hành động thêm hữu hiệu hơn và chức phẩm riêng của các Giám Mục được bảo toàn hơn.

Ngoài ra, vì được mời gọi chia xẻ mỗi lo lắng của Giám Mục giáo phận, các Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá phải thi hành nhiệm vụ của mình để hành động được hiệp nhất với Giám Mục giáo phận trong mọi công việc. Hơn nữa, các ngài phải tỏ lòng tuân phục và kính trọng Giám Mục giáo phận. Còn phần Giám Mục giáo phận cũng hãy lấy tình huynh đệ mà yêu mến và kính nể các Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá.

26. Quyền hành của Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá. Khi ích lợi các linh hồn đòi hỏi, Giám Mục giáo phận dừng ngăn ngại thỉnh nguyện Thẩm Quyền thiết lập một hay nhiều Giám Mục Phụ Tá, là những người được đặt lên để giúp giáo phận nhưng không có quyền kế vị.

Nếu văn thư bổ nhiệm không tiên liệu gì, Giám Mục giáo phận hãy đặt một hay nhiều Giám Mục Phụ Tá của mình làm Tổng Đại Diện, hoặc ít ra làm Đại Diện Giám Mục và chỉ tùy thuộc quyền ngài. Ngài hãy vui lòng tham khảo ý kiến các vị đó khi cần cân nhắc những vấn đề khá quan trọng, nhất là những vấn đề có tính cách mục vụ.

Trừ khi Thẩm Quyền quyết định cách khác, những quyền hành và đặc quyền do luật định cho các Giám Mục Phụ Tá sẽ không chấm dứt với chức vụ của Giám Mục giáo phận. Cũng mong ước rằng lúc trống tòa, nhiệm vụ điều khiển giáo phận được trao cho Giám Mục Phụ Tá, hay nếu có nhiều thì trao cho một vị trong các ngài, trừ khi có những lý do quan trọng khuyên nên làm cách khác.

Giám Mục Phó, là đẳng được bổ nhiệm với quyền kế vị, luôn luôn phải được Giám Mục giáo phận đặt làm Tổng Đại Diện. Trong những trường hợp đặc biệt, ngài còn có thể được Thẩm Quyền ban cho những đặc quyền rộng hơn.

Để ích lợi hiện tại và tương lai của giáo phận được bảo đảm cách hết sức hoàn hảo, Giám Mục có Giám Mục Phó và Giám Mục Phó đừng quên tham khảo ý kiến lẫn nhau trong những vấn đề khá quan trọng. [15*](#)

2. Giáo Phủ và các Ủy Ban Giáo Phận

27. Tổ chức Giáo Phủ và thiết lập Ủy Ban Giáo Phận. Trong Giáo Phủ của giáo phận,

chức vụ của vị Tổng Đại Diện ^{16*} nổi bật nhất. Mỗi khi việc điều hành chu đáo giáo phận đòi hỏi, Giám Mục có thể thiết lập một hay nhiều vị Đại Diện Giám Mục. Các vị này, theo đúng luật, được hưởng quyền mà luật chung ban cho vị Tổng Đại Diện trong một miền được xác định của giáo phận hay trong một số công việc đích xác, hoặc đối với các tín hữu thuộc một nghi lễ nhất định.

Trong số các cộng sự viên giúp Giám Mục điều hành giáo phận, phải kể tới các linh mục thuộc thành phần của hội đồng hay ủy ban của ngài như kinh sỹ hội chánh tòa, hội đồng cố vấn hay những ủy ban khác tùy theo hoàn cảnh và đặc tính của các địa phương khác nhau. Những tổ chức này, nhất là kinh sỹ hội chánh tòa, khi cần thiết còn phải tùy thuộc một thể thức mới thích hợp với nhu cầu hiện đại. ^{17*}

Linh Mục và giáo dân thuộc về Giáo Phủ giáo phận hãy biết rằng mình cộng tác với Giám Mục vào thừa tác vụ mục vụ.

Giáo Phủ giáo phận phải được tổ chức thế nào để trở thành dụng cụ thích hợp cho Giám Mục, không những để cai quản giáo phận, nhưng còn để thi hành các việc tông đồ nữa.

Tha thiết mong ước rằng mỗi giáo phận nên thành lập một Ủy Ban mục vụ, do chính Giám Mục giáo phận làm chủ tịch, và thành phần là giáo sỹ, tu sỹ và giáo dân được tuyển chọn đặc biệt. Nhiệm vụ của Ủy Ban là thăm dò những gì liên hệ tới công việc mục vụ, cân nhắc và đưa ra những kết luận thực tế về những việc đó.

3. Giáo Sĩ Giáo Phận

28. Những liên hệ giữa Giám Mục và các linh mục giáo phận. Tất cả các linh mục giáo phận cũng như linh mục dòng đều cùng Giám Mục tham dự và thi hành một chức linh mục của Chúa Kitô và do đó các ngài thành những người cộng tác khôn ngoan của Hàng Giám Mục. Tuy nhiên trong việc coi sóc các linh hồn, các linh mục giáo phận giữ vai trò số một, vì khi gia nhập hay là liên kết với Giáo Hội địa phương, các ngài hiến toàn thân phục vụ Giáo Hội ấy để chăn dắt một phần đoàn chiên Chúa; vì thế các ngài làm thành một linh mục đoàn và một gia đình mà Giám Mục là người cha. ^{18*} Để sắp đặt các thừa tác vụ thánh nơi các linh mục của mình một cách thích hợp và công bình hơn, Giám Mục phải được hưởng quyền tự do cần thiết trong việc trao phó các nhiệm vụ hoặc ân bổn, nên phải hủy bỏ những quyền lợi hoặc đặc ân hạn chế quyền tự do đó bằng bất cứ cách nào.

Những liên hệ giữa Giám Mục và các linh mục giáo phận phải dựa trên những mối dây bác ái hoàn toàn siêu nhiên, để sự đồng tâm nhất trí giữa hàng linh mục và Giám Mục làm cho hành động mục vụ của mình được phong phú hơn. Vì thế, để cổ vũ việc phục vụ các linh hồn mỗi ngày một hơn, Giám Mục nên mời gọi các linh mục đối thoại riêng và chung nữa, nhất là về vấn đề mục vụ, không những khi thuận tiện, mà còn nên ấn định thời gian nếu có thể.

Ngoài ra, tất cả các linh mục giáo phận hãy hợp nhất với nhau và nhờ thế được thúc đẩy lo lắng cho lợi ích thiêng liêng của toàn giáo phận. Hơn nữa, các ngài hãy nhớ rằng, những của cải mình có được khi nhận chức vụ trong Giáo Hội đều liên hệ với nhiệm vụ thánh, nên các ngài hãy tùy sức mà quảng đại giúp đỡ những nhu cầu vật chất của địa phận, theo như sự quy định của Giám Mục.

29. Linh mục đặc trách công việc liên xứ. Những cộng sự viên thân cận hơn của Giám Mục là chính những linh mục mà ngài đã ủy thác nhiệm vụ mục vụ hay hoạt động tông đồ có tính cách liên xứ, hoặc đối với một cộng đoàn giáo dân riêng biệt hay một loại hoạt động đặc biệt.

Các linh mục được Giám Mục trao phó những nhiệm vụ tông đồ khác nhau, làm việc ở trường học, trong các tổ chức khác hay các hiệp hội, cũng góp phần cộng tác rất quý báu. Cả những linh mục phụ trách các công việc liên giáo phận, vì thi hành các công cuộc tông đồ quan trọng, nên đáng được săn sóc đặc biệt, nhất là bởi Giám Mục mà họ ở trong giáo phận của ngài.

30. Linh mục chính xứ. Vì lý do đặc biệt các linh mục chính xứ là những cộng sự viên của Giám Mục: các ngài được ủy thác việc săn sóc các linh hồn như những chủ chăn riêng trong một khu vực nhất định thuộc giáo phận dưới quyền Giám Mục.

1) Trong khi săn sóc các linh hồn như thế, các linh mục chính xứ cùng với các phụ tá của mình phải chu toàn nhiệm vụ giáo huấn, thánh hóa và cai quản sao cho các tín hữu và cộng đoàn giáo xứ cảm thấy mình thực sự là những phần tử của giáo phận cũng như của toàn thể

Giáo Hội. Vì thế các ngài cũng phải cộng tác với những linh mục chính xứ khác [19*](#), cả với những linh mục thi hành phận sự mục vụ trong địa hạt (thí dụ như các Linh Mục Quản Hạt, các Linh Mục Niên Trưởng), hoặc phụ trách những công việc có tính cách liên xứ, để việc mục vụ trong địa phận không mất vẻ duy nhất và trở nên hữu hiệu hơn.

Ngoài ra, việc săn sóc các linh hồn luôn luôn phải được thấm nhuần tinh thần truyền giáo làm sao để làn rộng cách thích đáng tới mọi người sống trong giáo xứ. Nếu các linh mục chính xứ không thể đi tới một số nhóm người, các ngài phải kêu gọi những người khác kể cả giáo dân, phụ giúp đặc biệt để họ có thể trợ lực các ngài trong những việc tông đồ.

Để việc săn sóc các linh hồn đó được hữu hiệu hơn, đời sống chung của các linh mục, đặc biệt là các linh mục trong cùng một giáo xứ, được thiết tha khuyến khích, vì một đời sống như thế vừa hỗ trợ hoạt động tông đồ, vừa nêu gương bác ái và đoàn kết cho giáo hữu.

2) Trong khi hoàn tất nhiệm vụ giáo huấn [20*](#), các linh mục chính xứ có bốn phận rao giảng lời Chúa cho mọi Kitô hữu, để khi đã được đâm rễ sâu trong đức tin, đức cậy và đức ái, họ lớn lên trong Chúa Kitô, và cộng đoàn Kitô giáo làm chứng về đức ái mà Chúa đã truyền dạy [17](#); các ngài cũng phải dạy giáo lý để giúp giáo hữu tùy từng lứa tuổi được thấu triệt mầu nhiệm cứu rỗi. Trong việc dạy giáo lý trên, không những các ngài phải xin các tu sĩ giúp đỡ, mà còn yêu cầu cả giáo dân cộng tác nữa bằng cách thiết lập Hiệp Hội Giáo Thuyết Kitô Giáo.

Trong khi hoàn thành công việc thánh hóa, các linh mục chính xứ hãy lo lắng để việc cử hành Hy Tế Thánh Thể phải là trọng tâm và tuyệt đỉnh của toàn thể đời sống cộng đoàn Kitô giáo; các ngài hãy nỗ lực để tín hữu được lương thực thiêng liêng nuôi dưỡng nhờ sốt sắng siêng năng lãnh nhận các Bí Tích, cũng như tham dự Phụng Vụ cách ý thức và sống động. Các ngài cũng hãy nhớ rằng Bí Tích Giải Tội hỗ trợ rất nhiều cho đời sống Kitô giáo; vì thế các ngài phải tỏ ra sẵn sàng ngồi tòa giải tội cho tín hữu, trong trường hợp cần thiết còn phải mời các linh mục thông thạo những ngôn ngữ khác tới giúp đỡ nữa.

Trong khi chu toàn nhiệm vụ chủ chăn, [21*](#) trước tiên các linh mục chính xứ hãy quan tâm tìm hiểu đoàn chiên riêng của mình. Vì là kẻ phục vụ hết mọi con chiên, các ngài hãy giúp cho đời sống Kitô giáo được thăng tiến nơi từng giáo hữu, trong gia đình, trong các hiệp hội đặc biệt liên hệ tới việc tông đồ và cả trong toàn thể cộng đoàn giáo xứ. Vì thế các ngài hãy thăm viếng các gia đình và trường học như phận sự mục vụ đòi hỏi; các ngài hãy nhiệt thành lo cho các thanh thiếu niên; các ngài hãy lấy tình phụ tử bao bọc những người nghèo khổ, bệnh tật; sau cùng các ngài hãy đặc biệt lo lắng cho thợ thuyền và nỗ lực làm cho các tín hữu trợ giúp vào công cuộc tông đồ.

3) Các linh mục phó xứ là những cộng sự viên của linh mục chính xứ, hằng ngày các ngài góp phần cộng tác quý giá và sống động vào việc thi hành phận sự mục vụ dưới quyền linh mục chính xứ. Vì thế, linh mục chính xứ và các linh mục phó xứ của ngài, phải có những liên lạc huynh đệ luôn bác ái và kính trọng nhau, tương trợ lẫn nhau, bằng những lời khuyên nhủ, giúp đỡ và gương mẫu, đồng tâm hiệp ý và hăng say lo lắng cho giáo xứ.

31. Bổ nhiệm, chuyển và từ chức linh mục chính xứ. Để phán đoán năng khiếu một linh mục trong việc điều khiển giáo xứ, Giám Mục hãy chú ý tới không những học thức, nhưng còn cả lòng đạo đức, tinh thần tông đồ nhiệt thành, các tài năng cũng như những đức tính khác cần để thi hành đúng mức việc săn sóc các linh hồn.

Ngoài ra, vì ích lợi các linh hồn phải là lý do toàn diện của nhiệm vụ giáo xứ, nên để Giám Mục có thể tiến hành việc xếp đặt các giáo xứ dễ dàng và thích hợp hơn, ngoại trừ quyền lợi của các giáo sĩ Dòng Tu, phải bãi bỏ mọi quyền giới thiệu, bổ nhiệm hay ưu tiên, kể cả luật thi tuyển chung hoặc riêng nếu nơi nào có luật ấy.

Trong giáo xứ của mình, mỗi linh mục chính xứ còn được quyền tại chức lâu bền như ích lợi của các linh hồn đòi hỏi [22*](#). Vì vậy, sau khi bãi bỏ việc phân biệt các linh mục chính xứ cố định và linh mục chính xứ khả dịch, nên xét lại và đơn giản hóa thể thức chuyển và thay đổi các linh mục chính xứ, để nhờ đó Giám Mục vừa duy trì sự công bằng theo tự nhiên và theo giáo luật, vừa có thể đáp ứng thích hợp hơn với nhu cầu mà ích lợi các linh hồn đòi hỏi.

Các linh mục chính xứ, vì tuổi già hoặc vì lý do quan trọng khác, không thể chu toàn chức vụ đúng mức và kết quả, nên thiết tha yêu cầu các linh mục đó tự ý hoặc do Giám Mục khuyến cáo, xin từ chức. Giám Mục hãy trợ cấp xứng đáng cho những vị đã từ chức [23*](#).

32. Thiết lập và hủy bỏ giáo xứ. Cuối cùng, cũng chính sự cứu rỗi các linh hồn phải là lý do để xác định hoặc thừa nhận việc thiết lập hay việc hủy bỏ các giáo xứ hoặc những thay

đối tượng tự khác mà chỉ Giám Mục mới có thể tự quyền thực hiện.

4. Các Tu Sĩ Dòng Tu

33. Tu sĩ dòng và việc tông đồ. Tất cả những Tu Sĩ Dòng Tu mà những điều sau đây bàn đến, là những người đã tuyên hứa theo những lời khuyên Phúc Âm trong các Tu Hội, tùy theo ơn gọi riêng của mỗi Tu Hội, có nhiệm vụ tận lực và chuyên cần gắng sức xây dựng phát triển toàn diện Nhiệm Thể Chúa Kitô và mưu cầu ích lợi cho các Giáo Hội địa phương.

Họ buộc phải theo đuổi những mục đích đó trước hết bằng lời cầu nguyện, các việc thống hối và bằng gương mẫu đời sống cá nhân, Thánh Công Đồng cũng thiết tha khuyến khích họ luôn luôn quý mến và siêng năng thực hiện các việc ấy. Nhưng, tùy theo đặc tính của mỗi Dòng Tu, các tu sĩ còn phải tận lực tham gia các công việc tông đồ bên ngoài.

34. Tu sĩ dòng cộng tác với Giám Mục trong việc tông đồ. Những linh mục dòng tu được thánh hiến thi hành chức vụ linh mục, để chính họ trở thành những cộng sự viên khôn ngoan của Hàng Giám Mục, ngày nay có thể giúp đỡ các Giám Mục nhiều hơn, trước nhu cầu gia tăng của các linh hồn. Như thế, xét theo phương diện nào đó, phải nói rằng các ngài thực sự liên hệ với hàng giáo sĩ giáo phận, vì cùng chia sẻ công việc săn sóc các linh hồn và các công cuộc tông đồ dưới quyền của các vị Lãnh Đạo thánh.

Cà những thành phần khác như các nam hay nữ tu, vì lý do đặc biệt, đều thuộc về gia đình giáo phận, cũng giúp đỡ nhiều cho Hàng Giáo Phẩm; và vì nhu cầu tông đồ mỗi ngày một gia tăng, nên họ có thể và phải giúp đỡ mỗi ngày một hơn.

35. Nguyên tắc dành cho việc tông đồ của tu sĩ dòng trong giáo phận. Để hoạt động tông đồ trong mỗi giáo phận luôn luôn được thực hiện một cách hòa hợp và để sự duy nhất của kỷ luật giáo phận được bảo toàn, Thánh Công Đồng quy định nguyên tắc căn bản sau đây: [24*](#)

1) Tất cả các Tu Sĩ Dòng Tu phải sốt sắng tuân phục và kính trọng các Giám Mục là những đấng kế vị các Tông Đồ. Ngoài ra, mỗi khi được mời cách hợp pháp tham dự các hoạt động tông đồ, họ buộc phải thi hành nhiệm vụ của mình sao cho thành những cộng sự viên thường trực và từng phục Giám Mục [18](#). Nhất là các Tu Sĩ Dòng Tu hãy mau mắn và trung thành hưởng ứng lời thỉnh cầu và nguyện vọng của các Giám Mục để lãnh nhận những vai trò rộng lớn hơn trong việc cứu rỗi con người, nhưng vẫn duy trì đặc tính của Tu Hội và theo đúng Hiến Pháp, và nếu cần Hiến Pháp đó sẽ được thích nghi với mục đích ấy, theo các nguyên tắc trong Sắc Lệnh này của Công Đồng.

Nhất là vì quan tâm đến nhu cầu khẩn cấp của các linh hồn và vì thiếu các giáo sĩ giáo phận, nên các Giám Mục có thể kêu gọi những Tu Hội không hoàn toàn sống đời chiêm niệm giúp đỡ những việc mục vụ khác nhau, nhưng vẫn tùy theo đặc tính riêng của mỗi Tu Hội; để giúp đỡ công việc trên, các Bề Trên phải hết sức hưởng ứng việc lãnh nhận giáo xứ dù là tạm thời.

2) Còn các tu sĩ dòng tu được sai đi phụ trách hoạt động tông đồ ở ngoài vẫn phải thấm nhuần tinh thần của Tu Hội, luôn luôn trung thành giữ luật và vâng phục Bề Trên tu hội. Các Giám Mục đừng quên nhấn mạnh đến nghĩa vụ này.

3) Tính chất miễn trừ - bởi đó các Tu Sĩ Dòng Tu thuộc quyền Đức Giáo Hoàng hay một Thẩm Quyền khác trong Giáo Hội và không tùy thuộc quyền của các Giám Mục - đặc biệt liên hệ tới tổ chức nội bộ của các Tu Hội để mọi việc trong các Tu Hội trở nên thích hợp và liên lạc chặt chẽ với nhau hơn và sự tiến bộ cũng như sự trọn lành của đời sống dòng tu được lo lắng tới nhiều hơn [19](#); cũng để Đức Giáo Hoàng có thể sắp đặt các tu sĩ dòng tu theo ích lợi của toàn thể Giáo Hội [20](#); và để Thẩm Quyền khác phân phối hợp với ích lợi của Giáo Hội thuộc quyền.

Nhưng đặc tính miễn trừ ấy không ngăn cản việc các Tu Sĩ Dòng Tu trong mỗi giáo phận từng phục quyền các Giám Mục theo giáo luật, như việc chu toàn phận sự mục vụ của các ngài và việc coi sóc các linh hồn một cách đúng mức đòi hỏi [21](#).

4) Mọi tu sĩ, miễn trừ và không miễn trừ, đều phải phục tùng các Đấng Bản Quyền địa phương trong những điều liên quan tới việc công khai thờ Kính Thiên Chúa, nhưng vẫn kính trọng vẻ khác biệt của các Nghi Lễ, trong những điều liên quan tới việc coi sóc các linh hồn, việc giảng huấn thánh cho dân chúng, việc giáo dục tôn giáo và luân lý cho các Kitô hữu, đặc biệt là cho các thiếu nhi, việc tổ chức dạy giáo lý và huấn luyện phụng vụ, tư cách của hàng giáo sĩ và cả những công việc khác liên hệ tới việc thi hành hoạt động tông đồ thánh. Những

học đường công giáo của các tu sĩ cũng phải thuộc quyền các Đấng Bản Quyền địa phương về những gì liên hệ đến tổ chức và sự chăm sóc chung, tuy nhiên các tu sĩ vẫn nắm quyền điều hành các trường đó. Cũng thế, các Tu Sĩ Dòng Tu buộc phải tuân giữ tất cả những gì mà các Công Đồng hay Hội Đồng Giám Mục ban bố cách hợp pháp buộc mọi người phải giữ.

5) Giữa các Tu Hội với nhau, cũng như giữa các Tu Hội với hàng giáo sĩ giáo phận, phải khuyến khích việc hợp tác có tổ chức. Nhất là phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa mọi công việc và hoạt động tông đồ, nó tùy thuộc ở ý hướng siêu nhiên của tinh thần và tâm hồn, đậm rễ sâu và xây dựng trên đức ái. Tòa Thánh có nhiệm vụ lo lắng việc phối hợp cho toàn thể Giáo Hội; còn mỗi Chủ Chăn thánh lo cho giáo phận mình; sau hết, các Thượng Hội Đồng Giáo Chủ và các Hội Đồng Giám Mục lo cho lãnh thổ mình.

Các Giám Mục hay các Hội Đồng Giám Mục và các Bề Trên Dòng Tu, hoặc Hội Đồng các Bề Trên Cả hãy vui lòng tiến hành việc thảo luận chung với nhau về những dự án các công việc tông đồ do các tu sĩ thực hiện.

6) Để đồng một lòng tán trợ những mối tương quan giữa các Giám Mục và các Tu Sĩ cách hữu hiệu, các Giám Mục và các Bề Trên Dòng Tu hãy vui lòng họp lại với nhau vào những kỳ hạn nhất định, và mỗi khi thấy thích hợp, để thảo luận về những công việc có liên hệ tổng quát tới hoạt động tông đồ tại lãnh thổ mình.

Chú Thích:

9* Đoạn này diễn tả giáo phận như là mẫu của Giáo Hội riêng biệt hay địa phương. Giáo phận gồm hai yếu tố:

a) yếu tố xã hội: một phần của dân Thiên Chúa, của Giáo Hội phổ quát trên một lãnh thổ nhất định, có Giám Mục lãnh đạo. Trên phương diện này, giáo phận là một đơn vị mục vụ và hành chánh.

b) yếu tố siêu nhiên: Chúa Kitô, Chúa Thánh Thần, ơn cứu rỗi, toàn thể mẫu nhiệm Giáo Hội đều hiện diện trọn vẹn trong mỗi giáo phận (x. số 15 phần cuối; GH 26). Những thực tại này vì thiêng liêng nên bất khả phân. Trên phương diện này, giáo phận là toàn thể Giáo Hội hiện diện tại một nơi nhất định.

1 Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương *Orientalium Ecclesiarum*, 21-11-1964, số 7-11: AAS 57 (1965), trg 79-80.

2 Xem CĐ Trentô, Khóa 5, Sắc lệnh *De reform.*, ch. 2 : Mansi 33, 30; Khóa 24, Sắc lệnh *De reform.*, ch 4 : Mansi 33, 159. - Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. III, số 25: AAS 57 (1965), trg 29tt.

3 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. III, số 25: AAS 57 (1965), trg 29-31.

4 Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*, 11-4-1963, và nhiều nơi khác: AAS 55 (1963), trg 257-304.

10* Về những đề tài và tính cách của giáo huấn Giáo Hội trong thời đại chúng ta, xem MK 25; GM 12, 13, 30; LM 4; MV 4, 10, 12, 22, 37, 38, 43, 62 v.v...

5 Xem Phaolô VI, Tđ. *Ecclesiam suam*, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 639.

6 N.t., trg 644-645.

7 Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về các phương tiện Truyền Thông xã hội *Inter Mirifica*: AAS 56 (1964), trg 145-153.

8 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh *Sacrosanctum Concilium*: AAS 56 (1964), trg 97tt. - Phaolô VI, Tự sắc *Sacram Liturgiam*, 25-1-1964 : AAS 56 (1964), trg 139tt.

9 Xem Piô XII, Tđ. *Mediator Dei*, 20-11-1947: AAS 39 (1947), trg 521tt. - Phaolô VI, Tđ. *Mysterium Fidei*, 3-9-1965: AAS 57 (1965), trg 753-774.

10 Xem CvTđ 1,14 và 2,46.

11 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. VI, số 44-45: AAS 57 (1965), trg 50-52.

12 Xem Lc 22,26-27.

13 Gio 15,15.

11* Về mối tương quan giữa các Giám Mục và linh mục: xem số 15, 28; GH 28; LM 2, 7, 15; TG 20.

14 Xem CD Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất Unitatis Redintegratio: AAS 57 (1965), trg 90-107.

15 Xem T. Piô X, Tự sắc Iampridem, 19-3-1914 : AAS 6 (1914), trg 173 tt. - Piô XII, Tông hiến Exsul Familia, 1-8-1952: AAS 44 (1952), trg 649 tt; Leges Operis Apostolatus Maris, được thu thập lại theo lệnh của Đức Piô XII, 21-11-1957: AAS 50 (1958), trg 375-383.

12* Công Đồng đặt các tương quan giữa Giáo Hội với các quốc gia trên nguyên tắc độc lập hỗ tương; nhưng trong khi cộng tác, Giáo Hội và quốc gia có những sứ mệnh khác nhau. Và đây cũng là nền tảng cho sự độc lập. Có một điểm tương đồng là cả Giáo Hội lẫn quốc gia đều phục vụ con người: đây là nền tảng của việc cộng tác giữa hai bên (MV 76). Từ nguyên tắc trên Công Đồng suy diễn ra một kết luận hợp lý (số 20): chỉ Đức Giáo Hoàng mới có quyền bổ nhiệm Giám Mục, vì việc bổ nhiệm chỉ liên quan đến sứ mệnh của Giáo Hội. Đây là một canh tân, vì giáo luật khoản 332, 1 chấp nhận cho quốc gia có quyền quy định, tuyển chọn, giới thiệu hay chỉ định các Giám Mục mới trong lãnh thổ thuộc quyền mình.

13* Đức Phaolô VI xin các Giám Mục từ chức khi được 75 tuổi trọn. Giám Mục từ chức, nếu muốn, có thể ở lại trong giáo phận của ngài và giáo phận có bốn phận phải nuôi dưỡng ngài (x. Ecclesiae Sanctae, số 11).

16 Xem CD Vat. II, Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương Orientatum Ecclesiarum, 21-11-1964, số 4: AAS 57 (1965), trg 77.

14* Giám Mục Phó là một Giám Mục Hiệu Tòa, được chỉ định để giúp một Giám Mục có giáo phận trong vấn đề mục vụ và cai quản giáo phận, với quyền kế vị. Giám Mục Phụ Tá cũng là một Giám Mục Hiệu Tòa giúp đỡ một Giám Mục cai quản giáo phận, nhưng không có quyền kế vị. Có quyền kế vị hay không là một dị biệt chính yếu. Ngoài ra còn hai dị biệt phụ thuộc là: Giám Mục Phó quan trọng và có quyền hành nhiều hơn; trong một giáo phận chỉ có thể có một Giám Mục Phó, còn Giám Mục Phụ Tá thì có thể có nhiều vị cùng một lúc.

15* Đoạn này có 4 điểm mới so với bộ giáo luật:

1) Nếu trong giáo phận có Giám Mục Phó, phải đặt ngài làm Giám Mục Tổng Đại Diện (x. chú thích tiếp sau).

2) Nếu có Giám Mục Phụ Tá, phải đặt ngài làm Giám Mục Tổng Đại Diện hay phó Đại Diện Giám Mục (x. chú thích tiếp sau).

3) Khi Giám Mục giáo phận qua đời hay đổi giáo phận, Giám Mục Phụ Tá không mất quyền. Đó là điều khác với giáo luật khoản 355, 2. Khoản giáo luật này bị hủy bỏ.

4) Khi giáo phận trống tòa, Công Đồng mong ước việc cai trị giáo phận phải được trao cho Giám Mục Phụ Tá. Nhưng không buộc ngặt. Trường hợp Giám Mục Phụ Tá không được chọn làm Đại Diện Thừa Ủy, ngài sẽ giữ nhiệm vụ đại diện tổng quát hay phó giám mục như trước (Ecclesiae Sanctae, số 13).

16* Giáo phủ giáo phận là cơ quan cai quản giáo phận của Giám Mục. Sắc Lệnh thường nói đến "các cộng tác viên". Để dễ hiểu, xin đan cử một vài thí dụ tiêu biểu:

1) Tổng Đại Diện: đây là nhân vật quan trọng nhất trong giáo phận sau Đức Giám Mục, Ngài có hầu hết mọi quyền của Giám Mục trên khắp giáo phận. Nhưng Giám Mục có thể hạn chế quyền hành của ngài.

2) Đại Diện Giám Mục: đây là một chức vụ mới được Công Đồng thiết lập. Đại Diện Giám Mục có mọi quyền của Giám Mục, nhưng chỉ trên một phần giáo phận, hay đối với một loại công việc đặc biệt, hay đối với một hạng giáo dân, ví dụ ở Việt Nam có thể có một Đại Diện Giám Mục đặc trách đồng bào Thượng.

3) Đại Diện Thừa Ủy: sau khi Giám Mục qua đời hay đổi giáo phận, trong vòng một tuần lễ, các cố vấn của Giám Mục phải đề cử một linh mục để cai quản giáo phận cho đến khi có Giám Mục mới. Linh mục đắc cử gọi là Đại Diện Thừa Ủy.

4) Các Phó Xứ (số 30,3) là những linh mục giúp cha xứ trong một giáo xứ.

17* Chiếu theo giáo luật, mỗi giáo phận phải có một hội đồng linh mục với nhiệm vụ: a) làm cố vấn cho Giám Mục, b) đề cử đại diện thừa ủy khi giáo phận trống tòa. Ở Âu châu, hội đồng này mệnh danh là kinh sĩ hội chính tòa. Ở Việt Nam gọi là ủy ban cố vấn (Giáo Luật kh. 423 tt).

Công Đồng duy trì định chế này, đồng thời cũng ao ước có sự canh tân, nhưng Công

Đồng cũng thêm hai định chế khác:

1) Ủy ban hay hội đồng linh mục (LM 7). Đây là nhóm linh mục đại diện cho tất cả các linh mục giáo phận, kể cả các linh mục dòng. Hội đồng này chỉ có quyền tư vấn, và khi trống tòa hội đồng ngưng hoạt động. Tân Giám Mục sẽ lập một hội đồng khác (Ecclesiae Sanctae, số 15; x. TG 20).

2) Hội đồng mục vụ (số 27 phần cuối): Gồm các giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân. Hội đồng này cũng có quyền tư vấn và nhiệm vụ đệ trình lên Giám Mục những đề nghị cụ thể trong phạm vi mục vụ (Ecclesiae Sanctae, số 16; x. TG 30).

18* Linh mục đoàn là toàn thể linh mục trong giáo phận (GH 28; GM 11, 15, 28; LM 7, 8 v.v...). Cả đến các tu sĩ (số 34) và các vị thừa sai ngoại quốc (TG 20) cũng là hội viên.

19* Xem LM 8; TG 20.

20* Xem LM 4.

17 Xem Gio 13, 35.

21* Xem LM 6.

22* Ở đây Công Đồng thay đổi hai định chế giáo luật:

1) Việc bổ nhiệm các cha chính xứ: theo giáo luật cho chính xứ có thể được bổ nhiệm:

a) Bằng một cuộc thi (Giáo Luật kh. 459, 3,30), đây là cuộc khảo hạch về thần học và mục vụ. Ai đậu cao nhất sẽ được bổ nhiệm chính xứ.

b) Bằng cuộc tuyển lựa (Giáo Luật kh. 455, 1), do giáo dân trong xứ hay những người khác tuyển chọn với sự phê chuẩn của Giám Mục.

c) Do sự chỉ định trực tiếp của Giám Mục, Công Đồng chỉ giữ lại cách thứ ba này và hủy bỏ hai cách kia.

2) Sự cố định của linh mục chính xứ: trước Công Đồng, có những linh mục chính xứ, Giám Mục có thể tùy ý chuyển đến một giáo xứ khác; trái lại, có những vị, Giám Mục không thể chuyển nếu không có một vụ kiện theo giáo luật. Sự phân biệt này được hủy bỏ (Ecclesiae Sanctae, số 18).

23* Cũng như các Giám Mục, các linh mục chính xứ cũng được yêu cầu từ chức khi được 75 tuổi trọn (Ecclesiae Sanctae, số 20).

24* Về những tương quan giữa Giám Mục giáo phận và các dòng tu hoạt động trong giáo phận, Công Đồng thiết lập hai nguyên tắc căn bản:

1) Các dòng tu được miễn trừ khỏi quyền bính Giám Mục trong những gì có liên quan đến đời sống của dòng, nhưng lệ thuộc vào Giám Mục trong phạm vi hoạt động tông đồ (Ecclesiae Sanctae, số 22-40; TG 30).

2) Trong trường hợp cấp bách vì nhiệm vụ tông đồ, các dòng tu phải chấp nhận đề nghị của Giám Mục khi ngài xin họ giúp đỡ.

18 Xem Piô XII, Huấn từ, 8-12-1950: AAS 43 (1951), trg 28. - Xem thêm Phaolô VI, Huấn từ 23-5-1964: AAS 56 (1964), trg 571.

19 Xem Lêô XIII, Tông hiến Romanos Pontifices, 8-5-1881: Acta Leonis XIII, q.II (1882), trg 234 tt.

20 Xem Phaolô VI, Huấn từ, 23-5-1964: AAS (1964), trg 570-571.

21 Xem Piô XII, Huấn từ 8-12-1950 : n.v.t.

VỀ MỤC LỤC

TAM TOÀ: NỐI TIẾP GƯƠNG CÁC THÁNH TỬ ĐẠO

Tam Toà là nơi các giáo dân thuộc các giáo xứ ở phía nam Quảng Bình bị bắt đạo dưới thời Tự Đức và Văn Thân, đã chạy tán loạn, được Linh mục Claude Bonin (thường gọi là Cố Ninh) tập trung lại và lập thành một giáo xứ mới ở phía bắc thành Đồng Hới, trên bờ sông

Nhật Lệ, lấy tên là giáo xứ Tam Tòa. Số người bị bách hại và chết vì đạo rất nhiều, trong đó có hai vị đã được phong thánh là Linh Mục Gioan Đoàn Trinh Hoan và ông Mathêô Nguyễn Văn Phụng. Trước năm 1954, đi vào nhà thờ Tam Tòa, chúng ta thấy tượng của hai vị này đứng hai bên trước cung thánh. Ngoài ra, trong làng còn có một ngôi đền kính Chân Phước Mathêô Phụng (lúc đó chưa được phong thánh). Theo truyền thống của cha ông, tinh thần sống và chết vì đạo của các tín hữu Tam Tòa nói riêng và Quảng Bình nói chung là rất cao.

QUẢNG BÌNH DƯỚI THỜI CẤM ĐẠO

Dưới thời vua Tự Đức (1847 – 1883), lệnh cấm đạo rất ác liệt. Sắc dụ 1855 ra hạn “các quan ở tỉnh 3 tháng để xuất giáo, dân chúng và binh sĩ được 6 tháng để bỏ đạo. Phải đốt tất cả các nhà thờ, nhà xứ; cấm giáo hữu không được tập trung”. Sắc dụ 1857 truyền “khắc vào má hai chữ Tả Đạo và tên làng” cho giáo hữu; những ông quan chèn ép phải mất chức”. Sắc dụ 1859 ra lệnh “bắt các chức việc họ, Thầy Giảng”. Sắc dụ 1860 truyền cấm không cho đàn bà, con nít ra khỏi làng “vì chúng dùng những đàn bà xấu nết mà chúng gọi là trinh nữ, là bà phước để giấu diếm các đồ thờ, để đưa thư từ và tin tức”. Cuối cùng Vua Tự Đức hạ Sắc dụ 1861 về “Phân Sáp”, tức phân tán người Công Giáo đi khắp nơi trong nước cho sống giữa các lương dân để họ không còn có thể sống đạo được.

Dưới thời vua Tự Đức cấm đạo, Đức Giáo Mục Francois Marie Pellerin (1850 – 1862) đang cai quản Giáo Phận Bắc Đàng Trong và Giám Mục Joseph Hyacinthe Sohier (1862-1876) làm Giám Mục Phụ Tá. Trước những biện pháp cấm đạo gắt gao nói trên, Đức Cha Sohier phải dời chủng viện ở Di Loan, Cửa Tùng, Quảng Trị, ra Kê Sen, phía tây thành phố Đồng Hới ngày nay và ngài đến cư trú ở đó để lo cho chủng sinh. Kê Sen là một giáo xứ ở sát rừng núi nên dễ lẫn tránh mỗi khi quan quân mở cuộc lùng bắt. Trong 10 năm, quan quân đã lùng bắt Đức Cha nhiều lần nhưng không bắt được, nên báo cáo với Vua Tự Đức rằng Đức Cha Sohier đã chết. Ngày 13.9.1862, Đức Cha Pellerin qua đời, Đức Cha Sohier lại được Tòa Thánh cử cai quản Giáo phận Bắc Đàng Trong.

Tháng 6 năm 1876, Đức Cha Sohier đi kinh lược tỉnh Quảng Bình, khi tới Kê Sen, ngài bị kiết lị và qua đời ngày 3.9.1876, an táng tại Kê Sen, hưởng thọ 58 tuổi, với 34 năm làm Linh Mục và 23 năm làm Giám Mục. Vì thế, ngày nay Pháp đã giúp Kê Sen phục hồi lại giáo xứ.

Đức Giám Mục Sohier qua đời để lại cho Giáo Phận Huế 113 giáo xứ (Quảng Bình 25, Quảng Trị 63 và Thừa Thiên 25), 2 chủng viện, 7 tu viện Mến Thánh Giá, 3 viện dục anh và 22.000 giáo dân

Vùng **Sen Bàng** trước 1954 gồm 4 giáo xứ sau đây: **Kê Sen, Kê Bàng, Xóm Kéc và Đá Mài**. Hầu hết giáo dân thuộc các giáo xứ này đã di cư vào Đà Nẵng năm 1954. Ngày nay, các giáo xứ này kết hợp lại thành giáo xứ Sen Bàng, hiện do Linh mục Lê Thanh Hồng làm chánh xứ kiêm chánh xứ Tam Tòa.

HAI ANH HÙNG TỬ ĐẠO

Trong thời gian cấm đạo dưới thời Tự Đức, tại Quảng Bình có 41 giáo dân bị giết, nhiều người bị tù tội. Riêng giáo xứ Sáo Bùn có một linh mục và một thầy giảng bị án tử quyết, đó là Linh mục Gioan Đoàn Trinh Hoan và Thầy giảng Mathêô Nguyễn Văn Phụng.

1.- Linh mục Gioan Đoàn Trinh Hoan: Sinh năm 1798 tại họ Kim Long, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, được phong linh mục năm 1836. Trước tiên, cha Hoan được cử coi sóc họ Kê Sen ở Quảng Bình, rồi họ Bãi Trờ ở Quảng Trị. Khi tình hình ở Huế gặp nhiều khó khăn, Đức Cha đã gọi ngài về coi giáo dân ở Thừa Thiên. Đầu tháng Giêng năm 1861, Cha Hoan đến Sáo Bùn để giúp giáo dân chuẩn bị dự lễ Ba Vua thì có người ngoại đạo biết được và đi tố giác với quan. Ngài đã bị bắt và bị đưa ra xét xử ngày 4.1.1861 cùng với 9 giáo dân.

Cuối tháng ba, cha bị kết án tử hình và tịch thu tài sản. Các giáo dân khác bị xử lưu đày gồm có: ông Biện, Thầy Huệ, ông Quế và bà Ban. Bốn người khác can vào vụ này còn trốn thoát sẽ bị kết án khi bắt được.

Ngày 25.6.1861, cai đội đã đến nhà tù gọi ngài ra và đọc án như sau: *"Tự Đức năm thứ 14, ngày 17 tháng 4, tên Hoan là linh mục, dạy đạo và lừa dối nhiều người, luận phải xử chém lập tức"*. Sau đó ông ra lệnh đặt gông lên cổ cha và cho bốn tên lính cầm giáo áp tải cha đi ra cửa thành và đưa ra pháp trường là một cánh đồng trống ở ngoài thành Động Hải, gần làng Phú Ninh. Tại đây, giáo dân đã trải chiếu sẵn để cha quì lên trên.

Sau khi hướng mắt lên trời cầu nguyện một hồi lâu, ngài nói với lý hình: "Tôi đã sẵn sàng". Lý hình nhảy múa chờ trống lệnh để chém xuống. Nhất đao thứ nhất chém trúng vai khiến Cha Hoan té ngửa, tên lính túm tóc cha ngồi lên và chém nhất thứ hai vào má và chém tiếp theo hai nhất nữa. Lát sau cùng đã trúng cổ khiến đầu cha văng ra xa khoảng năm bước.

Giáo dân được phép vào thăm máu và tẩm liệm, đem xác cha an táng trọng thể tại nghĩa địa của các nữ tu ở Mỹ Hương. Khi lập hồ sơ phong Á Thánh, xác ngài được đưa về chôn cất tại chủng viện Phú Xuân

2.- Thầy giảng Nguyễn Văn Phụng: sinh năm 1801 tại Kê Lậy, cũng gọi là Lý Nhơn, thuộc tỉnh Quảng Bình. Ngài có ba tên: tên Kê là tên chính thức, tên Đắc là tên cha mẹ đặt cho và tên Phụng là tên người con gái đầu lòng.

Mồ côi cha mẹ lúc 12 tuổi, cậu Đắc đi học thuốc với một người ngoại đạo tên là Nhu, nhưng ba năm sau cậu gặp Cha Điềm, được ngài nhận nuôi và dạy dỗ cho thành Thầy Giảng. Sau đó ngài giúp ông lập gia đình với bà Agnes, con của ông đội Khiêm ở Sáo Bùn. Lập gia đình rồi ông về ở Sáo Bùn luôn và được cử làm Thầy Giảng ở đó. Hai ông bà sinh được 8 người con. Ban đầu làm nghề thuốc nhưng không được khá giả nên đổi sang nghề buôn bán và được dư giả.

Đầu năm 1861 Cha Hoan đến tổ chức tuần đại phúc cho họ Sáo Bùn, ông Phụng lo chỗ ăn ở cho ngài. Khi cha Hoan bị truy lùng vì có người tố cáo, ông đã bị bắt vì tội chứa chấp Cha Hoan. Năm đó ông đã 60 tuổi.

Ông bị giải về Đồng Hới và bị ép chối đạo bốn lần, nhưng ông từ chối. Khi quan bắt ông nhận là đã chứa chấp Cha Hoan, ông cũng không nhận vì không biết Cha Hoan đã khai như thế nào. Quan dọa sẽ bắt các con của ông đánh đòn. Vì thế khi có sự hiện diện của Cha Hoan và các giáo dân khác, với sự đồng ý của Cha Hoan, ông đã khai có tiếp đón và nuôi Cha Hoan.

Ông cũng bị tuyên án như Cha Hoan và cũng bị đưa đi hành quyết một lần với Cha Hoan. Bản án của ông được viết trên gỗ, ghi như sau: *"Năm Tự Đức thứ 14, ngày 17-4. Tên Nguyễn Văn Đắc, tự Phụng, là người theo đạo Kitô và chứa chấp đạo trưởng Hoan, tội đáng chém"*.

Tại pháp trường, lý hình chỉ chém một phát là đầu rơi xuống ngay. Xác ngài được bọc lại và chôn ở Mỹ Hương như Cha Hoan. Khi lập hồ sơ phong Á Thánh, xác ngài cũng được đưa về chôn cất tại chủng viện Phú Xuân như xác Cha Hoan.

Cả hai vị đã được phong Á Thánh năm 1909 và được phong Thánh ngày 19.6.1988.

Những gì các nhà truyền giáo và cha ông chúng ta đã dùng xương máu để làm ở nên Tam Tòa, các thế hệ đi sau nhất định sẽ nối tiếp.

Lữ Giang

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH LINH MỤC TUYỆT VỜI CHO GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM NGÀY NAY?

<http://www.dunglac.org/index.php?m=home&v=detail&ia=8212>

Vài cảm nghĩ...

Nhiều người cho rằng ở Việt Nam ta ngày nay, việc giáo dân góp ý với Giáo hội – gồm các vị hồng y, giám mục, linh mục, tu sĩ và giáo dân – về việc đào tạo linh mục, về cách sống chứng nhân, cách rao giảng Tin Mừng và cách thi hành chức vụ thừa tác viên của Giáo hội là “bằng thừa”, vì ai cũng cho rằng các linh mục đã được đào tạo rất kỹ, rất lâu, được chọn lọc rất gắt gao rồi mới được “đổ cụ”, vì thế, chúng ta chỉ cần đọc kinh “cầu cho các linh mục” trong các thánh lễ chủ nhật là đủ rồi.

Điều nhận xét đó rất đúng.

Quả thật, như chúng ta đã chứng kiến, suốt hơn 34 năm qua, Giáo hội Công giáo VN đã hoàn thành một cách quá xuất sắc nhiệm vụ đào tạo các linh mục trong hoàn cảnh khó khăn chung của cả đất nước, trong thế giới ngày nay đầy biến động gay gắt, đầy những cơn bão “tôn sùng vật chất” làm điên đảo cuộc sống đạo trên toàn cầu...

Chúng ta phải công nhận đó là một hồng ân to lớn của Chúa đã ban cho Giáo hội Công giáo VN ta, vì:

- Số các linh mục Dòng cũng như Triều, ngày càng thêm đông hơn bao giờ hết,

- Ở nhiều địa phận, các linh mục đã được đào tạo cả về đạo lẫn về đời rất kỹ lưỡng trong một thời gian dài: 4 năm học đại học quốc gia hay dân lập – vì không có đại học Công giáo – để lấy bằng cử nhân. Sau đó là 2 năm ứng sinh, 2 năm học triết học tây phương, rồi 1 năm đi giúp xứ. Tiếp theo là 4 năm thần học, cuối cùng là 1 năm đi giúp xứ trước khi được thụ phong linh mục. Tổng cộng là 14 năm, tính từ đại học trở lên.

Nói cách khác, các linh mục ngày nay đã nhận được một nền giáo dục đầy đủ cả đời lẫn đạo, đã được thử thách một thời gian dài đủ để có sự lựa chọn chín chắn, tự do trước khi chọn đời sống tận hiến linh mục tại VN.

Như thế, việc góp ý ... có còn cần thiết nữa hay không?

Theo tôi thì vẫn còn cần thiết, vì những lý do sau đây: muốn phát triển Đạo ngày càng tốt hơn thì phải không ngừng canh tân đường lối giáo dục và tìm ra được những yếu tố nhân văn và siêu nhiên làm điểm tựa mới cho linh mục. Và đặc biệt, vì tôi không bao giờ quên được những lời chỉ dạy trực tiếp của Đức cố Hồng Y Trịnh văn Căn và của một vài vị Giám Mục nữa, là: phải đóng góp ý kiến xây dựng cho Giáo hội Công giáo VN khi có thể được, để Giáo hội ngày càng phát triển tốt hơn, đúng với ý Chúa hơn. Như vậy, đóng góp ý kiến xây dựng luôn luôn là cần thiết... Riêng tôi, tôi xin đóng góp ý kiến về 4 vấn đề liên quan đến câu hỏi “Làm thế nào để trở thành linh mục tuyệt vời cho Giáo hội Công giáo VN ngày nay?” như sau:

- Làm thế nào để các bài giảng của các linh mục VN ngày chủ nhật có chất lượng cao hơn.

- Làm thế nào để các bài viết của các linh mục VN trên các website đây đó được sâu sắc hơn.

- Làm thế nào để các lời phát biểu về những vấn đề đạo-đời của các linh mục VN ở những nơi công cộng, ở các bàn hội nghị thể hiện được đầy đủ bản chất công bằng và bác ái, công lý và hòa bình của Đạo Công giáo toàn cầu nhưng bằng cách diễn đạt mang đậm nét văn hóa VN. đầy hiền hòa, nhẹ nhàng và tế nhị nhưng lại rất hữu hiệu...trong mọi hoàn cảnh.

- Làm thế nào để các linh mục VN ngày nay sống vững vàng và sâu sắc hơn đời sống linh

mục của mình giữa lòng dân tộc.

Hơn nữa, tôi muốn đóng góp vì tôi thấy những lời đề nghị của tôi, đã đến lúc, có thể từng bước thực hiện được dễ dàng hơn những năm trước đây, vì ngày nay chính sách của Nhà Nước Việt Nam đã cởi mở rộng rãi hơn, thuận lợi hơn trước rất nhiều; vì các điều kiện vật chất của Giáo Hội Công Giáo VN cũng đã được cải thiện đáng kể hơn trước cho việc đào tạo: điều kiện học tập, ăn ở, sinh hoạt tốt hơn, bớt lo lắng về vật chất hơn, nhờ vậy chủng sinh có giờ học tập, tu luyện nhiều hơn...; và vì một lý do quan trọng khác nữa, đó là giáo dân VN ngày nay có trình độ nhận thức đạo-đời cao hơn trước nhiều, do họ tự chủ động học tập về Tin Mừng, về giáo lý thần học, theo dõi những biến chuyển của Giáo hội trên toàn thế giới nhờ những phương tiện truyền thông ngày càng thuận lợi hơn...như sách báo, các trang web, các kênh truyền hình quốc tế...vân vân...

Tóm lại, hoàn cảnh mới của Giáo hội công giáo VN, của Đất Nước VN và của toàn thể giới ngày nay rất thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng đào tạo của các linh mục và xây dựng thành công những điểm tựa mới cho các linh mục VN. Như thế, hy vọng sẽ giải quyết được phần nào những vấn đề nêu trên.

Bài này gồm hai phần:

Phần I : Xây dựng một chương trình đào tạo linh mục theo mô hình mới.

Phần II : Xây dựng một điểm tựa mới cho các linh mục.

PHẦN I

XÂY DỰNG MỘT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LINH MỤC THEO MÔ HÌNH MỚI.

Để giải quyết tận gốc 4 vấn đề cấp bách nêu trên đây: nâng cao chất lượng bài giảng, nâng cao sự sâu sắc của bài viết, nâng cao chất đạo của các lời phát biểu và nâng cao sự vững vàng và hiệu quả của đời sống linh mục, tôi xin đưa ra 3 đề nghị sau đây:

Đề nghị 1: Đề cao ý nghĩa thần học mục vụ dẫn thân (théologie pastorale engagée) trong việc giải thích Kinh Thánh .

Xin các linh mục chú trọng hơn nữa việc đề cao ý nghĩa thần học hơn ý nghĩa đạo đức học (morale) trong bài giảng, bài viết, bài phát biểu, để làm nổi bật bản chất tình yêu hy sinh, cứu chuộc của Thiên Chúa được mặc khải trong đoạn Tin Mừng, trong các bài đọc Kinh thánh khác của ngày lễ. Sở dĩ phải đề cao ý nghĩa thần học như thế là vì nhiều giáo dân ngày nay nhận xét: bài giảng của nhiều linh mục hiện nay chưa có chất lượng cao và nhiều khi thiếu "lửa" của Chúa Thánh Thần.

Trong bài này chúng tôi chỉ đề cập cách riêng đến bài giảng vì giáo dân VN thích nghe giảng hơn...Các bài viết, bài phát biểu chúng tôi sẽ đề cập tới vào dịp khác...

Bài giảng có chất lượng cao là gì?

Là bài giảng đáp ứng được, một cách sâu sắc, những yêu cầu căn bản, tiến bộ của đoạn Tin Mừng đó, nghĩa là bài giảng nhất thiết phải được xây dựng trên thần học chứ không phải chỉ trên đạo đức học. Có lẽ nhiều linh mục không ý thức được sự cần thiết tuyệt đối của việc đưa ra ý nghĩa của sự mặc khải của Chúa trong đoạn Tin Mừng, và cứ tưởng rằng giáo dân ngày nay vẫn còn "bình dân" như giáo dân nông thôn ngày xưa, nên thích rút ra từ đoạn Tin Mừng của ngày lễ, một bài học về đạo đức vì nó không cao siêu, nó dễ hiểu, dễ cảm nhận đối với người tín hữu, vì nó sát với thực tế, ít phải suy nghĩ sâu xa. Nhưng giảng như thế sẽ làm cho giáo dân cứ tưởng rằng chỉ cần sống đạo như cha giảng ở nhà thờ là đủ rồi, và giáo dân không cảm thấy cần nỗ lực xây dựng đức tin vào Lời Chúa ngày càng sâu xa hơn. Cuộc sống của giáo dân ngày nay đã được toàn cầu hóa, vì thế lòng tin vào Lời Chúa càng phải vững vàng hơn, tiến bộ hơn. Do đó, bài giảng của linh mục phải chú trọng nhiều hơn vào mặc khải của Chúa trong đoạn Tin Mừng đó hơn là vào bài học đạo đức. Mặc khải thì tuyệt đối cần

thiết còn đạo đức học thì tương đối, vì mặc khải cho ta hiểu, yêu mến, tuyên xưng, rao giảng Tình Yêu của Chúa một cách sâu sắc, đúng với ý Chúa hơn. Còn đạo đức học chỉ nêu ra nguyên nhân tự nhiên để rút ra bài học thực tế theo khuôn mẫu của sự khôn ngoan tự nhiên.

Ví dụ: rất nhiều lần được nghe đoạn Tin Mừng theo Thánh Yoan đoạn 8, câu 1 – 11, nhưng chưa lần nào được nghe giải thích ý nghĩa thần học của nó là gì, mà chỉ nghe ý nghĩa đạo đức của nó; chưa được hiểu ý nghĩa thần học của cái “bầy” nêu trong đó.

Mời các bạn đọc lại đoạn Tin Mừng nêu trên và xin các bạn nhớ lại những bài giảng mà các bạn đã nghe. Riêng tôi, nếu tôi nhớ không nhầm thì thường thường các linh mục chỉ giải thích đoạn Tin Mừng đó chủ yếu xoay vào bài học đạo đức sau đây: ta không nên kết án (ném đá) ai, vì ai cũng có tội đáng phải kết án (ném đá). Càng là người cao niên thì càng nhiều tội, và càng đáng bị ném đá trước, vì thế họ rút lui trước tiên. Tất cả họ rút lui vì sợ tội lỗi của mình cũng bị phanh phui và sợ bị ném đá. Như vậy, ý nghĩa đạo đức học của câu chuyện này là: chớ kết tội người khác vì sợ mình cũng bị kết tội. Xin nói rõ thêm rằng: không cấm dùng những câu cách ngôn để rút ra bài học đạo đức, về đạo làm người vì Chúa Giê-su đôi khi cũng dùng để nói cho người nghe dễ hiểu : “Chớ xét đoán người khác để khỏi bị xét đoán” (Mt 7: 1 – 5; Lc 6:37-38), nhưng nếu chỉ nêu bài học đạo đức thì rõ ràng là chưa đủ để giáo dân hiểu được bài giảng, hiểu được mặc khải của Chúa và rút ra được cách sống và rao giảng Tin Mừng, vì ý nghĩa đạo đức học thì bình thường, dễ hiểu, vì đạo nào cũng dạy gần như nhau. Khổng Tử cũng đưa ra những bài học về đạo đức tự nhiên của con người, khi nói: “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”. Sống theo lời dạy của đạo đức học có thể tóm tắt gọn lại như sau: Tôi không làm hại ai, đừng ai làm hại tôi. Nếu ai làm hại tôi thì tôi cũng không tha cho kẻ ấy. Tôi không “ném đá” ai thì đừng ai “ném đá” tôi. Muốn không bị “ném đá” thì đừng “ném đá” người khác....

Trong khi đó ý nghĩa thần học của đoạn Tin Mừng này cao cả hơn gấp bội. Chúa Giê-su tha tội cho người đàn bà tội lỗi này là để mặc khải cho mọi người biết rằng Thiên Chúa là Tình Yêu. Tình yêu của Thiên Chúa tự bản chất là hy sinh, tha thứ, cứu rỗi, chứ không phải là kết án, nên đã sai Con một xuống thế gian chịu chết ô nhục trên thập giá để cứu chuộc thế gian tội lỗi. Mời xem Mt 9: 13; Lc 5: 31-32. Như thế, bài học thần học của bài giảng này cho chúng ta là: Hãy tha thứ cho kẻ có tội làm mất lòng ta vì Chúa dạy ta như thế, và vì trong cõi lòng thâm sâu của kẻ đó cũng luôn luôn có sự hiện diện tiềm ẩn của Chúa. Ta tha tội cho họ và bảo họ đừng phạm tội nữa, nếu họ nghe theo, thì họ sẽ cảm nhận được dễ dàng sự hiện diện và tình thương của Chúa đang tác động trong nội tâm của họ và tự họ, họ sẽ trở lại với Chúa....

Còn khi giải thích về cái “bầy” thì cũng phải nêu ra ý nghĩa thần học của nó trong đoạn Tin Mừng. Cái bầy mà họ giảng ra cho Chúa Giêsu là: nếu Chúa nói không được ném đá người đàn bà này thì họ sẽ bắt ngài, đem Ngài đi giết vì đã chống lại luật Mai sen ; còn nếu Chúa nói phải ném đá người đàn bà này thì Chúa không còn là Đấng nhân hậu nữa (Mt 11: 25-30). Kết luận thần học: cái “bầy” đó lại trở thành “đòn bầy” cho Chúa Giêsu mặc khải: Thiên Chúa là Tình Yêu cứu độ. Vậy, bài học thần học từ cái “bầy” này cho chúng ta là: Trong mọi hoàn cảnh, hãy tha thứ cho tha nhân, đem tha nhân trở về với Chúa, sống trong ơn nghĩa của Chúa, vì trong tâm hồn của tha nhân cũng có Chúa tiềm ẩn.

Chúng ta lấy một ví dụ khác: Tin Mừng Gioan 6:1-15; Mat.14:13-21; Mc.6:32-44; Lc.9:10-17 nói về Chúa Giê-su làm phép lạ bánh hóa ra nhiều. Vậy, ý nghĩa thần học của đoạn Tin Mừng này là gì ? Thưa, Thiên Chúa là Tình thương. Chúa thương dân chúng đang đói bánh, đói Lời Chúa, cho họ ăn no nê vì Chúa coi họ là đàn chiên của Chúa. Còn đối với chúng ta, đoạn Tin Mừng đó dạy ta gì? Chúa dạy chúng ta phải thương yêu tha nhân vì tha nhân là hiện thân của Chúa Giê-su. Mời xem Tin Mừng thánh Mát-Thê-ô đoạn 25 câu 31-46. Thần học của đạo Công giáo dạy giáo dân làm phúc, tha thứ cho tha nhân vì tha nhân cũng là con cái Chúa như mình, trong tiềm năng (en puissance) hay trong thực tại (en acte) như mình, thì cũng là con cái Chúa. Còn đạo đức học thì dạy cho hết mọi người: “thương người như thể thương thân” mà thôi, nghĩa là làm phúc trên bình diện nhân loại thôi. Mà nếu thế thì người vô thần cũng làm được.

Như thế, giải thích Tin Mừng là giải thích ý nghĩa thần học của đoạn Tin Mừng đó, là bày tỏ màu nhiệm mặc khải của Chúa Giêsu. Đó mới là điểm đặc thù của đạo Công giáo. Đạo đức học thì tự nhiên, hay thay đổi theo từng thời đại, từng xã hội, chỉ đòi hỏi thực thi cái tối thiểu, không đòi hỏi cái tích cực tối đa : “đừng làm cái này...đừng làm cái kia...”. Không thể để

cho người Công giáo có quan niệm như những người ngoại đạo là: đạo nào cũng thế, cũng dạy người ta ăn ngay ở lành, tu nhân tích đức... Vì đạo Công giáo ngoài việc dạy ăn ngay ở lành, nhất thiết còn phải sống luật yêu thương, hy sinh quên mình cho tha nhân. Không có ông tổ đạo nào dạy tín đồ phải yêu thương cả kẻ thù của mình và chết vì yêu thương để giải thoát cho kẻ đó như Chúa Giêsu. Tình yêu của đạo Công giáo – tự bản chất – là phải hy sinh đến chết cho tha nhân như Chúa Giêsu đã làm. Đó là điểm siêu việt của đạo Công giáo. Linh mục, hơn ai hết, phải sống và chỉ ra cho giáo dân thấy sự vượt trội, và thực thi tình yêu-hy sinh trong đoạn Tin Mừng đó. Nếu không tìm ra lối sống theo thần học đó, chỉ sống theo đạo đức học không thôi, thì chưa phải là sống đạo Công giáo. Nếu đứng trước sự nghèo khổ đói khát của đồng loại mà không nhận ra là chính Chúa Giê-su đang nghèo khổ đói khát và không cảm thấy đau xót tủi thẹn vì mình chưa giúp gì cho họ và cứ sống phè phỡn thì chưa phải là người Công giáo đích thực. Nếu giáo dân còn đang phải cứu đói lúc giáp hạt mà linh mục vẫn vui vẻ đi “tua” du lịch cao cấp dài ngày ở nước ngoài; nếu giáo dân còn phải đi chân không trên nền đất thô lạnh của nhà thờ chưa có tiền lát xi măng mà linh mục không cảm thấy “chạnh lòng thương”(Mc 6: 34) thì linh mục đó còn phải suy gẫm Lời Chúa rất nhiều mới hy vọng dạy dỗ được giáo dân. Nếu giáo dân không được linh mục chỉ dạy, tập luyện và nêu gương sống đạo theo bản chất mặc khải của Chúa là hy sinh quên mình cho tha nhân, thì giáo dân sẽ sống đạo hời hợt và dễ bỏ đạo. Khi đó, lỗi của giáo dân cũng một phần lớn là do các linh mục vì không làm gương sáng và dạy họ am hiểu tường tận về đạo Chúa.

Bài giảng có nhiều “lửa” là gì?

Chúng ta đều biết, “lửa” ở đây là “lửa” của Chúa Thánh Thần. Bài giảng có nhiều “lửa” của Chúa Thánh Thần là bài giảng mà trong đó linh mục phải “truyền lửa yêu mến” cho người nghe. Như vậy, linh mục phải có nhiều “lửa” trước để xác tín rồi mới làm cho người nghe xác tín được, nghĩa là linh mục phải làm sao cho giáo dân cảm thấy, trong nội tâm sâu xa của mình, có sức mạnh thiêng liêng thôi thúc mình, một cách mạnh mẽ, để mình tự tích cực tìm ra con đường sống Lời Chúa, tuyên xưng lòng tin của mình vào Lời Chúa và rao giảng Lời Chúa cho tha nhân, để có thể nói với những người còn sống trong tội lỗi như Chúa Giêsu trong đoạn Tin Mừng này (Gioan 8: 11) là: “đi đi.....và từ nay đừng phạm tội nữa”, nghĩa là từ nay phải sống thánh thiện và đi loan truyền về Tình Yêu cứu độ của Thiên Chúa. Chúa Giêsu đã truyền lửa tình yêu cho người đàn bà tội lỗi sau khi tha thứ cho bà.

Như thế, bài giảng có nhiều “lửa” không phải là bài giảng trong đó linh mục dùng tài hùng biện rỗng tuếch (rhétorique) để cường điệu bài học luân lý, đạo đức tự nhiên. Lửa đây càng không phải là sự khoe mẽ văn chương hoa mỹ hay ướm át sáo rỗng để thu hút, mê hoặc người nghe trong chốc lát. Trái lại, bài giảng có nhiều lửa là bài giảng có nhiều sức mạnh của Chúa Thánh Thần thúc dục giáo dân suy gẫm Lời Chúa nhiều hơn và hăng say rao giảng Tin Mừng theo hoàn cảnh sống của mình; còn dùng thủ thuật hùng biện nói thao thao bất tuyệt nhưng rỗng tuếch, tức là không xoáy vào ý nghĩa thần học, thì chỉ làm sượng tai người nghe thôi. Người ta ùn ùn kéo tới nghe, khen lấy khen để linh mục nói hay quá, nhưng tài hùng biện hoa mỹ đó chẳng làm cho ai tin vào Lời Chúa, suy gẫm Lời Chúa, chẳng thúc dục ai tuyên xưng và rao giảng Lời Chúa. Linh mục phải truyền lửa “tình yêu của Chúa” cho giáo dân nghe giảng, như Chúa Giê-su đã làm cho người đàn bà trong đoạn Tin Mừng thánh Gioan 8:1-11.

Đề nghị 2: Xây dựng một nền thần học mục vụ dẫn thân mang tính văn hóa Việt.

Tôi thấy rất cần đưa ra đề nghị sau đây: đừng dạy một thứ thần học lỗi thời, chung chung hay quá xa lạ với văn hóa Việt. Chúng ta chỉ lấy những nét chính của thần học Kitô giáo làm nền tảng để từ đó thiết kế một chương trình học cho môn thần học mục vụ dẫn thân có tương quan mật thiết với nền văn hóa Việt. Vì như thế, Tin Mừng mới ngày càng phát triển, càng có chỗ đứng vững chắc và sâu sắc trong tâm hồn người Công giáo VN, và tâm hồn những người thiện chí và có cảm tình với đạo. Chỉ có bằng con đường văn hóa Việt chúng ta mới có thể phát huy đức tin vào Lời Chúa ngày càng sâu sắc hơn. Vì thế, đề nghị những linh mục đi du học ở các nước châu Âu, châu Mỹ về không được “búng” nguyên si nét văn minh, cách sống, cách ăn nói, cách giảng trong lễ, nền thần học, triết học của họ áp dụng vào nền văn minh của ta mà không có chọn lọc uyển chuyển, khôn ngoan vì hai nền văn minh đó rất khác với chúng ta. Chẳng hạn không dùng những câu cách ngôn, tục ngữ Âu-Mỹ dịch ra tiếng Việt để phát biểu vì chúng ta có cả một kho tàng ca dao tục ngữ. Hơn nữa, cách ăn nói của Âu-Mỹ là cách ăn to nói lớn, nói thẳng, không kiêng nể ai, cứ như cãi nhau. Đó là chưa kể còn có thể dịch sai nữa. Làm như thế là mất gốc, mất cảm tình, mọi người sẽ dần

dần xa lánh mình. Cách nói của VN là cách diễn đạt dịu dàng, từ tốn, ngọt ngào...

Thần học mục vụ dẫn thân (théologie pastorale engagée) có nhiệm vụ không ngừng tìm mọi cách in dấu ấn của Lời Chúa vào những cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam và vào những nét đặc thù của đời sống trí thức, nghệ thuật, tôn giáo của người Việt Nam ngày nay. Những tác phẩm của Hoàng Sĩ Quý, Kim Định, và nhiều tác giả nổi tiếng khác, có thể bước đầu làm tài liệu cho chúng ta tham khảo để từ đó thiết lập một chương trình giảng dạy thần học ở Đại chủng viện.

Phương pháp giảng dạy môn thần học này cũng phải thay đổi cho phù hợp với xu hướng của thời đại hiện nay. Phương pháp truyền thống là đọc – chép. Thầy đọc – trò chép, thầy giảng – trò nghe. Thầy là chính, trò là phụ. Phương pháp giáo dục mới không đặt trọng tâm nơi thầy mà nơi trò. Chủng sinh mới là người có vai trò chủ động. Thầy chỉ đưa ra một tổng hợp nội dung (synthèse de base théologique) của môn học, cung cấp thư mục (bibliographie), ví dụ môn Kitô học (Christologie). Từ đó chủng sinh của đại chủng viện phải chủ động học tập, nghiên cứu theo nhóm, có sử dụng Internet và trình bày bài nghiên cứu trước lớp bằng LCD. Vì như vậy mới cụ thể, sống động, sâu sắc hơn, dễ hiểu, dễ nhớ và có tính toàn cầu hơn.

Nói tóm lại, chúng ta phải đổi mới, thiết kế lại chương trình và phương pháp dạy và học vì chúng quá xưa rồi. Đổi mới như thế là một công trình lớn đòi hỏi nhiều công sức, thời gian và tiền của, nhưng nếu ta không từng bước thực hiện thì sẽ không bao giờ có một nền thần học mục vụ dẫn thân đậm nét văn hóa dân tộc là lý tưởng của thời đại chúng ta.

Đề nghị 3: Xây dựng môn học mới: Giáo dân học, và soạn thảo lại môn Lịch sử giáo hội công giáo Việt Nam.

Trong chương trình đào tạo linh mục, tôi thiết nghĩ đã đến lúc chúng ta phải cắt bớt, rút ngắn hay cô đọng hóa môn Triết học cổ điển của Platon, Aristote, và môn thần học của Saint Thomas d'Aquin (thế kỷ 13) để xây dựng môn học mới có ích lợi hơn nhiều, đó là môn Giáo dân học và soạn thảo lại môn Lịch sử giáo hội công giáo Việt Nam.

Lý do thì rất dễ hiểu: Linh mục là những người “quản lý” giáo dân, mà đã là người “quản lý” thì phải biết rành rẽ và có hệ thống những gì thuộc về giáo dân mới có thể giúp giáo dân sống Đạo, loan báo Tin Mừng ngày càng tốt hơn. Giáo dân mỗi nước thì có những đặc điểm văn hóa riêng, vì thế phải soạn thảo một chương trình mang tính ưu việt riêng của dân tộc VN. Chúng ta hãy bắt đầu bằng đúc kết những kiến thức về giáo dân từ xưa đến nay, ở các nước trên thế giới, từ Cựu Ước đến Tân Ước cho tới ngày nay, đặc biệt là giáo dân VN. Sau đó, chúng ta hãy biến chương trình học cũ kỹ ở Đại chủng viện thành chương trình có dấu ấn thần học-triết học tiên tiến của thời đại toàn cầu hóa đầy văn minh và tiến bộ của nhân loại. Trong chương trình học đó phải thêm môn học mới: môn giáo dân học. Chúng ta chọn ra những điểm ưu việt của môn lịch sử giáo dân (giáo dân học) trong Cựu Ước và Tân Ước, đồng thời phải can đảm loại trừ những trí thức, những phán quyết lạc hậu, lỗi thời, chậm tiến, phản tiến bộ của chương trình đào tạo cũ để thiết lập một chương trình mới vừa phù hợp với Tin Mừng, với Giáo Hội Công giáo La Mã, và được Hội Đồng Giám Mục VN. chấp thuận, vừa mang tính tiến bộ để phục vụ tối đa lợi ích của hàng giáo dân VN., cải tạo thiên nhiên để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo hạnh phúc cho cá nhân người giáo dân, cho gia đình, cho xã hội và giáo hội VN. ngày nay. Môn giáo dân học phải được xây dựng trên nền tảng thần học - kinh thánh theo chiều hướng mục vụ, dẫn thân, tiến bộ, đậm nét văn hóa dân tộc Việt hiện đại. Như vậy mới giải quyết được những vướng mắc do lịch sử giáo hội để lại về luân lý hôn nhân, về đạo đức gia đình, kế hoạch hóa gia đình, về vấn đề được dùng hay không được dùng thuốc ngừa thai...vân vân....Những vấn đề đó sẽ giải quyết được dễ dàng, thỏa đáng nếu chúng ta theo quan điểm thần học kinh thánh mới coi giáo dân là chính. Vấn đề này sẽ được bàn sâu rộng ở phần sau: Giáo dân là điểm tựa cho linh mục....

Mọi vấn đề ngày nay đều khác xa với ngày xưa, nếu chúng ta không chịu cải tiến tư duy, thay đổi lập trường, nếu cứ sợ cái tiến bộ, nếu cứ khư khư giữ lấy cái lạc hậu, lỗi thời...thì sẽ dễ dẫn đến sai lầm, tội ác...

Ngoài ra, chúng ta cũng nên sớm mau chóng thay thế vị trí của một số thánh ngoại xa xôi bằng những vị thánh người Việt đáng yêu và gần gũi hơn. Đó là điều rất hợp với tôn chỉ của Công Đồng Vatican II.

Mời coi: "Optatam totius Ecclesiae renovationem" (La formation des prêtres) đoạn 1 -std, trang 448.

Còn về môn Lịch sử giáo hội công giáo VN., chúng ta cũng phải rà soát lại xem có những gì phải sửa đổi cho phù hợp với thực tế, với sự thật, với lịch sử VN thời xưa cũng thời nay, như những tương quan giữa giáo hội với các chế độ chính trị, các tôn giáo bạn, vv...để đạo của chúng ta có thể sống chung hòa bình và phát triển bền vững giữa lòng dân tộc VN...

Có lẽ sẽ có người nói rằng chúng ta làm gì có đủ "cha giáo" chuyên viên về Triết học - thần học để tiến hành việc canh tân cải cách chương trình đó cho đại chủng viện!

Xin thưa, nếu được Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, hoặc đấng có bản quyền kêu gọi thì giáo dân Việt Nam ở trong và ngoài nước sẽ rất sẵn sàng đóng góp tài năng, tiền bạc, thời giờ của mình để cùng với các linh mục xây dựng và trình lên HĐGMVN một chương trình Triết-Thần học hoàn hảo hơn, hợp với thời đại toàn cầu hóa hơn cho việc giáo dục ở đại chủng viện tại Việt Nam ngày nay.

PHẦN 2

XÂY DỰNG ĐIỂM TỰA MỚI CHO ĐỜI SỐNG LINH MỤC.

Như mọi người chúng ta đều biết: từ trước tới nay, đời sống linh mục có 2 điểm tựa chính:

Điểm tựa 1: Lời Chúa.

Lời Chúa vừa là mục đích, vừa là điểm tựa tuyệt đối cho linh mục. Linh mục liên tục học hỏi Lời Chúa, sống Lời Chúa, tuyên xưng Lời Chúa, rao giảng Lời Chúa một cách có hiệu quả.

Đối với giáo dân thì Lời Chúa cũng là mục đích và là điểm tựa tuyệt đối, nhưng để rao giảng Lời Chúa thì giáo dân không được đào tạo chuyên sâu như linh mục.

Nhờ có Lời Chúa mà linh mục dễ trở nên thánh thiện hơn, rao giảng và chứng tá cho Chúa một cách hữu hiệu hơn, dễ vượt lên trên những thử thách, những lo toan về đời sống cơm áo gạo tiền, thắng được những áp lực, đam mê xấu, những cám dỗ tội lỗi đến từ một thế giới đầy tính thể tục như hiện nay.

Mời xem:

FP (décret sur la formation des prêtres – Concile oecuménique Vatican II – Editions du Centurion – Paris 1967, trang 445 – 468)

MVP (décret sur le ministère et la vie des prêtres – std. trang 393-444, nhất là số 18, tr.436)

Điểm tựa 2 : Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Đức Giám Mục và Linh mục đoàn của từng địa phận...

Hội Đồng Giám Mục VN và Đức Giám Mục, các linh mục địa phận là những điểm tựa quan trọng, không thể thiếu được cho các linh mục. Các linh mục dòng cũng như triều phải tuyệt đối vâng phục đường lối chung của Hội Đồng Giám Mục VN và đường lối riêng của địa phận mình, dòng tu mình vì đó luôn là điểm tựa vững chắc nhất, khôn ngoan nhất trong tổ chức của Giáo Hội.

Điểm tựa mới: giáo dân của Chúa.

Trong lịch sử giáo hội, chưa có văn bản chính thức nào của Hội Thánh dạy các linh mục phải coi giáo dân là điểm tựa, hay phải lấy giáo dân làm gốc, ngay cả trong lá thư của Đức Giáo Hoàng Bênêdictô 16 gửi các linh mục ngày 16/6/2009 cũng vậy.

Nhưng theo tôi đây là một mục tiêu quan trọng mà chúng ta phải dũng cảm tiến tới.

Tại sao?

Thưa, vì điểm tựa mới này có thể đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của Kinh Thánh, của Công Đồng Vatican II và giải quyết được những vấn đề quan trọng của linh mục ngày nay ở Việt Nam.

Muốn hiểu được tại sao điểm tựa mới, tức là giáo dân, lại có thể giải quyết được những vấn đề nêu trên, chúng ta phải tìm hiểu:

Giáo dân là ai? Giáo dân có vai trò gì?

Giáo dân giúp linh mục giải quyết được gì?

Giáo dân là ai? Giáo dân có vai trò gì trong Giáo Hội?

Giáo dân là dân của Thiên Chúa

Dân Chúa trong Cựu Ước là dân Israel.

Dân Chúa trong Tân Ước là Giáo hội Công giáo, là Hội Thánh, là thân thể mầu nhiệm của Đức Kitô, là cộng đồng các tín hữu tin vào Chúa Kitô và vâng phục Đức Giáo Hoàng ở Rôma.

Có đôi khi trong quá khứ, như thời Trung đại ở Pháp (Moyen-Age), trong thực tế, người ta coi giáo dân là hạng thứ cấp còn giáo phẩm là hạng cao cấp .

Ở Việt Nam ta trước đây, nhất là ở cuối tiền bán thế kỷ 20, ở một số nơi, có người coi chức linh mục như một chức quan và giáo dân phải vâng phục các quan đó như vâng phục quan chức của triều đình. Vì thế, mỗi lần có 1 người được thụ phong linh mục thì cả làng xóm họ hàng rước sách linh đình để vinh qui bái tổ, mổ trâu mổ bò để ăn khao. Những người đó không đón nhận tân linh mục như là "đầy tớ" của giáo dân như Chúa Giêsu vẫn coi mình là "đầy tớ" của muôn dân, mà coi việc thụ phong linh mục như là đồ cộ, đồ ông nghè, ông cử...

Dần dần, nhờ ảnh hưởng của các nhà thần học tiến bộ trên thế giới, quan niệm phong kiến sai lệch đó ở VN đã được khắc phục; nhưng nhìn chung thì người ta vẫn coi giáo dân "không bằng" linh mục vì linh mục thì độc thân và thuộc hàng giáo phẩm có quyền trên giáo dân, ví dụ: đề nghị lên Giám mục rút phép thông công, không làm lễ cưới cho, không cho rước lễ vv...

Trước đây, trong thế kỷ 20, ở Việt Nam có một nghịch lý: nhiều khi giáo dân nói đúng cũng không ai nghe, còn linh mục dù nói sai nhưng mọi người vẫn nghe. Ngày nay, giáo dân đã giải quyết được nghịch lý đó, vì giáo dân bây giờ tiến bộ hơn ngày xưa nhiều. Dần dần vai trò của giáo dân được mọi người nhận thức đúng đắn hơn.

Muốn hiểu đúng về giáo dân một cách có căn cứ, ta phải tìm hiểu chỗ đứng của giáo dân trong Cựu Ước và Tân Ước.

Giáo dân trong Cựu Ước:

Chúng ta đều biết, dân Israel trong Cựu Ước được Thiên Chúa tuyển chọn giữa nhiều dân khác (Dt7: 7; Is 41: 8), được Thiên Chúa kêu gọi (Is 48: 12) không phải vì là dân đông đúc, dân hùng mạnh, dân có tài cán gì (Dt 7: 7; 8: 17; 9: 4) mà chỉ vì Chúa yêu thương và chọn làm dân riêng của Chúa. Chúa dẫn dắt họ để mạc khải một cách tiệm tiến về Thiên Chúa cho họ, từ thời tạo thiên lập địa cho đến thời Chúa Giêsu. Như thế, giáo dân trong Cựu ước có vai trò , có sứ mạng tiếp nhận, gìn giữ một phần mạc khải của Thiên Chúa và chuẩn bị cho giao ước mới. Còn các vua chúa của Israel là những người tổ chức dân, diu dắt dân, cai trị dân, đưa dân về đất hứa.

Giáo dân trong Tân Ước:

Từ thời Chúa Giêsu đến nay, dân Chúa là Hội Thánh, gồm hàng giáo phẩm và giáo dân. Giáo phẩm và giáo dân đều có vai trò vĩ đại, cao cả hơn thời Cựu Ước, đó là tuyên xưng đức tin và rao giảng Tin Mừng cho toàn thế giới. Hàng giáo phẩm có chức vụ khác với giáo dân, có quyền hành, trách nhiệm cao hơn giáo dân, nhưng quyền hành, trách nhiệm đó không

mang tính cách cai trị như thời Đa-vít hay Mai-sen trong Cựu ước; mà trái lại, quyền hành bây giờ trong Tân Ước là quyền của "người đầy tớ", như Chúa Giêsu là đầy tớ cho mọi người. Mời xem:: Mt 11: 29; Lc 22: 27; Mc 8: 31. Người đầy tớ này được Chúa Giê-su ủy quyền "tha tội" hay "buộc tội" nhưng phải làm như Chúa, nghĩa là để cứu rỗi toàn thể nhân loại (Ac 3: 13; 18; 4: 27 vv...) chứ không để linh mục có dịp "ra oai" hoặc lớn tiếng la mắng giáo dân khi người này còn đang quì gối trong tòa giải tội...

Mời xem:

Lumen gentium, đoạn 10 – 11, std. trang 28-29

Mt 16: 24, Mt 20: 22; 26: 27; 10: 17

Lc 9: 60; 10: 1-16

Ph 2: 17; 4: 18

Rm 12: 1

Héb. 5: 15

Apoc. 1: 6; 5: 9-10

Act. 2: 42-47

Rom.12: 1

1 Pierre 3: 15

Jacques 5: 14-16

Rom. 8: 17

Col. 1:24 2 Tim. 2: 11-12

1Pierre 4: 13

Eph. 5: 32

Vân vân...

Như vậy, trong Cựu Ước và nhất là trong Tân Ước, hàng giáo phẩm và giáo dân đều cộng tác, dựa vào nhau để sống đạo, rao giảng Tin Mừng và ban bí tích. Mời coi Lumen gentium, đoạn 10, câu 4 std. trang 29, đoạn 11- câu 1; đoạn 12 câu 1-3. Nói cách khác, đạo của giáo phẩm và đạo của giáo dân đều duy nhất như nhau vì cùng có nguồn gốc từ Thiên Chúa, từ Chúa Giêsu, nhưng về mặt hành chánh, về tổ chức thì trách nhiệm và quyền hành có khác nhau, vì Hội Thánh cũng là một tổ chức trần gian. Lý thuyết đó được dựa trên những văn kiện, công đồng, Kinh Thánh, vì thế ta thấy dễ chấp nhận sự ủy quyền đó.

Nhưng, nếu dựa trên thực tế, dựa trên lịch sử Giáo Hội ở nhiều nước Âu-Mỹ... thì nhiều khi hàng giáo phẩm phạm sai lầm khi lạm dụng quyền "buộc tội" trong việc "cai trị" Dân Chúa vì không biết dựa vào giáo dân, nghe giáo dân... Ví dụ: vụ Ga-li-lê, vụ Copernic bị Giáo Hội lên án năm 1663. Mãi đến năm 1992 Giáo Hội mới thấy mình sai và phục hồi danh dự cho các nhà khoa học đó.

Ngày nay, ở VN, đôi khi vẫn còn trường hợp linh mục thiếu lương tâm, lạm dụng quá đáng "quyền buộc tội" mà Giáo hội đã trao cho mình để la mắng giáo dân, bắt chẹt giáo dân, và đôi khi còn để che giấu bớt tội lỗi của mình nữa...

Như thế làm sao giáo dân còn tin tưởng thương yêu, che chở, nâng đỡ cho linh mục ?

Vậy giáo dân giúp linh mục được gì?

Trước hết, giáo dân giúp linh mục về tiền xin lễ, tiền đóng góp. Điều đó quá hiển nhiên, ai cũng biết, và linh mục xứng đáng nhận tiền đó, Nhưng giáo dân còn giúp linh mục được

một điều rất đáng kể nữa, đó là : tư vấn cho linh mục.

Thật vậy, ngoài nhiệm vụ là lá chắn che chở cho các linh mục khỏi "tà ma" "quỉ dữ" luôn tìm mọi cách hãm hại linh mục, giáo dân còn có vai trò chiến lược là TƯ VẤN CHO LINH MỤC. Điều đó hợp với sự khôn ngoan tự nhiên và siêu nhiên vì, nếu hơn ai hết, linh mục cần tư vấn lương tâm mình hàng ngày trước Lời Chúa, thì linh mục cũng cần được tư vấn cả trong lãnh vực "cai trị" Dân Chúa nữa. Tư vấn cách nghiêm túc và được tư vấn cách khôn ngoan là yêu cầu không thể thiếu của linh mục, "Người tôi tớ Yahvê" . Trong xứ đạo, cần lập ra Ban tư vấn cho cha sở, cha phó, nên để giáo dân trong giáo xứ đề nghị hay bầu ra và được cha sở, cha phó chấp thuận. Như thế mới đem lại nhiều lợi ích khách quan cho cha sở, cha phó.

Điều này rất hợp với Công Đồng Vatican II. Mời xem: décret sur la formation des prêtres, mục số 10, std. trang 458.

Và hợp với tình hình thực tế của Giáo hội VN. vì ngày nay có nhiều giáo dân rất tiến bộ. Vì thế việc giáo dân làm điểm tựa tư vấn cho linh mục chính-phó xứ là rất có lợi. Nếu linh mục lấy giáo dân làm điểm tựa hợp lý thì có lợi cho cả giáo xứ và Giáo hội.

Ở xứ đạo B. Sài Gòn 3, cha sở đã cầu nguyện, suy nghĩ, tham khảo nhiều ý kiến và đã thành lập được Ban tư vấn mục vụ của giáo xứ. Từ đó Cha sở và Ban tư vấn đã chung sức nâng cao đời sống đạo của giáo xứ một cách rõ rệt, như kêu gọi mọi người trong xứ đóng góp để xây dựng nhà giáo lý. Cha đã xung phong đóng góp 100 triệu đồng là số tiền gia đình vừa cho cha, và cha còn đóng góp thêm nhiều đợt cùng với giáo dân nữa. Số thu chi rất minh bạch nên giáo dân rất phấn khởi chung tay đóng góp. Vì thế, xứ đạo đó đã xây dựng được không phải một nhà giáo lý mà là một dãy nhà đẹp để kang trang để tổ chức nhiều sinh hoạt cho giáo xứ. Lòng quảng đại hy sinh của cha sở như men làm dậy bột để xứ đạo đó thành công ngoài sự mong đợi. Như thế, cha đã tin vào giáo dân và lấy giáo dân làm gốc, làm điểm tựa, làm mục đích phát triển đời sống đạo cho toàn giáo xứ.

Một hình thức khác của việc lấy giáo dân làm gốc, làm điểm tựa, đó là cha sở đi đến nhà thăm giáo dân, tham khảo ý kiến giáo dân. Phương pháp này cũng rất hữu hiệu. Tôi từng chứng kiến một cha sở ở vùng cao, thường khi ăn bữa tối xong là cha khoác áo, chống gậy đi thăm nhà giáo dân. Từ đó, cha nắm được hết những khó khăn vật chất, tinh thần cũng như tiềm năng của giáo dân. Cha đã kêu gọi được những giáo dân có kinh nghiệm, có lòng quảng đại hy sinh cùng cha tổ chức những lớp học giáo lý thần học, và phát triển kinh tế cho giáo xứ, sửa sang nhà thờ đẹp để kang trang, nhà giáo lý, mở công ty, mở nhà nội trú cho học sinh nghèo. Vì thế, xứ đạo ngày càng tin tưởng cha, sống đạo trong tin yêu, đoàn kết, và xứ đạo không ngừng phát triển cả về đạo lẫn về đời.

Nói tóm lại, để trở thành linh mục hữu ích cho giáo hội công giáo VN ngày nay, linh mục phải thấm nhuần một nền thần học mục vụ dẫn thân (Théologie pastorale engagée...), tiến bộ và mang đậm nét văn hóa Việt. Như thế, trong bài giảng, linh mục mới chỉ ra được cho giáo dân thấy cái cốt yếu của Mạc Khải: Thiên Chúa là Tình Yêu thay vì chỉ nêu ra nguyên lý đạo đức học như vẫn thường làm; ngoài ra linh mục còn phải được đào tạo kỹ về hai môn học : môn Giáo dân học và môn lịch sử công giáo VN, để ý thức được vai trò, trách nhiệm, khả năng của giáo dân trong việc đóng góp công sức, tài năng, điểm tựa cho linh mục, cho giáo xứ và giáo hội.

Nói cách khác, giáo dân xứng đáng là điểm tựa cho linh mục, vì giáo dân, trên thực tế, có "trăm mắt, trăm tai, trăm tay", dám nói, dám làm, rất tiến bộ, và nhất là không ngừng biết tự tu luyện, học hỏi về giáo lý thần học, thường xuyên tiếp xúc, tham khảo kinh nghiệm sống đạo trên toàn cầu...trong khi đó một số linh mục ngày nay thiếu căn bản về nhiều mặt, nhất là về giá trị nhân văn, về thần học mới, về kinh nghiệm lấy giáo dân làm điểm tựa, nên đã gây ra nhiều điều đáng tiếc, vv...Mời xem thư của Đức Giáo Hoàng Bê-nê-đíc-tô 16 gửi các linh mục trong ngày khai trương năm linh mục, Vatican ngày 16/6/2009, trong đó có câu: "Bất hạnh thay, cũng tồn tại những hoàn cảnh, không bao giờ lấy làm tiếc đủ, mà chính Giáo hội phải chịu vì sự bất trung của một số thừa tác viên của mình. Và đối với thế giới, đó là một cái cơ gương mù và khước từ, ...vân vân..."(Vô xuân Tiến chuyển ngữ).

Đó là chưa kể những linh mục "làm công" (Gioan 10:1-16), những linh mục "tiên tri giả" (Mat.7:15-20; Giê-rê-mi 23:11-15), những linh mục "chăn chiên giả" (Giê-rê-mi 23:1-6) vẫn đôi khi còn xuất hiện đây đó trên đời thường, trên Internet....

“Trăm mắt, trăm tay, trăm tai” của giáo dân sẽ giúp linh mục tự làm chủ được đời mình một cách hữu hiệu hơn trước những thách thức, khủng hoảng về đức tin, đức ái, đức cậy...

Đôi lời kết luận

Để kết luận bài này, tôi thấy rằng nếu hàng giáo phẩm VN. không đi sâu đi sát với giáo dân, không lấy giáo dân làm gốc, làm điểm tựa thì e rằng sau này giáo dân cũng sẽ xa rời hàng giáo phẩm và chỉ còn sống đạo “vật vờ” như đa số giáo dân ở châu Âu, châu Mỹ hiện nay. Họ sẽ bỏ Nhà thờ, bỏ các linh mục. Họ vẫn còn tin vào Sứ điệp Tình Yêu của Chúa Giê-su, nhưng không còn tin vào những giáo huấn của giáo hội nữa. Họ cho rằng nhiều giáo huấn đã lỗi thời, lạc hậu, phản tiến bộ mà giáo hội không chịu sửa đổi lại. Vì thế, họ cũng không tin vào hàng giáo phẩm nữa và lúc đó thì hàng giáo phẩm cũng sẽ lao đao.

Một nguyên nhân khác khiến giáo dân sẽ bỏ nhà thờ là: Như chúng ta đều biết, từ xưa đến nay, từ thời Cựu ước đến thời Tân ước và cho đến cuối thế kỷ 20, nguyên nhân đầu tiên làm cho giáo dân, không kể những trẻ em, theo đạo là vì muốn tìm được cơ hội để thỏa mãn một nhu cầu vật chất, tinh thần hay tâm linh nào đó, ví dụ nhu cầu được hạnh phúc. Họ theo đạo, giữ những điều răn của đạo là để được hạnh phúc. Họ được linh mục cho biết rằng hạnh phúc đó là hạnh phúc ở đời sau, tức là thiên đàng. Và họ tin như vậy. Họ ráng chịu mọi sự đau khổ đời này để được lên thiên đàng ở đời sau. Nhưng từ những thập niên cuối thế kỷ 20, ở những nước phát triển như Pháp, Mỹ, đa số người dân không còn tin ở hạnh phúc đời sau nữa, vì họ lý luận như thế này: nguyên nhân của sự đau khổ là vì có ý niệm về sự hạnh phúc đời sau. Theo họ, hạnh phúc là ngay bây giờ, chứ không có ở đời sau. Hạnh phúc là niềm vui sống chan hòa trong vũ trụ, là sự hưởng thụ một đời sống an bình, phát triển, là ước gì được nấy ngay bây giờ.

Điều đó muốn nói lên rằng mọi sự ngày nay đã thay đổi hoàn toàn khác xưa. Thực tế đó đòi hỏi linh mục, giáo hội phải thay đổi cách dạy giáo lý, cách cắt nghĩa, giảng giải Tin Mừng, Thần học kinh thánh, luân lý, vv...vì chúng quá xưa rồi. Nếu giáo hội VN. không thay đổi cái nhìn thần học lỗi thời đó thì trong vài ba thập niên nữa, giáo dân cũng sẽ bỏ đạo như bên các nước Mỹ, Pháp...

Mời xem: Le Figaro, Magazine , 27 mars 2004, trang 50.

Hơn nữa, nếu hàng giáo phẩm VN không xây dựng được một nền thần học mục vụ dẫn thân mang đậm nét văn hóa Việt thì những lời giảng của linh mục sẽ mất tính sâu sắc và mau chóng bị bị lãng quên. Và lúc đó giáo dân chỉ còn sống đạo theo tôn chỉ của đạo đức học để đời sống được thoải mái, dễ dàng hơn, chứ không còn sống theo Lời Chúa đòi hỏi hy sinh tối đa cho tha nhân.

Ngoài ra, nếu Giáo hội đưa ra những phán quyết độc đoán, thiếu tính đối thoại và bác ái, thì sẽ dễ đi đến đổ vỡ, giáo dân sẽ bỏ đạo, Giáo hội sẽ bị cô lập, sẽ bị suy thoái trầm trọng. Bài học quá khứ của nước Pháp thời vua Clovis vẫn còn đó, tuy ít ai biết tới, nhưng theo tôi, lại thật đáng để chúng ta suy gẫm và điều chỉnh phương pháp tuyên xưng và rao giảng Lời Chúa tại VN ngày nay.

Xin nhắc lại để mọi người hiểu rõ hơn : Năm 482, vua Clovis của nước Pháp (thời đó gọi là La Gaule) lên ngôi, thấy nước Pháp vừa yếu, vừa nghèo, dân cư thưa thớt, lãnh thổ nhỏ hẹp, đã biết khôn khéo lợi dụng đúng lúc đạo công giáo La Mã. Ông đã xin theo đạo, cưới Clotilde là công chúa dòng họ Burgondes là người có đạo công giáo, vì thế được người đại diện của Đức giáo hoàng là Thánh Grégoire, Tổng Giám mục thành Tours chúc phúc, được Thánh Rémi rửa tội ở Reims năm 498 và được viện trợ về thực phẩm, quân sự rất nhiều. Nhờ đó, Ông đã biến nước Pháp thành một vương quốc giàu có, mạnh về quân sự, lãnh thổ thênh thang. Mời xem Histoire de France. Tác giả Jean Mathiex- Hachette Paris, 2001- trang 19-20, vv...Nhưng sau nhiều thế kỷ phát triển vượt trội hơn các nước khác, nước Pháp dần dần xa lánh giáo hội công giáo, để rồi ngày nay, như chúng ta thấy, nhà thờ của họ thì trở thành điểm tham quan du lịch, giáo dân chỉ còn mấy ông bà già đi lễ...Họ đã bỏ đạo gần hết rồi. Vì sao ? Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng nguyên nhân chính là giáo dân Pháp, từ thế kỷ 18 (thế kỷ Ánh Sáng) đến nay, không còn chịu nổi sự độc đoán của hàng giáo phẩm. Ngoài ra, vì Giáo hội Pháp không chịu canh tân thần học quá cổ xưa của Saint Thomas d'Aquin cho

kịp với thời đại, ù lì không chịu xây dựng một nền thần học mới lấy mục vụ dẫn thân đậm nét dân tộc là chủ yếu, không chịu canh tân và chấp nhận quan điểm tiến bộ lấy giáo dân làm điểm tựa, làm gốc cho đời sống của linh mục, của Giáo hội. Mời xem: Histoire de France, std., trang 56-64.

Ước mong sao Giáo Hội Công giáo VN sẽ mãi mãi phát triển bền vững đúng với thánh ý Chúa....

Trịnh Nhất Định

VỀ MỤC LỤC

GIÁO DÂN LÀM GỐC

Tác giả Trịnh Nhất Định, đã có những đóng góp ý kiến xây dựng với những nhận định và đề nghị quý báu trong bài viết "Làm thế nào để trở thành linh mục tuyệt vời cho Giáo hội Công Giáo Việt Nam ngày nay?" (dunglac.org).

Tác giả đóng góp ý kiến về 4 vấn đề:

- Làm thế nào để các bài giảng của các linh mục Việt Nam ngày chủ nhật có chất lượng cao hơn.

- Làm thế nào để các bài viết của các linh mục Việt Nam trên các website đây đó được sâu sắc hơn.

- Làm thế nào để các lời phát biểu về những vấn đề đạo-đời của các linh mục Việt Nam ở những nơi công cộng, ở các bàn hội nghị thể hiện được đầy đủ bản chất công bằng và bác ái, công lý và hòa bình của Đạo Công giáo toàn cầu nhưng bằng cách diễn đạt mang đậm nét văn hóa Việt Nam. đây hiền hòa, nhẹ nhàng và tế nhị nhưng lại rất hữu hiệu...trong mọi hoàn cảnh.

- Làm thế nào để các linh mục Việt Nam ngày nay sống vững vàng và sâu sắc hơn đời sống linh mục của mình giữa lòng dân tộc.

Để giải quyết 4 vấn đề: nâng cao chất lượng bài giảng, nâng cao sự sâu sắc của bài viết, nâng cao chất đạo của các lời phát biểu và nâng cao sự vững vàng và hiệu quả của đời sống linh mục, tác giả nêu lên 3 đề nghị:

- Đề nghị 1: Đề cao ý nghĩa thần học mục vụ dẫn thân trong việc giải thích Kinh Thánh .

- Đề nghị 2: Xây dựng một nền thần học mục vụ dẫn thân mang tính văn hóa Việt.

- Đề nghị 3: Xây dựng môn học mới: Giáo dân học, và soạn thảo lại môn Lịch Sử Giáo Hội Công Giáo Việt Nam.

Tôi đọc nhiều lần bài viết này. Chân thành cảm ơn những góp ý và đề nghị thật tâm huyết của Tác giả Nhất Định. Dựa theo tài liệu Thời sự thần học số 14 tháng 12/98 và Hợp tuyển thần học số 34, chủ đề: Giáo dân trong Hội Thánh (htth.org), tôi trình bày thêm "vai trò Giáo dân" theo Giáo huấn của Giáo hội.

Giáo hội là một tổ chức phẩm trật nhưng Giáo hội cũng còn là một tổ chức bao gồm mọi thành viên có những vai trò năng động. Những thành viên này, tuy không thuộc về phẩm trật, nhưng dưới sự hướng dẫn của các mục tử, họ tham gia vào cùng một chương trình cứu độ. Đó là Giáo dân, thành phần năng động của Giáo hội. Do Bí Tích Rửa Tội, Giáo dân được tháp nhập vào Thân Thể Chúa Kitô, được tham dự vào sứ mệnh của Người là Tư Tế, Tiên Tri, Vương Giả (1Pr 2,6). Do đó họ là những chi thể sống động của Nhiệm Thể Chúa Kitô tức là Giáo hội. Do ấn tích Rửa tội và Thêm sức, Giáo dân có quyền và có bổn phận tham gia vào hoạt động "bí tích" của toàn thân mình Chúa Kitô với những hình thức khác nhau.

Hiến chế tín lý về Giáo hội số 33 đã nói về vai trò giáo dân : *Nhiệm vụ của mọi Giáo dân là làm cho ý định cứu độ của Thiên Chúa ngày càng lan tới tất cả mọi người ở mọi nơi và mọi thời đại. Vì thế, khắp nơi phải mở đường cho họ tích cực tham gia vào công cuộc cứu độ của Giáo hội, tùy sức lực họ và tùy nhu cầu của thời đại.*

Giáo hội có những giáo huấn về vai trò người giáo dân.

1. Giáo dân theo Công Đồng Vatican II

Sự phát triển của các phong trào tông đồ giáo dân cùng với sự xuất bản những tác phẩm suy tư thần học về vai trò của giáo dân trong Giáo hội là những bước dọn đường cho Công đồng Vatican II. Công đồng đã đánh dấu một bước tiến về thần học giáo dân, khi trình bày các giáo dân có một ơn gọi và sứ mạng. 16 văn kiện của công đồng đều đề cập xa gần đến các giáo dân. Cách riêng một sắc lệnh được dành để bàn về hoạt động tông đồ của giáo dân "Apostolicam Actuositatem".

Hiến chế "Ánh Sáng Muôn Dân" mở đầu với chương I trình bày mẫu nhiệm Giáo hội trong chương trình cứu rỗi. Chương II với tựa đề Dân Thiên Chúa, bàn đến phẩm giá và ơn gọi của tất cả các phần tử của Giáo hội. Chương III bàn về phẩm trật được đặt làm mục tử Dân Chúa. Chương IV mang tựa đề là "Các Giáo dân".

- Số 30 nói về vai trò của giáo dân là góp phần cùng với các mục tử vào sứ mạng cứu rỗi nhân loại của Giáo hội. Vai trò của các mục tử là phối hợp các tác vụ và đặc sủng khác biệt sao cho tất cả đều cộng tác vào việc chung. Giáo hội là một thân thể gồm bởi nhiều bộ phận liên kết chặt chẽ với nhau, mỗi phần tử đã nhận lãnh năng lực từ Đức Kitô, và mỗi phần tử đều có vai trò tích cực trong việc xây dựng thân thể. (Ep 4,15-16).

- Số 31 trình bày phẩm giá và ơn gọi của giáo dân trong Giáo hội. Có hai điểm đáng lưu ý như sau :

a. Về mặt từ ngữ, Công đồng muốn phân biệt hai danh từ "tín hữu, Kitô hữu" (fidelis, christifidelis) và "giáo dân" (laicus). Từ "tín hữu" có ý nghĩa rất rộng, bao hàm hết mọi phần tử của Giáo hội, những người được sát nhập vào thân thể của Đức Kitô nhờ bí tích rửa tội. Các giám mục, linh mục, tu sĩ cũng là tín hữu.

b. Các "giáo dân" là một hàng ngũ tín hữu, khác với hàng ngũ giáo sĩ, tu sĩ. Ơn gọi của các giáo dân là đi tìm Nước Chúa qua việc quản lý các thực tại trần thế và quy hướng chúng theo chương trình của Thiên Chúa. Môi trường sống đạo của các giáo dân là trần thế. Cả ba hàng ngũ cùng hợp tác với nhau để thi hành một sứ mạng chung của Giáo hội, tùy theo ơn gọi riêng của từng hàng ngũ. Hàng giáo sĩ chuyên về các hoạt động thuộc chức thánh. Hàng tu sĩ làm dấu chỉ của thế giới mai sau. Các giáo dân được mời gọi mang Phúc âm vào các thực tại trần thế "như men từ bên trong, họ thánh hoá thế giới bằng thi hành những nhiệm vụ của mình".

- Số 34-36 nói về đường lối nên thánh của giáo dân trong những hoạt động theo cách thức thông dự vào ba chức vụ tư tế ngôn sứ và vương giả của Đức Kitô.

a. Người cho họ dự phần vào chức tư tế để họ thực hành việc phụng thờ thiêng liêng hầu tôn vinh Thiên Chúa và cứu rỗi loài người... Mọi hoạt động, kinh nguyện và công cuộc tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, công việc làm ăn thường ngày, việc nghỉ ngơi thể xác và tinh thần, nếu họ chu toàn trong Thánh Thần, và cả đến những thử thách của cuộc sống, nếu họ kiên trì đón nhận, thì tất cả đều trở nên của lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Đức Giêsu Kitô (1Pr2,5)... Giáo dân thánh hiến thế giới này cho Thiên Chúa nhờ biết phụng thờ Ngài bằng hành động thánh thiện khắp nơi. (số 34)

b. Chúa Kitô, vị Tiên Tri cao cả... đã chu toàn chức vụ tiên tri không những nhờ hàng giáo phẩm mà còn nhờ các giáo dân... Như những bí tích của luật mới, là của ăn nuôi dưỡng đời sống và hoạt động tông đồ của tín hữu, tiên báo trời mới và đất mới thế nào (x. Kh 21,1), thì giáo dân cũng mạnh mẽ loan báo lòng tin vào điều mình trông đợi như thế (x Dt 11,1). Công cuộc rao giảng phúc âm đó, nghĩa là sự loan báo Chúa Kitô bằng đời sống, chứng tá và lời nói, mang một sắc thái và hiệu quả đặc biệt vì được thể hiện trong những hoàn cảnh của trần gian... Giáo dân phải khéo léo tìm hiểu sâu xa hơn chân lý Chúa mạc khải và tha thiết

nài xin Thiên Chúa ban ơn khôn ngoan cho mình. (số 35)

c. Chúa Kitô đã vâng lời cho đến chết, và vì thế Người được Chúa Cha tôn vinh (x.Ph 2,8-9), và đã vào trong vinh quang nước Người. Mọi vật đều suy phục Người, cho đến khi Người cùng với mọi tạo vật suy phục Chúa Cha, để Thiên Chúa nên tất cả mọi sự (x.1Cor 15,27-28). Người cũng thông ban cho các môn đệ quyền bính đó để họ được hưởng sự tự do vương giả, và chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi họ, bằng một đời sống từ bỏ và thánh thiện (x.Rm 6,12)...Nhờ khả năng chuyên môn trong những việc trần thế, nhờ các hoạt động của họ, những hoạt động được ân sủng Chúa Kitô nâng lên bậc siêu nhiên, giáo dân hãy đem toàn lực hợp tác để nhờ lao công con người, kỹ thuật và văn hoá nhân loại khai thác những của cải được tạo dựng hầu mưu ích cho mọi người và phân chia cân xứng hơn giữa họ theo ý định của đấng Tạo Hoá và sự soi sáng của Ngôi Lời Ngài. (Số 36).

2. Từ Công đồng Vatican II đến Thượng Hội Đồng Giám Mục 1987

Giáo dân có ơn kêu gọi phục vụ Nước Chúa trong thế gian, bằng việc sử dụng các thực tại trần thế theo chương trình tạo dựng và cứu chuộc của Thiên Chúa. Tuy nhiên, có những vấn nạn đã được nêu lên. Phải chăng có sự phân chia lãnh thổ: các giáo sĩ lo công chuyện của Giáo hội (việc đạo), còn các giáo dân lo chuyện thế gian (việc đời)? Lấy gì làm ranh giới phân chia các lãnh vực đó? Các tu sĩ tham gia vào các việc đời (giáo dục, y tế, và những công tác xã hội nói chung) chứ đâu phải chỉ tối ngày đọc kinh trong Nhà thờ? Các giáo dân cũng được mời tham gia vào các công tác tông đồ mục vụ (huấn giáo, phụng vụ) nữa, chứ đâu phải chỉ lo chuyện làm ăn buôn bán? Như vậy thì có nên dùng “đặc tính trần thế” như tiêu chuẩn để định nghĩa ơn gọi và sứ mạng của giáo dân hay không?

Cha Yves Congar là một nhà tiên phong về thần học giáo dân qua tác phẩm “Jalons pour une théologie du laicat” (1953), với những luận cứ : Các giáo dân lãnh nhận một sứ mạng làm tông đồ do Bí tích Rửa Tội và Thêm Sức, chứ không phải là do hàng giáo phẩm uỷ thác. Các giáo dân mang sứ mạng sống ơn gọi Kitô hữu giữa môi trường trần thế. Tất cả Giáo hội đều được sai vào trần thế; do đó tất cả mọi tín hữu (Giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân) đều vừa thuộc về Giáo hội vừa được sai vào trần thế. Sự khác biệt giữa các hàng ngũ không dựa trên môi trường hoạt động cho bằng dựa trên những tác vụ khác nhau. Do đó, vấn đề quan trọng không phải là tìm cách xác định vai trò của giáo dân cho bằng xác định tác vụ của các giáo sĩ khác với các tín hữu khác ở chỗ nào (Ministères et communion ecclésiale, Paris 1971).

Đề tài của Thượng Hội Đồng Các Giám Mục họp năm 1987 (từ 1-30/10) là “ơn gọi và sứ mạng của các giáo dân trong Giáo hội và thế giới”. Có 60 giáo dân cũng được mời tham dự vào các phiên họp, và trong thời kỳ khoá họp, một số giáo dân đã được đặt lên Bàn thờ. Ngày 4/10, Đức Gioan Phaolô II đã phong chân phước cho ba thanh niên nam nữ giáo dân tử đạo: Marcel Callo (1921-1945), Pierina Morosini (1931-1956), Antonia Mesina (1919-1935). Ngày 18/10 lễ phong thánh cho 16 vị tử đạo tại Nhật (thế kỷ 17) trong đó có vài thầy giảng giáo dân. Ngày 25/10 lễ phong thánh cho bác sĩ Giuse Moscati (1880-1927).

Trong những khoá họp, các Nghị phụ tìm ra những phương thế hữu hiệu nhằm thúc đẩy các giáo dân thực thi sứ mạng của họ.

Đề tài của Thượng Hội Đồng nói đến hoạt động của các giáo dân vào lãnh vực trần thế và còn muốn cho họ tham gia vào các hoạt động của Giáo hội nữa.

3 . Tông huấn “Christifideles laici”

Dựa trên 54 đề nghị của Thượng Hội Đồng, Đức Thánh Cha đã soạn Tông Huấn “Christifideles laici” ban hành ngày 30/12/1988.

Nhìn cách tổng quát ta thấy có hai điểm nổi bật sau đây:

- Ơn gọi và sứ mạng của người tín hữu giáo dân được trình bày dựa trên mô hình Giáo hội “Mầu nhiệm – hiệp thông – sứ vụ”.

- Mô hình Giáo hội đó được gắn liền với hình ảnh Tân ước về “cây nho và vườn nho”.

a. Mô hình Giáo hội nhìn dưới ba khía cạnh “Mầu nhiệm – hiệp thông – sứ vụ” được sử dụng làm cái sườn cho ba chương đầu. Đây là lần đầu tiên mà mô hình này xuất hiện trong

văn kiện của Toà Thánh. Ý nghĩa của mô hình này được giải thích ở số 8 như sau: "Giáo hội là mẫu nhiệm bởi vì tình yêu và sự sống của Cha, Con và Thánh Thần là thuần túy hồng ân được cống hiến cho những kẻ được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần; họ được kêu gọi làm sống lại chính sự thông hiệp của Thiên Chúa và biểu lộ cùng thông truyền nó trong lịch sử (sứ vụ). Ba chiều kích gắn chặt với nhau, như văn kiện còn lặp lại ở các số 18 (sự hiệp thông là một mẫu nhiệm), số 32 (sự hiệp thông dẫn tới sứ mạng).

Dựa theo sườn đó, chương I (mẫu nhiệm) trình bày phẩm giá của tín hữu giáo dân. Bắt nguồn từ Ba Ngôi, Giáo hội là Dân Thiên Chúa, Thân Thể Của Đức Kitô, Đền Thờ Của Thánh Thần. Do Bí tích Thánh tẩy, người tín hữu được thông dự vào mẫu nhiệm của Giáo hội. Vì thế người tín hữu trở thành con của Chúa (số 11), chi thể của Đức Kitô (số 12), được thánh hiến làm Đền thờ của Thánh Thần (số 13). Đây là nền tảng của ơn gọi và sứ mạng của người tín hữu. Vì là chi thể của Đức Kitô, họ được thông dự vào ba chức phận tư tế, ngôn sứ và vương giả (số 14). Vì là Đền thờ của Thánh Thần, người tín hữu được thúc đẩy nên thánh qua việc phát triển các hoa trái của Thánh Thần (số 16).

Chương II bàn về sự tham gia của các tín hữu vào sinh hoạt của Giáo hội, được kết thành do một chuỗi những mối dây thông hiệp hữu cơ: sự hiệp thông hàng ngang giữa những tác vụ và đặc sủng đa dạng (số 21-24); sự thông hiệp hàng dọc từ những cộng đoàn địa phương lên tới cộng đoàn hoàn vũ (số 25-27).

Chương III nói tới sứ vụ. Các tín hữu được sai đi để mang Tin mừng vào các môi trường xã hội: từ những nơi chưa hề được nghe giảng Tin mừng cho đến những nơi thờ ơ lãnh đạm với đạo nghĩa. Việc rao giảng Tin mừng bao gồm sự phục vụ phẩm giá con người, cách riêng, là bảo vệ nhân quyền (số 37). Vài môi trường đặc biệt đang cần sự dẫn thân của các giáo dân là: gia đình (số 40), các công tác bác ái từ thiện (số 41), hoạt động chính trị (số 42), đời sống kinh tế xã hội (số 43), văn hoá (số 44).

b. Mô hình về Giáo hội được gắn với hình ảnh về cây nho và vườn nho. Hình ảnh này được sử dụng làm tựa cho 5 đề mục của văn kiện:

- Thầy là cây nho, các con là ngành (phẩm giá);
- Tất cả là cành của một cây nho (thông hiệp);
- Thầy đã để các con ra đi và mang về hoa trái (sứ mạng);
- Các người được gọi vào làm việc trong vườn nho (những ơn gọi khác nhau);
- Ngõ hầu các con mang lại hoa trái hơn nữa (việc đào tạo huấn luyện).

Ý nghĩa Kinh thánh về vườn nho và cây nho được Tông Huấn giải thích ở số 8 (Cựu ước: Giêrêmia 2,21; Êdêkiel 2,21; Isaia 5, 1-2; Marcô 12,1). Cách riêng, hình ảnh vườn nho lấy dụ ngôn ở (Mt 20, 1-16) nói tới sự mời gọi vào làm việc trong vườn nho như muốn nêu bật tính cách hồng ân của mọi tác vụ và linh ân: Chúa kêu gọi mỗi người vào một giờ khác nhau và trao cho họ một công tác khác nhau; bởi vậy không nên phân bì ghen tương nhau làm chi (số 45). Hình ảnh cây nho dựa theo chương 15 của Phúc âm theo thánh Gioan. Hình ảnh cây nho và vườn nho bổ túc thêm cho những ý niệm về Giáo hội là "Dân Thiên Chúa, Nhiệm thể Đức Kitô, Đền thờ Thánh Thần". Số 16 viết rằng: "Giáo hội là vườn nho ưu tuyển, nhờ đó mà các cành nho được sống và tăng trưởng do chính nhựa sống thánh thiện và thánh hoá của Đức Kitô. Giáo hội là thân thể huyền nhiệm, trong đó chi thể thông dự vào đời sống thánh thiện của Đầu tức là Đức Kitô. Giáo hội là hiện thể yêu dấu của Đức Giêsu, Đấng đã hiến mình để thánh hoá nó. Chúa Thánh Thần xưa kia đã thánh hoá Đức Giêsu trong cung lòng trinh khiết của Đức Maria cũng là Thánh Thần đang ngự và tác động trong Giáo hội, ngõ hầu thông chuyển sự thánh thiện của Con Thiên Chúa làm người".

Người tín hữu giáo dân được mời hãy kết hợp chặt chẽ với Đức Kitô như cành với cây nho; nhờ việc kết hiệp đó mà họ sẽ mang lại nhiều hoa trái. Việc sinh hoa trái bao hàm sứ mạng ra công làm việc, ngõ hầu cánh đồng thể giới trở thành vườn nho của Thiên Chúa, nghĩa là sao cho các môi trường nhân sinh được thấm nhiễm tinh thần Phúc âm.

Như thế, Tông Huấn "Christifideles laici" đã trình bày thần học về ơn gọi và sứ mạng củ Giáo dân trong bối cảnh Giáo hội sinh động vừa hướng đến sự nên thánh bằng việc kết hiệp

thâm sâu với Chúa, vừa hướng tới sứ mạng giữa nhân loại.

Linh mục F.Gomez Ngô Minh, phụ trách “Hợp tuyển thần học”, đã đánh giá cao vai trò giáo dân trong thời đại hôm nay : Bởi có kiến thức đầy đủ và được đào tạo chu đáo, giáo dân ngày nay không những còn ngại ngùng, mà hơn nữa, còn mạnh mẽ dấn thân vào trong các công tác tông đồ và hành chánh của Giáo hội. Không thiếu gì giáo dân đích thân đứng ra thành lập các phong trào hoặc hội đoàn tông đồ hay đạo đức. Và hiện nay, cũng không thiếu gì giáo dân đang đứng đầu dẫn dắt các cộng đoàn giáo xứ. Và trong khắp thế giới, đại đa số các giáo lý viên đều là giáo dân: họ là những thầy giáo khai tâm, có sứ mạng gieo hạt giống Lời Chúa vào lòng các thế hệ trẻ. Hơn bao giờ hết, hiện giờ giáo dân đang ý thức rõ về quyền lợi và nhiệm vụ của mình trong cộng đoàn Giáo hội; đó là một ân huệ của Thần khí. Nếu thế, thì đã có đủ cơ sở vững vàng để hy vọng là tương lai của giáo hội sẽ rực rỡ hơn.

Giáo dân thường được mệnh danh là tác nhân đặc thù khai lối cho con người đến với siêu nhiên, và là những công nhân đầu tiên xây dựng cuộc gặp gỡ Thiên Chúa và con người. Như thế, Giáo dân là người “ làm cho thế giới sống như linh hồn làm cho thân xác sống” (LG số 38).

Linh mục là những người “quản lý” giáo dân, mà đã là người “quản lý” thì phải biết rành rẽ và có hệ thống những gì thuộc về giáo dân mới có thể giúp giáo dân sống Đạo, loan báo Tin Mừng ngày càng tốt hơn. Giáo dân mỗi nước thì có những đặc điểm văn hóa riêng. Vì thế cần phải soạn thảo một chương trình mang tính ưu việt riêng của dân tộc Việt Nam. Môn giáo dân học được xây dựng trên nền tảng Thần Học - Kinh Thánh theo chiều hướng mục vụ, dấn thân, tiến bộ, đậm nét văn hóa dân tộc Việt hiện đại (Nhất Định).

Cám ơn tác giả Trịnh Nhất Định và ước mong được đọc thêm những thao thức, những ý kiến đóng góp xây dựng của tác giả.

Lm Giuse Nguyễn Hữu An

VỀ MỤC LỤC

AI MUỐN THEO TÔI, PHẢI TỪ BỎ MÌNH, VÁC THẬP GIÁ MÌNH HẰNG NGÀY MÀ THEO (LC 9,23)

Điểm nhấn: ... Không thể nhìn ngắm và khám phá Đức Giêsu mà không thấy thập giá. Thập giá gắn liền với sứ mạng cứu độ của Đức Giêsu – và do đó cũng gắn liền với sứ mạng và số phận của người môn đệ. Nhưng nếu thập giá đã là hòn đá vấp phạm cho người Do Thái, thì nó vẫn có thể còn là hòn đá vấp phạm cho con người hôm nay, kể cả cho các Kitô hữu. Vì thế, không bao giờ là thừa những cố gắng thâm nhập sâu hơn vào ý nghĩa của thập giá – để gạn đục khơi trong...

1. Thái độ của Đức Giêsu trước sự đau khổ và sự chết

Đau khổ là cái mà không ai có thể thực sự yêu được. Thập giá, nếu hiểu như là biểu tượng của đau khổ nói chung, thì sao? Jurgen Moltmann đã bắt đầu khảo luận nổi tiếng của mình về thần học thập giá, quyển *The Crucified God*, bằng những dòng này:

“Người ta không yêu và không thể yêu thập giá. Song chỉ có Đấng chịu đóng đinh mới có thể đem lại thứ tự do có sức thay đổi thế giới – vì nó không còn sợ hãi cái chết nữa. Vào thời của Ngài, Đức Kitô chịu đóng đinh được coi như một xì-căng-đan và một sự điên rồ. Ngày nay cũng vậy, người ta cho rằng thật lỗi thời việc đặt Ngài vào vị trí trung tâm của đức tin Kitô giáo và của thần học.”

Đức Giêsu nghĩ gì về ‘số phận’ của Ngài? Như mọi người công chính, Đức Giêsu cùng các môn đệ đều chắc rằng nỗi đau khổ sẽ đến với mình. Cũng như tất cả các ngôn sứ trước kia, ngài phải tính đến trường hợp bị giết chết. Và chỉ mới đây, trong thời của Ngài, hàng ngàn người Zêlốt đã bị đóng đinh vào thập giá – nên thập giá là một cái gì khá rõ trong viễn tượng

của Đức Giêsu về chính mình.

Nhưng ở nơi Đức Giêsu, còn có một cái gì khác hẳn: Ngài đưa vào lời huấn dụ của Ngài một nguyên tố mới, theo đó sự đau khổ và sự chết đều gắn chặt với việc Nước Chúa đến: *"Phúc cho những kẻ bị ngược đãi vì sự công chính. Nước Trời là của họ. Phúc cho các người khi bị nhục mạ, khi bị ngược đãi và bị người ta vu cáo mọi sự dữ vì ta... Trước các người, các tiên tri cũng đã bị ngược đãi như thế."*

Những lời chúc phúc trên đây được tuyên bố trước tiên cho những người nghèo và những người bị áp bức, lại tuân tự ứng dụng cho bản thân Đức Giêsu và các môn đệ – do bởi Ngài và các vị ấy có lòng thương xót những người bị đè nén và liên đới với họ. Các ngài đã trở nên những kẻ bị ngược đãi và bị ruồng rẫy, là điều không thể tránh được. Muốn vào nước của những người nghèo khổ, các ngài phải từ bỏ của cải, nhà cửa, gia đình, phải từ bỏ mọi kỳ vọng về danh dự, vị thế, về sự tôn kính trong xã hội. Nói cách khác, đó là chối bỏ chính mình và chuẩn bị sẵn sàng để chịu đau khổ.

Đây là điều nghịch lý của lòng thương xót. Sự đau khổ là điều duy nhất mà Đức Giêsu quét tâm muốn trừ diệt: sự đau khổ của người nghèo và người bị áp bức, sự đau khổ của những người bệnh tật, sự đau khổ do các tai ương... Phương thức duy nhất để có thể trừ diệt mọi đau khổ này là từ bỏ mọi giá trị của thế gian và chấp nhận các hậu quả của việc từ bỏ ấy. ***Chỉ có chấp nhận sự đau khổ mới thắng được sự đau khổ trên trần gian này.***

Lòng thương xót tiêu diệt sự đau khổ bằng cách chia sẻ nỗi đau khổ của những người đang đau khổ, và nhân danh họ mà chia sẻ. Có thiện cảm với người nghèo mà không chịu chia sẻ nỗi đau khổ của họ, thì đó chỉ là một sự cảm động suông. Chúng ta không thể nào chia sẻ ân phúc Chúa ban cho người nghèo nếu không sẵn sàng chia sẻ nỗi đau khổ của họ.

Đức Giêsu còn đi xa hơn nữa. Tính nghịch lý liên quan tới đau khổ nói trên còn được Ngài nói rộng cho đến cả sự chết. Một câu cách ngôn xuất phát từ lời rao giảng của Đức Giêsu và đã trở thành nổi tiếng trong nhiều truyền thuyết: ***"Ai giữ lấy mạng sống mình thì sẽ mất. Còn ai liều mất mạng sống mình thì sẽ cứu được nó."***

Câu ấy có thể mang ý nghĩa gì? Cứu lấy mạng sống mình tức là bám vào mạng sống mình, yêu mạng sống mình, giữ lấy mạng sống mình và do đó sợ chết. Liều mất mạng sống mình là để cho nó ra đi, để cho nó rời khỏi ta để ta sẵn sàng chết. Điều nghịch lý là con người sợ chết tức là đã chết. Còn ai không sợ chết thì, ngay lúc đó, bắt đầu sống. Một cuộc sống chỉ có thể đích thực và có giá trị khi người ta chấp nhận chết.

2. Nhưng chết để làm gì?

Những vị tuần đạo như Macabê đã chết để bảo vệ lề luật, những người Zêlôt đã chết để bảo vệ quyền tối thượng của Thiên Chúa Ít-ra-en, và bao nhiêu người khác xưa nay đã chết vì mọi thứ lý do. Còn Đức Giêsu, Ngài đã không chết cho một chủ nghĩa nào. Đối với Ngài, lý do duy nhất có thể đưa chúng ta đến chỗ hiến mạng sống mình, chính là lý do đã đưa chúng ta đến chỗ khinh thường của cải, uy danh, gia đình, quyền hành – nghĩa là: chết cho kẻ khác. Lòng trắc ẩn và tình yêu thương thúc đẩy con người dám làm mọi sự vì kẻ khác. Ai tự xưng là sống cho kẻ khác mà không nghĩ đến đau khổ, chịu chết vì họ, thì kẻ ấy là kẻ nói dối, một kẻ đã chết rồi. Đức Giêsu là một con người sống viên mãn vì Ngài sẵn sàng chịu đau khổ và chịu chết – không phải cho một chủ nghĩa nào nhưng là cho con người, cho mọi người.

Vì thế, ý chí tự do của Đức Giêsu chấp nhận chết cho mọi người là một sự phục vụ – cũng như bất cứ gì khác trong đời Ngài đều là để phục vụ: ***"Vì Con Người đến không phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc cho nhiều người."*** (Mc 10,45).

Ở đây, ta có thể thấy rằng có những thái độ, tâm tình đạo đức nào đó duy chỉ quanh quẩn giữa mình với Chúa thôi, kiểu như "Lạy Chúa, Chúa yêu thương con biết bao, con biết Chúa yêu con nhiều lắm, con cũng muốn yêu Chúa nhiều, xin Chúa cho con yêu Chúa thật nhiều. Amen." Nghe khá mùi mẫn, nhưng trượt quớt! Nếu chỉ loanh quanh có vậy thì sẽ thiếu một cái gì đó rất là căn bản. Những người nghèo, những người bất hạnh ở đâu rồi?

3. Thập Giá trong linh đạo linh mục

Một ý nghĩa được gán cho cái chết thập giá của Đức Giêsu, mà chúng ta vẫn còn nói hôm nay, đó là “*để làm nguôi lòng Chúa Cha*”! Cha Bernard Haring, trong quyển “*Giáo Hội Cần Loại Linh Mục Nào?*” (Priesthood Imperiled), đã khẳng định rằng Ba Ngôi Vị – Đấng Sáng Tạo, Đấng Cứu Độ và Đấng Hiệp Nhất – cấm giết người và nhất là cấm giết người nhân danh Thiên Chúa. Giết người là tội ác ghê tởm nhất. Nghĩa là Thiên Chúa không bao giờ có ý muốn người Con nhập thể của Ngài bị giết như một nạn nhân để làm cho Ngài nguôi ngoai. Điều Thiên Chúa thật sự nhắm đến chính là sự hoà giải cho một nhân loại hoà bình và phi bạo lực – là thái độ sẵn sàng chấp nhận nguy hiểm, thậm chí chấp nhận chết trên thập giá, nếu cần, để mạc khải tình yêu vô hạn của Thiên Chúa và để cho con người thấy con đường hoà bình, chân lý và sự sống.

Chính trong viễn tượng ấy mà Đức Giêsu lên tiếng mời gọi: “*Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo!*” (Lc 9,23). Đời sống của mọi Kitô hữu, vì thế, được thử bằng thập giá. Bởi vì mọi Kitô hữu đều được giả thiết là *muốn theo Đức Giêsu*. Người linh mục và các ứng viên linh mục lại càng phải được thử bằng thập giá. Cha Alex Rebello, một chuyên viên về đào tạo linh mục, đã xếp thập giá vào vị trí số một trong 6 yếu tố của linh đạo người linh mục. Bởi vì, ngài nói, thập giá gắn không rời với Đức Giêsu – ngay cả sau khi ngài sống lại vinh quang thì các dấu vết thương tích từ cuộc khổ nạn của Ngài vẫn không bị xoá nhoà. Vị linh mục này nói tiếp: “Cám dỗ thường xuyên nơi người linh mục là kiếm tìm một Đức Giêsu không có thập giá, là hình dung một thứ Kitô giáo dễ dãi nào đó, là khao khát một thứ Tin Mừng không khổ lụy... Song nếu cố kiếm tìm một Đức Giêsu không có thập giá, người ta sẽ chỉ gặp thập giá mà không có Đức Giêsu! Nói cho cùng, sự khôn ngoan và sức mạnh của thập giá chỉ được hiểu một khi người ta đảm nhận nó và trực tiếp kinh nghiệm nó.”

4. Gợi ý suy tư – cầu nguyện:

- Đức Giêsu trước đau khổ của con người.
- Đây là giá trị của hy sinh, khổ chế, tiết độ đối với con người ngày nay, nhất là người trẻ. Còn đối với chính tôi thì sao?
- Tôi có thể vừa vác thập giá theo Chúa (x. Lc 9,23), vừa sống đời dáo (x. Ga 10,10) được không?

Lm. Giuse Lê Công Đức

VỀ MỤC LỤC

CANH TÂN SƯ PHẠM GIÁO LÝ (BÀI 5): ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP “HỌC SINH LÀ TRUNG TÂM”

Trong mấy thập niên gần đây, các khoa sư phạm không ngừng thay đổi để tìm ra phương thể dạy học hữu hiệu hơn. Nhưng ít người biết là phương pháp hoàn hảo và tối ưu đã được vị Thầy vĩ đại của mọi thời đại là Đức Giêsu đã áp dụng từ đầu Công nguyên. Đó là phương pháp lấy người học là trung tâm, giảng dạy cách sinh động bằng hình ảnh, chú ý đến nhu cầu và trình độ của họ...

I. NGƯỜI HỌC LÀ TRUNG TÂM CỦA TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

Người ta kể câu chuyện vui, trong giờ học chính trị, thầy giáo bức bối nói với sinh viên: “Này các anh chị đang đánh bài ở cuối lớp, hãy giữ im lặng như các anh chị đang ăn ở giữa lớp để các anh chị bàn đầu có thể ngủ”. Những giờ học mà nội dung vô bổ, được dạy kiểu áp đặt thì không thể có hiệu quả được.

Nội dung giáo lý tự bản chất thì phong phú, hữu ích và hấp dẫn. Nhưng giáo lý ấy được con người dạy cho con người trong môi trường xã hội và thời đại, nên dĩ nhiên cần đến những phương thể thích hợp.

Các nghiên cứu mới về sư phạm cho thấy tiến trình dạy và học sẽ có hiệu quả hơn khi

người học là trung tâm, còn người thầy chỉ đóng vai trò khích lệ và hướng dẫn. Chúa Giêsu là vị Thầy tuyệt đối, với cả uy quyền và chân lý nơi Người, Người phán Lời quyền năng để biến đổi tất cả, nhưng Người vẫn lắng nghe, chia sẻ và đồng hành khi Người giảng dạy.

Trong giờ giáo lý, Chúa Giêsu là trung tâm và là người Thầy tuyệt đối. Nhưng xét về mặt lớp học hữu hình, khi xem học sinh là trung tâm, giáo lý viên sẽ:

- lắng nghe và hiểu từng học sinh của mình,
- cho các em cộng tác vào tiến trình dạy và học bằng cách đưa ý kiến, đặt câu hỏi...
- thường xuyên thảo luận với nhau và với giáo lý viên.

Lấy ví dụ khi giáo lý viên dạy bài về Thánh Lễ. Anh chị đọc bài Tin Mừng về việc Chúa lập bí tích Thánh Thể, cho các em chia sẻ Lời Chúa vừa nghe, rồi hỏi các em về phép lạ Chúa hoá bánh ra nhiều hoặc lời Chúa tiên báo về cuộc tử nạn, có thể hỏi các em về biến cố manna trong sa mạc ngày xưa... Chắc hẳn lớp học sẽ sinh động hơn là mình anh chị đọc thoại suốt buổi.

II. DẠY GIÁO LÝ THEO PHƯƠNG PHÁP HOẠT ĐỘNG

Cách đây khá lâu, một giáo sư Hàn quốc dạy cho một nhóm thanh niên Á Châu ở Singapore về các vấn đề của giới trẻ. Mỗi buổi học ông đưa ra một vài hoạt động. Có lần ông viết lên bảng một từ tiếng Hàn, chẳng ai biết nghĩa. Rồi ông viết câu tiếng Anh sau đó: "Open it", mọi người đoán đó là cửa sổ, cửa ra vào, mắt... Rồi ông thêm vào "Open it. It's very hot in here". Vậy là ai cũng biết từ ấy nghĩa là cửa sổ. Ông bảo: "Một từ chỉ có nghĩa khi đứng trong ngữ cảnh. Vậy con người chỉ hình thành nhân cách khi sống trong cộng đồng". Hơn mười năm qua, nhiều người vẫn nhớ bài học ấy vì nó khởi đầu bằng một hoạt động.

Chúa Giêsu rao giảng bao giờ cũng với những hoạt động để làm người nghe chú ý. Người chỉ chim trời hay bông hoa để nói về Chúa Quan Phòng, Người đưa các môn đệ đến đồng lúa chín để giảng về công cuộc truyền giáo... Chúng ta không thể không bắt chước Người.

Các cô giáo dạy Anh văn cho trẻ em bây giờ hay dùng phương pháp hoạt động, đi đâu cũng linh kinh học cụ, bản đồ... Giáo lý viên cũng phải mang linh kinh trên người, trong tâm trí và có sẵn trong lớp mọi dụng cụ cần thiết cho các hoạt động trong lớp. ***Giáo lý viên đến lớp giáo lý tay không thì các em ra về đầu óc trống không.***

Chúng ta thử đưa ra một ví dụ. Các em sắp học bài "Chúa Giêsu tha tội cho em". Giáo lý viên đưa hình ảnh cành cây bị gãy và đưa con đi xa. Cho các em thảo luận và trả lời "Cành cây héo vì không với thân cây. Đứa con buồn chán vì bỏ nhà cha mẹ..." Rồi giáo lý viên đọc Tin Mừng về Người Cha nhân hậu hay về việc Chúa gọi ông Giakêu. Sau đó giáo lý viên giảng văn tắt, rồi kể những câu chuyện Phúc Âm có liên quan. Cuối giờ cho các nhóm thi kể lại các câu chuyện... Có lẽ các em sẽ hiểu và nhớ bài học hơn.

III. CÁC TRÒ CHƠI TRONG LỚP GIÁO LÝ

Chúng ta thường có thói quen hể thấy học sinh uể oải là cho cả lớp hát hay chơi trò chơi. Nhưng kiểu "chữa cháy" như thế không có lợi bao nhiêu, một là chơi xong lại căng thẳng nghe giảng dài dòng thì các em lại chán, hai là nếu trò chơi không có ý nghĩa gì liên quan đến bài học thì sẽ vô bổ. Đang dạy về đức yêu thương mà cho các em chơi trò "bắn trúng ai thì chết" chẳng hạn, là phản tác dụng vô cùng.

Do đó, trò chơi trong lớp giáo lý là cần thiết và ích lợi nếu nó bảo đảm ba điều:

- Trò chơi ấy là một phần của các hoạt động giáo lý, có chủ định và soạn kỹ trước.
- Trò chơi ấy có ý nghĩa rõ ràng, ví dụ đang dạy bài "Em là chứng nhân Tin Mừng", giáo lý viên cho các em chơi trò "Đặt người mù vượt chướng ngại vật" để các em ý thức vai trò "ánh sáng" của người mang lấy Đức Kytô khi sống trong xã hội.
- Trò chơi không mất giờ, mất sức các em nhiều, cũng không lạm dụng, theo kiểu giờ nào cũng chơi trò chơi.

Vì thế, giáo lý viên phải năng động, sáng tạo để nghĩ ra hay "chế biến" trò chơi sao cho phù hợp với bài mình dạy.

Lạy Chúa Giêsu là Thầy của chúng con, Chúa đã bảo hãy để trẻ nhỏ đến với Chúa, vì Chúa yêu thương các em với cả tâm hồn. Xin cho giáo lý viên chúng con khám phá ra gương mặt của Chúa nơi các em, để chúng con hết lòng với các em và tận tâm với sứ mạng của mình vì lòng yêu mến Chúa. Amen.

Gioan Lê Quang Vinh

VỀ MỤC LỤC

"HỒI ÔI, BÀ LÀ CHÚA BÀU CHÚNG CON..."

Quý độc giả **Ephata Và Giáo Sĩ Việt Nam** thân mến,

Những ngày tháng ngay sau biến cố 30 tháng 4, tôi lúc ấy là một thanh niên mới lớn, bỗng dưng thấy cuộc sống bị mất phương hướng, hoang mang dao động ghê gớm. Ất hẳn bố tôi cũng thấy được điều đó nơi các con trong gia đình, nhất là nơi thằng bé út, bố tôi muốn làm một điều gì đấy để dạy dỗ, để dẫn dắt con lúc tuổi bố đã già, lúc con lại đang phải đối mặt với một thực tế cuộc sống vô thần quá khắc nghiệt. Thế là một hôm ông đã gọi tôi đến, bảo ngồi xuống để hai bố con trò chuyện như hai người lớn với nhau.

Bố tôi bảo là cha mẹ nào cũng đặt nhiều kỳ vọng vào đứa con, kín đáo âm thầm trong thâm tâm, nhưng ít nhiều sẽ lộ ra ở cách đặt tên con. Muốn con trai khỏe và can đảm, người ta chọn tên Hùng, Dũng, Cường, Khang, nôm na bình dân thì gọi thằng cu Mạnh, cu Khỏe. Muốn con gái nết na thủy mỵ, người ta lấy tên Hạnh, Hiền, nhà quê thì gọi cái Ngoan, cái Dịu. Còn đối với tôi, bố đã chọn tên Uy là có ý có tứ cả đấy...

Nói rồi bố tôi lấy bút chì vẽ lên một tờ giấy mấy nét chữ Hán thật sắc xảo, bố tôi bảo đây là chữ Uy, bên trong nó có ôm lấy một chữ Nữ. Phân tích ra, Uy có nghĩa là có khả năng bảo vệ được một người con gái, một người phụ nữ.

Bố tôi chỉ nói có thế, chẳng bảo ban gì thêm, nhưng tôi hiểu: bố tôi cũng biết sức mình đã gần tàn, sẽ đến ngày Chúa gọi về; còn ông anh tôi đang ở tù không biết bao giờ mới xong án, chỉ còn biết kỳ vọng nơi chú út út trong nhà phải lo liệu cho mẹ và cho các chị, toàn là phụ nữ cả. Uy là vậy, mà Uy là phải như thế !

(Mời xem hình viết chữ "Uy" tại đây: <http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=detail&ia=6621>)

Thế rồi tôi đi tu. Trách nhiệm lo toan cho gia đình tôi chỉ mới cày được một phần nhỏ. Đến khi 32 tuổi được gọi vào Nhà Tập DCCT, tôi cứ áy náy ân hận vì mình giống như kẻ trốn đời, trút hết gánh lo cho người chị giáo viên. Không ngờ Chúa Quan Phòng, tôi đi tu mà gia đình tôi vẫn ổn định, đủ ăn, đủ sống, lại hơn hẳn lúc tôi còn ở nhà loay hoay xoay trở đủ cách.

Một lần buổi tối mừng Lễ Giáng Sinh hằng tháng theo truyền thống DCCT, ngồi vòng tròn chia sẻ với anh em cùng lớp Nhà Tập, tôi đã kể sự tích cái tên Uy của mình. Anh em lăn ra cười, trêu tôi là đi tu rồi mà còn toan tính chuyện bảo bọc che chở phụ nữ !

Cha giáo tập Phạm Gia Thụy mới tùm tùm tìm cười bảo: "Các anh đừng vội cười anh Uy mà oan uổng. Thời Thánh Tổ An Phong, đầu thế kỷ 18, Hội Thánh chưa đưa ra tín điều Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, có quá nhiều tranh cãi thần học về Mẹ Maria. Thánh An Phong yêu mến Mẹ cách đặc biệt, đã buộc các anh em DCCT khi tuyên khấn, sau Khó Nghèo – Khiết Tịnh – Vâng Phục, còn phải thêm lời khấn thứ tư, quyết bảo vệ và tuyên xưng đến cùng rằng: Đức Mẹ được ơn Vô Nhiễm Nguyên Tội. Hơn một thế kỷ sau, ngày 8.12.1854, Hội Thánh ra Tông Sắc Ineffabilis Deus tuyên tín Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội. Vì thế, bây giờ đi tu, thì không chỉ anh Uy mà tất cả các anh, cả Nhà Dòng chúng ta đều bảo vệ cho một người phụ nữ, đó là... Mẹ Maria..."

Trời ơi, đã chưa ? Được lời như cởi tấm lòng ! Mà ngẫm nghĩ, chúng ta giống như một đàn con, cứ nghĩ mình đang bảo vệ Mẹ mình, thật ra, chính Mẹ lại đang che chở gìn giữ, cứu giúp và bệnh đỡ chúng ta khỏi bao nhiêu là tai họa trong cuộc đời cả vật chất lẫn tinh thần, nhất là phần tâm linh.

Từ đây, riêng bản thân tôi, cứ tự nhủ mình tên Uy nghĩa là mình được Chúa ban cho một đặc ân trong truyền thống của Nhà Dòng, khơi nguồn từ Thánh Tổ An Phong, để mà ra công gắng sức viết, giảng, nói, làm và sống cho một người phụ nữ trên hết mọi người phụ nữ, ấy là

Mẹ Maria. Rồi cứ thế, từng năm tháng trôi qua trong chiếc áo đen cổ trắng, tôi nghiệm được câu Mẹ dặn các gia nhân trong tiệc cưới Cana: "Thầy Giêsu có bảo gì, các anh cứ làm y như vậy nhé !"

Đến một lúc Chúa Giêsu đã bảo anh em chúng tôi phải nhảy ùm vào giữa cái vũng lầy kinh khủng của tội ác nạo phá thai, chúng tôi đã vâng lời, toàn tâm toàn ý và với hết sức bình sinh để Bảo Vệ Sự Sống, coi như đi ngược với chính sách kế hoạch hóa gia đình của Nhà Nước vô thần.

Người ta rêu rao với những Trung Tâm Bảo Vệ Bà Mẹ và Trẻ Em nhưng lại đang công khai hại bà mẹ và giết trẻ em. Còn anh em chúng tôi, không lấy vợ đẻ con, nhưng lại trở thành những người bảo vệ che chở cho người phụ nữ và các cháu bé đáng thương. Tôi đã xin đặt tên "Đức Maria, Mẹ các thai nhi" cho một bức tượng Mẹ dựng ở Góc Xót Thương, nơi mỗi buổi chiều tối, hàng mấy trăm thai nhi được đưa về chờ hỏa táng và chôn cất. Đời tôi như thế là gắn chặt vào một người phụ nữ, vào nhiều người phụ nữ...

Cái tên Uy nhắc tôi điều ấy và cũng là niềm vinh dự tự hào cho tôi mỗi khi tôi được giao trình bày giảng dạy về Mẹ Maria trong các ngày Hành Hương.

Và hôm nay, mừng đại lễ Đức Mẹ Hồn Xác lên Trời, tròn đúng một năm ngày xảy ra sự kiện Bức Tường Thái Hà ở Hà Nội, ngồi ôn lại kỷ niệm, tôi nhận ra Mẹ đã cho tôi một ơn lớn lắm, quý lắm, đó là tôi đã được có mặt ngay trong buổi sáng lịch sử ngày 15.8.2008 tại Linh Địa, và sau đó thêm một lần nữa, tôi được lữ hành bình an vui tươi như ngày hội cùng với anh chị em Giáo Dân giữa một rừng gậy gộc và bình xịt hơi cay trong phiên xử ngày 8.12.2008. Trời ơi, toàn là những ngày tháng gây chấn động, gắn liền với các danh xưng, với các tín điều tuyệt vời của Mẹ.

Tôi thấm thía lạ lùng rằng Mẹ đã bảo vệ gìn giữ Đức Cha Ngô Quang Kiệt, cha Vũ Khởi Phụng và các cha các thầy DCCT Hà Nội qua bao nhiêu thời khắc nguy kịch đến tối, lại giang rộng vòng tay để ôm ấp chở che cho những người đàn ông đàn bà, cho người già và trẻ con, đã quây quần xúm xít bên Mẹ mà đọc kinh, mà lần chuỗi, mà hát vang: "Mẹ ơi, Xứ Đạo con đây, nguyện xin dâng hiến Mẹ từ đây. Xin Mẹ luôn đỡ nâng phù trì và thương dẫn dắt trên đường đi..."

Bây giờ thì lò lửa nóng bỏng của độc ác, xảo trá và bất công đang chuyển vào Miền Trung với sự kiện Tam Tòa. Lúc trước Thái Hà xa La Vang tí tắp mà Mẹ còn cầu bầu bênh đỡ, hướng chi bây giờ Tam Tòa gần hơn nhiều.

Không phải chuyện xa gần về kilômét khoảng cách địa lý, nhưng là chuyện mức độ trầm trọng của những vết thương bên ngoài lẫn bên trong, trên da thịt lẫn trong tâm hồn. Tôi tin Mẹ La Vang đã cứu và đang giúp, còn cứu và giúp cụ thể như thế nào thì chúng ta chưa biết và chưa thấy. Nhưng rồi sẽ biết và sẽ thấy...

Hơn ba mươi năm từ ngày bố tôi viết tên tôi lên giấy và giảng giải cho tôi hiểu ý nghĩa chữ Uy ôm lấy chữ Nữ trong lòng. Tờ giấy kỷ niệm ấy lạc đâu mất tìm không thấy, tôi phải mở Hán Việt Tự Điển của Đào Duy Anh, soi kính lúp rồi hí hoáy vẽ lại, không biết có sai lệch, có thiếu có thừa một nét nào không ?

Viết xong đem scan, rồi insert vào bài viết này, tôi ngừng gõ bàn phím trong một phút, nhìn nét chữ đen trên nền trắng, tôi thấy chột nao nao lòng.

Tôi thầm cảm ơn bố tôi, trước khi tôi chào đời, đã tặng cho tôi một ý nghĩa chiết tự sâu xa vận sâu vào số phận của tôi. Tôi biết ơn Thánh An Phong và Nhà Dòng đã buộc tôi vào đời bằng một cam kết thiêng liêng đối với Mẹ. Tôi biết ơn Thái Hà và Tam Tòa đã đẩy tôi đến với lời cầu nguyện phó thác hoàn toàn trong vòng tay Mẹ.

Và cuối cùng, con xin biết ơn Mẹ. Mẹ đã để cho con, cho tất cả lũ chúng con ôm lấy Mẹ vào lòng như một lũ con xúm xít bên vực Mẹ, nhưng thật ra chính Mẹ lại là một Nữ Trạng Sư bầu chữa biện hộ cho chúng con trước mặt thế gian hung dữ điên cuồng, mẹ đang giang một vòng tay lớn hơn, ấm hơn, êm hơn, dịu hơn và yêu nhiều hơn, choàng ôm lấy chúng con, cả quê hương đất nước và Hội Thánh Việt Nam khốn khổ của chúng con mà chở che hộ phù...

"Hỡi ôi, Bà là chúa bầu chúng con, xin ghé mắt thương xem chúng con..."

Lm. QUANG UY, Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, thứ bảy 15.8.2009

Hội Đồng Gia Đình là một trong những phương cách quan trọng nhất trong việc đối phó với một số những vấn đề trong một cách thể dân chủ. Nó chính là cái mà danh xưng nó muốn nói – là một cuộc tập hợp của tất cả mọi phần tử trong gia đình trong đó những vấn đề rắc rối được bàn thảo để tìm những phương cách giải quyết. Mỗi tuần, ngày, và giờ được xác định cho mục đích này. Nó nên là một phần của thói quen trong gia đình. Giờ họp không nên được thay đổi mà không có sự đồng ý của toàn thể gia đình. Mỗi phần tử đều nên hiện diện. Mọi người phải tuân giữ sự quyết định của nhóm. Vì thế, mọi người nên hiện diện để nói lên ý kiến của mình.

Mỗi gia đình nên làm ra những chi tiết cho Hội Đồng Gia Đình phù hợp với những nhu cầu của gia đình, nhưng những nguyên tắc căn bản cần phải giữ nguyên. Mỗi phần tử có quyền mang vấn đề ra. Mỗi người có quyền được lắng nghe. Cùng nhau tìm một cách giải quyết cho vấn đề và ý kiến của đa số phải được tôn trọng. Trong Hội Đồng Gia Đình, tiếng nói của bố mẹ không cao hơn cũng không mạnh hơn tiếng nói của con trẻ. Sau mỗi cuộc họp, điều đã được quyết định cần thực hiện và không có một sự bàn thảo nào sâu xa hơn nữa được phép cho tới lần họp mặt tới. Nếu ở lần tới đó được khám phá ra rằng giải pháp lần trước không có hiệu quả tốt đẹp, cần tìm một giải pháp mới, chúng ta hãy làm với câu hỏi: "Chúng ta sắp làm gì về điều đó?" Và một lần nữa, điều đó tùy thuộc vào cả nhóm quyết định.

Trong buổi họp Hội Đồng Gia Đình, bà mẹ của 8 đứa con từ 16 đến 4 tuổi, mang ra vấn đề về tình trạng buồn chán của giờ ăn tối. Con cái đến bàn ăn trễ. Ông bố xem ra giận dữ về việc chúng đến trễ và cung cách chung chung không đẹp của chúng. Sự thù hận và sự cãi và tạo nên một bầu không khí không vui chút nào. Một trong các trẻ đề nghị rằng mỗi đứa ăn trong phòng riêng và bàn ăn không ai dùng đến. Những đứa trẻ khác chấp nhận tư tưởng đó, nghĩ rằng đây là một cuộc hoàn toàn mạo hiểm để xem sao. Bà mẹ chấp nhận đề nghị đó, còn ông bố thì không. Bà mẹ hỏi vấn đề phục vụ bữa ăn phải được hoàn thành cách nào? "Mỗi người phục vụ cho riêng mình". "Còn chén đĩa thì sao? Chúng ta sẽ mang nó trở lại. Mẹ sẵn sàng rửa những bát đĩa được mang để vào bếp" bà mẹ nói thế. Ông bố đành phải đồng ý vì số phiếu được chọn là 9/1. Chiều hôm đó, khi bữa ăn tối sẵn sàng, bố và mẹ lấy bữa ăn tối, đi vào phòng ngủ, và không còn biết những người khác thế nào. Một giờ sau, bà mẹ rửa những chén bát được đặt trong bể rửa chén.

Bốn ngày sau, con cái bắt đầu phàn nàn. Chén đĩa mang lại không đủ để chúng có những chén đĩa sạch. Một đứa phàn nàn về đồ ăn hôi thối được bỏ lại trong phòng bởi người cùng chung phòng. Bà mẹ đáp trả cho mỗi phàn nàn: "Mang vấn đề ra trong buổi họp lần tới." Vào buổi họp sau đó, tư tưởng "ăn trong phòng riêng" đã bị loại bỏ một cách lẹ làng. Chúng muốn trở lại bàn ăn. Chúng cảm thấy cần có một qui luật phải được tuân giữ ở bàn ăn cho tuần tới.

Con người không thể sống chung mà không có luật lệ. Vì thế, ngay cả những đứa rất trẻ cũng cần phải tham dự Hội Đồng Gia Đình để biết những luật lệ của gia đình. Quyền chủ tọa nên được luân phiên để không riêng một ai làm chủ các buổi họp mặt. Người chủ tọa phải chắc chắn rằng mỗi phần tử trong gia đình đều có cơ hội để được lắng nghe. Nếu bố mẹ thấy rằng một lô những hành động không được thoải mái, họ cũng phải tuân giữ quyết định, chịu đựng cái không thoải mái và cho phép kết quả tự nhiên xảy ra. Con trẻ học nhiều từ những kinh nghiệm này hơn là từ những lời nói hay sự áp đặt của bố mẹ.

Bà mẹ trình bày vấn đề được gây nên bởi 2 người khách của Loan (10 tuổi) và Quang (7 tuổi). Khi cả hai đều có khách đến cùng ngày, sự rắc rối xảy ra. Con trẻ chạy ra chạy vào, chạy lên chạy xuống cầu thang, làm bắp rang, dùng coca cola, vặn tivi đến mức tối đa. Sau khi bà mẹ trình bày nỗi khổ của bà, bà nói: "Mẹ nghĩ tụi con nên thay phiên mang khách về nhà. Các con nghĩ thế nào? Bé Loan đồng ý và chọn thứ 2 và thứ 6. Cậu bé Quang ngồi nặng nề trong chiếc ghế, lấy ngón tay vẽ trên ghế. Nó không đề nghị gì. Bà mẹ hỏi nó thứ 3 và thứ 4 có được không? Cậu bé gật đầu một cách lãnh đạm. Ông bố nói: "Các con nghĩ gì về việc chạy khắp cả căn nhà?" "Những người bạn của chúng con cần phải được dạy một vài phong cách. Mẹ nghĩ các con nên nói cho bạn các con về qui luật của chúng ta, có phải vậy không?" bà mẹ xen vào. Bé Loan đồng ý, còn cu Quang thì vẫn yên lặng xem ra không vui.

Thứ 2 sau đó, Loan đưa bạn về và chúng chơi yên lặng. Quang cũng mang bạn về nhà. "Quang, xin lỗi! Hôm nay không phải là ngày em đưa khách về nhà." "Tụi em chơi ở ngoài sân nhé?" "Được rồi." Cậu bé Quang đến cửa 4 lần trong vòng nửa tiếng đồng hồ để xem chúng có thể vào trong xem tivi, ăn chút bánh ngọt, và uống chút sữa không? Mỗi lần yêu cầu chỉ được đáp trả bằng tiếng "không". Bà mẹ tình cờ nhìn ra cửa sổ một ít phút sau đó, bà thấy cậu bé đang đứng đái bên hàng rào. Bà mẹ gọi: "Quang ơi, mẹ xin lỗi nhé! Bảo bạn con đi về nhà ngay bây giờ và con phải về đây." Cu Quang hét lại: "Lỗi tại mẹ không cho con vào nhà để đi vệ sinh."

Bé Quang cảm thấy bị chèn ép bởi sự đồng minh của mẹ và chị nó. Nó không có một đề nghị nào ở buổi họp mặt gia đình vì nó nghĩ nó không có cơ hội nào cả. Tuy nhiên, nó đã đồng ý dù im lặng và rồi chọn cung cách sai lầm đó để tỏ sự thù hận của mình.

Tốt hơn, nếu bà mẹ trình bày vấn đề khó khăn của bà và sau đó nên hỏi con cái nghĩ xem có thể làm được gì. Lần đầu được hỏi thử, con cái có lẽ không trả lời vì chưa nghĩ ra một giải pháp nào. Sau khi đợi một lúc, bà mẹ có thể trình bày gợi ý của bà. Thật là tốt đẹp nếu bà đưa ra một ý tưởng dưới hình thức câu hỏi: "Các con có nghĩ rằng sẽ có ích hơn nếu chọn lấy những ngày khác không? Hoặc "Cái gì sẽ xảy ra nếu..."

Bây giờ, bé Quang có thể tỏ cho thấy điều nó cảm thấy và điều này sẽ được bàn thảo trong buổi họp tới. Bà mẹ có thể làm cho bé Quang đến tham dự nếu bà tỏ ra sự cảm thông của bà. "Mẹ lấy làm lạ bé Quang cảm thấy nó không có cơ hội. Nó xem ra không thích sự xếp đặt nhiều. Con nghĩ thế nào, Quang?"

Cần thảo luận sâu xa hơn về điều nên được làm, và bé Quang nên là người đầu tiên được hỏi để đề nghị một giải pháp. Thoạt đầu, có thể nó không muốn nói, nhưng nếu bà mẹ tiếp tục thích thú thật sự với điều nó nghĩ, nó có thể khuất phục được niềm tin sai lầm của nó và bắt đầu tham gia vào. Có thể nói được rằng đây không phải là buổi họp Hội Đồng Gia Đình nếu chỉ có bố mẹ trình bày những vấn đề và cho giải pháp. Thật ra, con cái phải được khuyến khích để đóng góp những chia sẻ cũng như những đề nghị của chúng.

Một gia đình gồm cha mẹ xuất thân từ đại học và ba đứa con gái có buổi họp gia đình. Ba đứa con gái quyết định nên mua nhà mới. Đứa con lớn nhất cho 15 đô la, đứa thứ hai biếu 10 đô la, và đứa út biếu 5 đô la. Điều này làm bố mẹ hoàn toàn lúng túng. Họ có thể làm gì? Thật khó xử và rối lên, họ đi tìm sự góp ý.

Bố mẹ cho rằng những đứa trẻ gái này không có một chút tư tưởng gì về giá cả nhà cửa. Khi con trẻ được hỏi, chúng phỏng định chỉ khoảng 30 ngàn đô la. Bố mẹ rất ngạc nhiên vì đây là một sự phỏng đoán của chúng. Bây giờ phải làm gì? Ông bố được khuyên ký cho chúng 50 đô la và bảo chúng đi mua nhà. Ông bố đã làm theo và điều này đã làm chấm dứt vấn đề.

Tuy nhiên, nếu những đứa trẻ gái này nhấn mạnh: ông bố cần chi trọn số tiền, ông có thể kêu gọi đến cảm giác công bằng. Nếu chúng hỏi: "Tại sao?" Người bố có thể nói: "Vì bố chỉ là một trong số 5 người. Tại sao bố phải chịu hết cả số tiền trong lúc mình không có đủ tiền. Bố đồng ý với ý tưởng muốn mua nhà mới, nhưng xin các con nghĩ cách làm sao để gây quỹ?"

Chúng ta có thể làm giảm bớt cảm giác bị làm rối loạn bởi những vấn đề như thế nếu chúng ta xử dụng sự tưởng tượng của chúng ta và xem thử chúng ta sẽ phải làm gì nếu con cái chúng ta là những người trưởng thành đề nghị những ý tưởng như thế. Bố mẹ có thể tường thuật một chương trình dự định và đem vấn đề ra đặt trên bàn để những người khác thảo luận.

Bí quyết của sự thành công của Hội Đồng Gia Đình nằm ở ý chí cương quyết của tất cả mọi phần tử trong gia đình muốn giải quyết một vấn đề như là vấn đề của gia đình. Đây là vấn đề chung của gia đình, vì sống chung với nhau có nghĩa là có nhiều hành động tương quan với nhau. Sự giải quyết phải là một tiến trình của gia đình khi gia đình gặp sự khó khăn. Phương pháp này xem ra tốt đẹp nhất vì nó phát triển sự trọng kính lẫn nhau, trách nhiệm hỗ tương, và nâng cao sự bình đẳng.

Lm. Lê văn Quảng, tiến sĩ tâm lý

MỆT MỎI CHÁN CHƯỜNG

Hình như khuôn mặt tôi trông có vẻ khờ khờ, thành thật, không đến nỗi gian ác cho lắm, tôi lại có "đức tính" chịu khó nghe người khác nói, nên hay được bạn bè, người quen chọn để tâm sự, để nói cho với đi những dẫn vật, bức tức, khó chịu trong lòng. Thường sau những giờ im lặng ngồi nghe như thế, tôi chỉ nói với bạn: "Anh (Chị) có thể ân hận, bất mãn, bức tức, buồn bã, ngay cả giận dữ nữa. Nhưng Anh (Chị) cố đừng để mình rơi vào tình trạng mệt mỏi, chán chường. Khi đã mệt mỏi, chán chường rồi, người ta hết còn muốn thay đổi, muốn vươn lên nữa".

Vậy mà lúc này chính tôi đang cảm thấy hết sức mệt mỏi, chán chường. Trạng thái này khiến tôi rã rời, muốn buông xuôi tất cả, mặc cho cuộc đời cuốn trôi mình đến đâu cũng được.

Mọi khi, mỗi lần cảm thấy trong người không vui, lười lỉnh không muốn làm việc, hay là bức dọc, bất mãn điều gì tôi thường bỏ chỗ làm, tìm đến một công viên vắng người, trong đó có cây cối, chim chóc, có hồ nước và những thảm cỏ mênh mông. Tôi vào đó, có thể cả ngày, nằm nghe tiếng chuyện trò của cây cối, tiếng chim ca hát, tiếng gió rì rào, tiếng hồ nước thầm thì với chính lòng nước. Tôi cũng chơi với nắng. Nắng có khi núp trong bụi cây, kẽ lá, cũng có khi chan hòa khắp cánh đồng cỏ. Nắng choàng lên tôi như một tấm chăn nhẹ mà ấm; có khi qua những tàn cây, nắng nhuộm hoa trên thân thể tôi. Vài giờ hay một ngày êm đềm như thế trôi đi, cơn bức dọc, điều bất mãn của tôi tan biến, tôi trở về với mái ấm gia đình, với chỗ làm việc, vui tươi, yêu đời như một con người hoàn toàn mới. Lần này, tôi mệt mỏi chán chường đến độ không muốn cả chuyện tìm niềm vui trong sáng ngoài công viên như đã thường làm.

Có lẽ những cái tang gần đây trong gia đình, những công việc và trách nhiệm một lúc ủa đến bao vây, những hiểu lầm to lớn từ người khác về tôi bất ngờ xảy ra, những lo lắng về cuộc sống tương lai của gia đình... khiến tôi rơi vào trạng thái này. Khi người anh cả mà tôi rất quý mến qua đời, tôi đã đứng thình lình trước quan tài còn mở nắp, nhìn anh nằm bình yên thanh thản bên trong. Tâm trạng thực của tôi lúc đó là mong muốn cũng được nằm xuống, bình yên thanh thản như anh, mãi mãi, không còn phải ngồi dậy, không còn phải sống nữa. Chính giây phút đó tôi khám phá ra rằng mình đã rơi vào tình trạng mệt mỏi, chán chường.

Trong trạng thái này, tôi đâm ra buồn bức với người khác và với chính tôi. Tôi buồn bức người khác vì có cảm tưởng mọi người xem tôi như cái... thùng rác. Khi trong lòng họ có cái gì không vui, cái gì muốn tổng khứ đi cho rộng chỗ, cái gì không đẹp muốn loại bỏ, họ kiếm tôi và vất cho tôi tất cả. Và họ ra về, vui vẻ, thoải mái vì đã trút bỏ được gánh nặng. Tôi không còn nghĩ được rằng khi bạn đến với mình, tâm sự với mình là bạn đã tin tưởng mình, đã tín cẩn trao tặng mình một phần đời của bạn, cái phần sâu kín bạn vốn cất giữ như một kho tàng riêng tư. Bạn chia cho tôi kho tàng ấy, là vì bạn nghĩ rằng, và tin rằng tôi xứng đáng để được trao tặng và cất giữ.

Tôi buồn bức với chính tôi, vì nghĩ rằng mình đã đại dột để tự nguyện làm... thùng rác. Nào có ai buộc được tôi, bắt được tôi làm cái chuyện tự nguyện này, ngoài chính tôi thôi. Sao tôi khờ thế, và... ngu thế. Làm thùng rác thì được lợi ích gì cho mình, có chăng chỉ là sự nặng lòng và càng cảm thấy chua chát vì những cái xấu của cuộc đời! Tôi không còn nghĩ được rằng khi tự nguyện nghe người khác tâm sự là tôi tập sống quảng đại, đồng thời cũng đang học một tấm gương tin tưởng và phó thác; khi nghe người khác cởi mở cõi lòng của họ là tôi đang tập đón nhận trong yêu thương và kính trọng; khi nghe người khác giải bày là tôi và người ấy đang thiết lập một mối liên hệ đầy tình người cao quý. Tôi không còn nghĩ được như thế, tôi quên hết, chỉ vì tôi đang trong trạng thái mệt mỏi, chán chường.

Ngoài kia buổi chiều đang xuống. Một chút nắng vàng lóng lánh còn sót lại trên ngọn thông cao vút. Đã có một thời, tôi rất thích cách lí luận của Xuân Diệu khi ông viết: "**chiều lên chứ chiều không xuống.**" Xuân Diệu lí luận rằng chiều mang theo bóng tối; chiều dâng bóng tối lên bao phủ mặt đất trước, rồi cứ dâng lên dần dần, cho tới khi dâng lên tới những

ngọn cây cao nhất, đó là lúc ngọn cây chỉ còn một chút nắng. Thế rồi chiều dâng lên hoàn toàn, chút nắng cũng chẳng còn trên ngọn cây, bóng tối bao trùm toàn thể cảnh vật.

Trong lúc này tôi cũng chẳng thiết đến cái chuyện "chiều xuống" hay "chiều lên" và cái lí luận của Xuân Diệu trở thành vớ vẩn. Chiều nó lên hay nó xuống thì có khác gì đối với con người! Tôi đang chán mà ? Chút ánh nắng trên ngọn cây thông kia, mọi khi tôi thấy nó như chất vàng lá dát mỏng trang điểm ngọn thông, hôm nay tôi thấy nó vàng vọt, xấu xí, làm cho ngọn thông như bị cháy xém. Tôi nằm rã rời trên giường nhìn ra cửa sổ. Cái ánh sáng nhá nhem vào buổi hoàng hôn sao mà bệnh tật và buồn thảm quá đổi. Có lẽ thà tối hẳn, cảnh vật sẽ đẹp hơn. Cõi lòng tôi cũng đang có cái thứ ánh sáng nhá nhem, lem luốc của buổi hoàng hôn ấy. Thế mà có anh chàng thi sĩ dám viết: **"Tôi đổi hai mai lấy một chiều"**, làm như buổi chiều đẹp lắm, quý lắm vậy !

Thả người trên giường trong trạng thái mệt mỏi chán chường như thế, tôi chợt nghĩ đến một bài văn ngắn của Vũ Trọng Phụng, có tựa đề *"Tâm sự cái giường hư"*. Nhà văn họ Vũ đã cho cái giường kể chuyện đời nó. Khi nó còn mới, còn đẹp, người ta chăm sóc nó, lau chùi đánh bóng nó, đặt nó một cách cẩn thận và trang trọng trong phòng ngủ, mặc cho nó những thứ khăn thứ áo thơm tho. Cái giường đã đón nhận, nâng đỡ những tấm lưng mệt mỏi. Khi đặt lưng trên cái giường sau một ngày vất vả, người ta được nghỉ ngơi và thoải mái. Nhưng rồi năm này qua năm khác, cái giường cũ đi, xấu đi, mặt giường không còn êm, chân giường không còn vững, người ta không còn thích nằm lên nó nữa nên khiêng nó vất vào kho chứa đồ dùng phế thải. Ở trong ngục tối "khó khăn nghiêng rường" ấy, cái giường than thở: *"Khi một mới, người ta có cái giường để nằm nghỉ còn khi cái giường mệt mỏi, nó biết nằm lên đâu?"*

Tôi đang mang tâm trạng cái giường hư của Vũ Trọng Phụng. Tôi đã tự nguyện, và đã được chọn làm cái giường cho nhiều người. Các bạn tôi, và cả những người trước đó tôi chưa quen biết, đã ngã lưng trên "chiếc-giường-tôi" và tìm ở đấy sự nghỉ ngơi, bình an, thoải mái. Sau đó họ đã đứng dậy, ra đi, tiếp tục lăn mình vào cuộc sống, gạt hái những thành công và thất bại, những hạnh phúc và đớn đau, những vinh quang và tủi nhục. Khi thành công, hạnh phúc, vinh quang, họ tiếp tục vui chân tiến tới. Khi thất bại, khổ đau, tủi nhục, họ tìm về "chiếc-giường-tôi" hay một "chiếc giường" nào khác để nghỉ ngơi, tự nhiên, thoải mái. Có lẽ họ không nghĩ rằng những "chiếc giường" kiểu "chiếc-giường-tôi" cũng có lúc rất mệt, rất chán, rất nản và cũng cần nằm nghỉ như họ cần nằm nghỉ. Như tôi lúc này đây, tôi đang cần, rất cần nằm nghỉ. Nhưng, giống như cái giường hư của Vũ Trọng Phụng, tôi than thầm: "Khi tôi mệt mỏi, tôi biết nằm lên đâu!"

Trên mặt tường đối diện với tôi là Thánh giá với tượng Chúa chịu nạn. Vô tình ánh mắt tôi đậu trên Thánh giá ấy. Thân thể Chúa Ki tô, đáng cứu chuộc nhân loại nằm trên Thánh giá, tay chân Ngài duỗi thẳng. Tôi mừng tượng ra cơn đau đớn kinh khủng của Chúa khi người ta căng tay; chân Ngài ra và dùng đinh nhọn đóng tay, chân ấy vào Thánh giá. Ngài đã vận mình đi, đã kêu lớn tiếng... Nhưng sau đó, Ngài đã bình yên, thanh thản. Cái bình yên thanh thản của người sau khi đã thi hành trọn vẹn một sứ mệnh vô cùng cao cả, Sứ mệnh của Ngài là mang lấy tất cả sự đau thương, thống khổ của nhân loại, để nhân loại được cứu thoát và sống hạnh phúc. Ngắm nhìn Chúa Ki tô nằm trên Thánh giá, tôi cảm nhận được sự bình yên thánh thiện trong trạng thái nghỉ ngơi của Ngài.

Thế rồi tôi bỗng nghĩ đến những nữ tu Mến Thánh Giá, những người đã tự nguyện đem cả đời mình để yêu thương Thánh giá, những tâm hồn đã chủ trương *"qua Thánh giá đến vinh quang"*. Chưa nữ tu nào nói với tôi về ý tưởng *"nghỉ ngơi trên Thánh giá"*, nhưng giờ đây tôi biết những nữ tu ấy đã chọn cách nghỉ ngơi đó. Họ đã chọn đúng, Thánh giá của người ta chính là nỗi đau khổ của chính mình và của những người khác. Bao lâu người ta chạy trốn đau khổ, bấy lâu người ta không được nghỉ ngơi, vì đau khổ có mặt ở khắp nơi, trong tất cả mọi người, đau khổ trở nên một thứ "định mệnh" của nhân loại. Chỉ khi nào người ta biết chấp nhận đau khổ, mang lấy đau khổ của mình và của người, biết nằm lên đau khổ, chọn chính đau khổ làm tấm giường để đặt lưng lên nghỉ ngơi, như Chúa Ki tô đã làm, người ta mới có thể bình yên, thoải mái thực sự. Còn mọi thứ giường, giường thật hay giường theo nghĩa bóng kiểu "chiếc-giường-tôi" cũng đều là những thứ giường tạm bợ, có nằm lên thì rồi cũng có lúc phải rời bỏ, và cuối cùng ta vẫn rơi vào trạng thái mệt mỏi, chán chường. Nhưng tôi biết, để có thể chọn nỗi đau khổ, chọn Thánh giá làm chiếc giường an nghỉ, tôi phải biết yêu, yêu nhiều. Có yêu như Chúa Ki tô yêu mới có thể sống như Chúa Ki tô sống.

Tôi thoát khỏi trạng thái mệt mỏi chán chường từ ý nghĩ ấy. Tôi ngồi lên, thấy hình như mình có hơi vui hơn một tí, hăng hái hơn một tí. Thế rồi tôi nghĩ, dù sao ngày mai tôi cũng

phải tìm đến công viên, nơi có cây, có cỏ, có nước, có chim, có gió và nắng. Giường Thánh giá tuy êm đềm thật đấy, nhưng bên cạnh đó, tôi cũng muốn ngả lưng trên thảm cỏ nhưng. Trong nắng tôi sẽ nghe chim hót, gió reo, lá cây xào xạc, hồ nước thì thầm. Đời tôi cũng có những người bạn hồn nhiên, trong sáng, êm đềm và dịu dàng như cây cỏ, gió nắng, chim bướm, nước hồ... Tìm đến với họ, tôi cũng có được niềm vui, sự bình yên thanh thản, gạt bỏ được trong chốc lát những mệt mỏi chán chường do cuộc sống đem đến, hay do chính tôi chuốc lấy.

Nhà Văn Quyên Di

VỀ MỤC LỤC

LINH MỤC VÀ BÍ TÍCH THÁNH THỂ

Họp Mặt Năm Linh Mục

Các linh mục cựu sinh viên Xuân Bích

Đà Lạt 21-23/7/2009

Kính thưa Quý Cha,

Thật là một hồng ân, thời gian cuộc họp mặt của chúng ta diễn ra trong Năm thánh hóa Linh Mục, năm cầu nguyện của linh mục, cầu nguyện với linh mục và cầu nguyện cho linh mục, để làm trỗi dậy trong chúng ta và giáo dân chúng ta lòng nhiệt thành hăng say hầu mang lại những hoa quả tông đồ tốt nhất do lòng trung thành và canh tân cam kết cho sứ vụ linh mục của chúng ta.[1]

Cha Hương bảo con chia sẻ đề tài LINH MỤC VÀ THÁNH THỂ,[2] để chúng ta cùng nhau ôn lại và sống tốt sứ vụ căn bản của chúng ta mà Chúa Giêsu đã thiết lập trong bữa Tiệc Ly. Đứng trước mặt quý Cha đàn anh vị vọng như thế này, thật sự con đang cảm thấy rất lo như cậu học trò phải trả bài trước Ban Giám khảo. Con xin Quý Cha giúp con và thông cảm sửa chữa, bổ túc cho những thiếu sót của con. Con xin hết lòng cảm ơn Quý Cha trước.

Ngoài nhập đề và kết luận, con xin trình bày hai điểm chính:

I. Một số giáo huấn của Giáo Hội về Thánh Thể

II. Áp dụng Thánh Lễ vào đời sống và sứ vụ thực tiễn của chúng ta.

I. MỘT SỐ GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI

1. Vài định nghĩa của Bí tích Thánh Thể

Công Đồng Vatican II khẳng định "Bởi vì là hành động của Đức Kitô tư tế và của Thân Thể Người là Hội Thánh, toàn thể cuộc cử hành Thánh Thể là hành động thánh thiện nhất, không có hành động nào của Hội Thánh có thể có hiệu quả bằng, cả về danh hiệu lẫn cấp độ,"[3] vì "Thánh Thể là nguyên lý và cứu cánh của thừa tác vụ Linh Mục, tất cả mọi thừa tác vụ của Giáo Hội và mọi công việc Tông Đồ đều liên kết chặt chẽ với Thánh Thể và được trao ban vì Thánh Thể."[4]

"Bí Tích Thánh Thể là món quà Thiên Chúa ban để cho thế gian được sống;"[5] là bí tích tuyệt diệu nhất, chứa đựng toàn thể mầu nhiệm cứu độ, là nguồn mạch và tột đỉnh của hành động và đời sống của Hội Thánh, để đưa chúng ta vào sự sống đời đời.[6]

Quả thế, đã có một cuộc chuẩn bị lâu dài và chu đáo cho Bí tích Thánh Thể, từ Hy tế Cựu Ước và Manna trong sa mạc, đến phép lạ hóa bánh ra nhiều, rồi lời tuyên bố của Chúa Giêsu rằng Ngài là Bánh bởi trời đích thực Chúa Cha ban cho thế gian được sống, qua việc chọn lựa, huấn luyện và thánh hóa các môn đệ, để rồi cuối cùng Chúa Giêsu thiết lập đồng thời Bí tích

Thánh Thể và chức linh mục trong bữa Tiệc Ly, trước khi hoàn tất chương trình Khổ nạn và Phục sinh cứu độ nhân loại.

Giáo Luật 1983 khẳng định rằng Bí tích Thánh Thể là “tuyệt đỉnh và nguồn suối của tất cả phụng tự và đời sống Giáo Hội”, là nơi các bí tích và hoạt động của Giáo Hội đều qui về và phát xuất, vì bí tích Thánh Thể chứa đựng tất cả kho tàng thiêng liêng của Giáo Hội, là nơi Chúa Giêsu hiện diện, tự hiến và trở nên lương thực cho Giáo Hội được sống, tăng trưởng và hiệp nhất.^[7]

2. Thông điệp “Giáo Hội sống nhờ Bí Tích Thánh Thể”

(Ecclesia de Eucharistia, do ĐTC JP II ngày 17/4/2003)

Trong Thông điệp này, ĐTC Gioan-Phaolô II đề nghị đào sâu suy tư về mầu nhiệm Thánh Thể trong tương quan với Giáo Hội. Đây là một văn kiện cô đọng các khía cạnh thần học, kỷ luật và mục vụ liên quan đến Bí tích Thánh Thể. Hy tế Thánh Thể, “nguồn suối và chóp đỉnh của tất cả đời sống kitô” chứa đựng tất cả kho tàng thiêng liêng của Giáo Hội, tức là chính Chúa Kitô, Đấng đã dâng mình cho Chúa Cha vì phần rỗi nhân loại.

Mầu nhiệm Đức Tin diễn tả giá trị hy tế của Bí tích Thánh Thể, nhờ thừa tác vụ của linh mục, làm hiện tại hóa trong mỗi thánh lễ thân mình bị phó nộp và máu đổ ra của Chúa Kitô vì phần rỗi nhân loại. Thánh Lễ là hy tế thập giá duy nhất được tái hiện cho đến tận thế như phương được vĩnh cửu, nó kích thích tinh thần trách nhiệm liên đới của tín hữu đối với thế giới hiện tại.

Thánh Thể xây dựng Giáo Hội, vì mỗi khi đến dự tiệc Thánh Thể, tín hữu không chỉ đón nhận Chúa Giêsu mà còn được chính Chúa Giêsu đón nhận. Bánh và rượu này là sức mạnh làm phát sinh sự hiệp nhất của Giáo Hội. Giáo Hội liên kết sâu xa với Chúa Giêsu đang ở trong Giáo Hội và kiến thiết Giáo Hội. Giáo Hội tôn thờ Chúa Giêsu Thánh Thể không chỉ lúc cử hành thánh lễ, mà là trong mọi lúc và gìn giữ Thánh Thể như kho tàng quý giá nhất.

Tính Tông Truyền của Bí tích Thánh Thể và của Giáo Hội: không có Giáo Hội hoàn toàn đứng riêng ra mà không có sự kế vị tông đồ, cũng như không có Thánh Lễ mà không có chức linh mục. Vì hành động nhân danh Chúa Kitô là Đầu, nên linh mục không thể sở hữu Thánh Thể và không thể tùy ý sử dụng Thánh Thể, nhưng là người phục vụ Thánh Thể vì lợi ích của cộng đồng tín hữu. Do đó, cộng đoàn kitô không sở hữu Thánh Thể, nhưng đón nhận Thánh Thể như một ân huệ Chúa ban.

Bí tích Thánh Thể và mối Hiệp thông Giáo Hội. Trung thành với giáo lý của các tông đồ, nối kết trong kỷ luật bí tích, Giáo Hội cũng phải biểu lộ cách hữu hình sự hiệp nhất vô hình vốn là cái đặc trưng của Giáo Hội. Thánh Thể không thể được sử dụng như phương tiện của hiệp thông, nhưng đúng hơn Thánh Thể giả thiết và củng cố hiệp thông. Phải nhìn con đường đại kết mà mọi môn đệ Chúa Kitô đang trông chờ trong viễn ảnh này: Thánh Thể sáng tạo hiệp thông và dẫn đến hiệp thông. Thánh Thể không thể bị lệ thuộc vào sự tùy tiện của các cá nhân hay các cộng đoàn cá biệt.

Phẩm cách của việc cử hành Thánh Thể. Việc cử hành Thánh Lễ có những đặc điểm bên ngoài làm nổi bật giá trị của niềm vui qui tụ mọi tín hữu chung quanh ân huệ vô lượng của Bí tích Thánh Thể. Công trình nghệ thuật, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, văn chương đủ loại nói lên cách thức mà Giáo Hội qua dòng thời gian đã không sợ chi tiêu hào phóng hầu chứng tỏ tình yêu của mình đối với Lang Quân chí thánh. Do đó việc cử hành hôm nay cũng phải làm sao cho người ta thưởng thức được nét đẹp của nó.^{[8]*}

Vào trường Mẹ Maria, Người Nữ Thánh Thể: Có một sự tương tự độc đáo tuyệt vời giữa một bên là Mẹ Thiên Chúa, Đấng đã kết dệt nên thân thể của Chúa Giêsu trong lòng Mẹ như Nhà Tạm đầu tiên và trao ban Chúa Giêsu cho nhân loại, và bên kia là Giáo Hội, Người gìn giữ Mình và Máu của Chúa Giêsu để trao ban Ngài cho tín hữu. Thánh Thể được trao ban cho tín hữu để cuộc sống của họ là lời kinh Magnificat liên li dâng lên Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh.

Phần cuối thông điệp thúc đẩy sự dẫn thân: Những ai muốn tiến bước trên đường nên thánh chẳng cần các kế hoạch mới mẻ nào khác. Kế hoạch đã có sẵn rồi: Đó là chính Chúa

Kitô mà ta phải nhận biết, yêu mến, bắt chước và loan báo. Việc thực hiện hành trình nên thánh này đi qua Bí tích Thánh Thể. Các thánh đã minh chứng điều đó, những ai đến giải khát nơi nguồn suối không bao giờ cạn của mầu nhiệm Thánh Thể tìm được sức mạnh thiêng liêng cần thiết để thực hiện trọn vẹn ơn gọi của mình.

3. Huấn thị Bí tích Cứu Độ (*Redemptionis Sacrosantum* do Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí tích ngày 25/3/2004)

ĐTC Gioan-Phaolô II tuyên bố trong thông điệp “Giáo Hội sống nhờ Thánh Thể” rằng Thánh Thể “nằm ở trung tâm đời sống Giáo Hội,” “là một mối dây nối kết trời và đất, bao bọc và thẩm nhập toàn thể thụ tạo,” “là những gì quý giá nhất mà Giáo Hội có thể có được trong cuộc lữ hành qua dòng thời gian.”[9]

Nhưng bên cạnh đó cũng có những lạm dụng đã là nguồn gốc làm đau khổ nhiều người,[10]* “làm lu mờ đức tin đúng đắn và giáo lý công giáo về Bí Tích kỳ diệu này,” nên Ngài “đã yêu cầu các cơ quan chuyên trách trung ương Tòa Thánh soạn thảo một văn kiện chuyên môn hơn với những nhắc nhở về kỷ luật trong vấn đề có tầm quan trọng lớn lao này. Không ai được phép đánh giá thấp Mầu Nhiệm được trao trong tay chúng ta: nó cao cả đến nỗi không ai có thể đối xử với nó theo ý mình, không tôn trọng tính cách linh thánh và chiều kích phổ quát của nó.”[11] Trái lại, phải tham dự cách ý thức, tích cực và hiệu quả hơn bằng cả trí tuệ, tấm lòng và cuộc sống, và như thế, nhận lãnh dồi dào hồng ân của Thiên Chúa.[12]

“Trong việc cử hành Bí tích Thánh Thể, các linh mục có trách nhiệm lớn, vì các ngài chủ tọa in persona Christi, đưa ra chứng từ và phục vụ sự hiệp thông không những đối với cộng đoàn tham dự trực tiếp vào buổi cử hành, mà còn đối với Hội Thánh toàn cầu, luôn luôn có liên hệ với Bí tích Thánh Thể. Nhưng phải lấy làm buồn, nhất là từ những năm cải tổ hậu công đồng, vì hiểu sai việc sáng tạo và thích nghi, mà xảy ra nhiều lạm dụng, gây nên đau khổ cho nhiều người”[13]

“Cha xứ phải chăm lo sao cho Bí tích Thánh Thể trở thành trung tâm của cộng đoàn tín hữu giáo xứ; ngài phải cố gắng làm cho tín hữu được dẫn dắt và nuôi dưỡng bởi việc cử hành sốt sắng các bí tích và đặc biệt làm cho tín hữu thường xuyên đến với Bí tích Thánh Thể và Bí tích Thống Hối; ngài cũng cố gắng dạy họ cầu nguyện, kể cả trong gia đình, và làm cho họ tham dự cách ý thức và tích cực vào phụng vụ thánh.”[14]

“Mọi linh mục phải lo trau dồi kiến thức và nghệ thuật phụng vụ, để thừa tác vụ phụng vụ của họ giúp các cộng đoàn Kitô hữu được giao phó cho các ngài ca tụng Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần cách hoàn hảo hơn. Nhất là, các ngài phải thẩm nhuần tâm tình thánh phục và kinh ngạc, mà mầu nhiệm phục sinh được cử hành trong Bí tích Thánh Thể làm phát sinh trong tâm hồn các tín hữu.”[15]

Trong Nghi thức truyền chức, Giám mục nhắc nhở các tân linh mục: “Khi cử hành các Bí Tích, đặc biệt là Bí Tích Thánh Thể, các con phải ý thức việc các con làm, phải noi theo điều các con thực hiện, nghĩa là khi cử hành mầu nhiệm Chúa chịu chết và sống lại, các con cố gắng chế ngự thân xác khỏi nết xấu và tiến bước trong đời sống mới.”[16]

4. Vài thực hành quan trọng theo Giáo luật

a. Lưu ý những bốn phận công bằng và bác ái về Bổng lễ (GL 945-958, đặc biệt GL 948-949 về nghĩa vụ dâng lễ đã nhận, GL 953 không giữ lại số lễ hơn một năm, GL 955 v/v chuyển lễ và ghi sổ).

Ngoài các thánh lễ dâng theo ý người xin và những thánh lễ chỉ ý theo bốn phận, chúng ta cũng nên để dành một số thánh lễ bù đắp cho những thánh lễ có thể còn thiếu sót của chúng ta và cầu cho chính bản thân chúng ta. Một số anh em linh mục còn có thói quen tốt dâng một số lễ cầu nguyện cho các linh hồn mồ côi nữa. Linh hồn mồ côi không có nghĩa là không cha không mẹ (nếu hiểu theo nghĩa này thì chẳng hề có linh hồn nào mồ côi hết), nhưng là những linh hồn mà chẳng ai nhớ đến để cầu hồn xin lễ cho họ, kể cả người thân của chính họ.

b. Chuẩn bị cho việc cử hành Thánh lễ

Giáo Luật dạy rằng “Linh mục không nên bỏ qua việc dọn mình xứng đáng trước khi dâng lễ và cảm ơn sau Thánh lễ.”[17] Còn Sắc lệnh *Chức vụ và đời sống linh mục* nói đến mỗi

tương tác đòi hỏi thừa tác viên phải thánh thiện để cử hành mầu nhiệm thánh, nhưng đồng thời mầu nhiệm thánh được cử hành cũng thánh hóa thừa tác viên. Sắc lệnh viết: "Chính linh mục được kêu gọi đạt tới một đời sống hoàn thiện nhờ chính những công việc thánh thiện hằng ngày... Chính sự thánh thiện của linh mục giúp ngài rất nhiều trong việc chu toàn thừa tác vụ của mình một cách hữu hiệu."[\[18\]](#)

Trong thư gửi tín hữu Corinthô, thánh Phaolô nói lên tính nghiêm trọng phải dọn mình khi viết: "Bất cứ ai ăn Bánh hay uống Chén của Chúa cách bất xứng, thì phạm đến Mình và Máu Chúa. Ai nấy phải tự xét mình, rồi hãy ăn Bánh và uống Chén của Chúa. Thật vậy, ai ăn và uống mà không xứng đáng là ăn và uống án phạt mình."[\[19\]](#)

Việc xét mình chuẩn bị tâm hồn cho xứng đáng sẽ giúp chúng ta ý thức thân phận con người bất xứng của mình và phải cậy dựa vào sự trợ giúp của Chúa cùng sự bổ khuyết của Giáo Hội ("Ecclesia supplet"). Điều này giúp chúng ta sống đầy đủ chiều kích Hội Thánh, trong cộng tác và hiệp thông với mọi thành phần của Hội Thánh là Thân Thể Chúa Kitô. Quả thế, "dù ơn Chúa có thể hoàn tất công trình cứu rỗi qua những thừa tác viên bất xứng, nhưng thường Thiên Chúa muốn tỏ ra những việc lạ lùng của Ngài qua những vị sẵn sàng nghe theo sự thúc giục và hướng dẫn của Chúa Thánh Thần hơn, bằng một đời sống thánh thiện và kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô."[\[20\]](#)

ĐHY Tổng trưởng Bộ Giáo sĩ, Dario Castrillon Hoyos, cũng viết: "Đối với linh mục, Bí tích Thánh Thể phải chiếm giữ vị trí trung tâm, cả trong thừa tác vụ lẫn trong đời sống thiêng liêng, bởi vì tất cả lợi ích thiêng liêng của Hội Thánh phát sinh từ Bí tích Thánh Thể, cội nguồn và chóp đỉnh của mọi công cuộc Phúc âm hoá. Vì thế quả là quan trọng việc chuẩn bị cách thích đáng trước khi dâng hy tế Thánh lễ, cử hành thánh lễ mỗi ngày, cảm ơn và viếng Thánh thể trong ngày."[\[21\]](#)

c. Cộng hưởng giữa Bí tích Giải Tội và Thánh Thể

Bí tích hòa giải là một trong những quà tặng đặc biệt của linh mục cho kẻ khác trong thừa tác vụ bí tích của ngài, nhưng đồng thời nó cũng là khí cụ cho linh mục tăng trưởng trong đời sống thiêng liêng và bác ái mục tử.[\[22\]](#)* Việc linh hướng đều đặn là một bảo đảm khác cho việc tái định hướng, tăng trưởng và phát triển đời sống thiêng liêng trưởng thành.

Linh mục không chỉ đều đặn thực hành bí tích này, mà còn cố gắng hiểu biết tốt hơn và cử hành nghiêm túc, vì bí tích này cũng là một tập luyện tuyệt vời về nhân đức, đền tội..., là trường tu đức không thể thay thế, là một sự trợ giúp thực sự trên con đường đổi mới và thánh hóa.

Bí tích Giải tội là một quà tặng, một khí cụ quan trọng cho việc tái định hướng, thánh hoá và tăng trưởng thiêng liêng, nhất là khi được trao đổi với một cha giải tội và linh hướng có kinh nghiệm, để thấy được các gốc rễ sâu xa hơn, cùng mở ra các viễn ảnh tương lai,[\[23\]](#) nhờ đó đạt tới một kinh nghiệm chữa lành và vui sống.

GL 916 dạy: "Ai ý thức mình phạm tội nặng và chưa xưng tội trước thì không được làm lễ và rước lễ, trừ khi có lý do quan trọng và không có dịp tiện đi xưng tội. Trong trường hợp này, họ phải tâm niệm về bốn phận thống hối trọn vẹn, bao gồm lòng dốc quyết đi xưng tội sớm gần nào có thể."

Có ba thứ tội tối kỵ đối với linh mục kèm theo vạ tiền kết dành riêng cho Tòa Thánh: Lỗi ăn tòa giải tội, khuyến dâm trong tòa và giải tội cho đồng phạm. Khi nhờ yếu đuối phạm phải, xin lưu ý việc có thể vận dụng giải pháp khoan dung của khoản Giáo luật 1048: "Trong những trường hợp còn kín và rất khẩn cấp, nếu không thể đến với Bản Quyền hoặc Tòa Ân Giải Tòa Thánh được, và có nguy cơ thiệt hại nặng hay nguy cơ mất tiếng tốt, thì ai mắc phải bất hợp luật để hành xử chức thánh vẫn có thể hành xử, nhưng họ có bốn phận phải đến sớm hết sức với Bản Quyền hay Tòa Ân Giải Tòa Thánh để xin miễn chuẩn, qua trung gian cha giải tội và không cần xưng danh thánh."

d. Cử hành Thánh Lễ

Phải theo đúng luật Phụng vụ. ĐTC Gioan Phaolô II nói: "Những quy luật đó diễn tả cụ thể tính Giáo hội đích thực của bí tích Thánh Thể... Phụng vụ không bao giờ là một sở hữu riêng tư của ai, kể cả chủ tế và cộng đoàn cử hành các Mầu Nhiệm đó... linh mục nào trung thành cử hành Thánh Lễ theo những quy luật phụng vụ chứng tỏ tình yêu của họ đối với Giáo

Hội một cách rõ rệt”[24]

Vì thế, ĐTC Biển Đức nói nhân dịp Đại Hội Thánh Thể Quốc Tế lần 49 rằng: “Tôi van nài các linh mục đặc biệt tôn trọng các nghi thức Thánh Lễ, và kêu gọi các tín hữu tôn trọng vai trò của mỗi cá nhân, cả linh mục lẫn giáo dân, trong các cử chỉ trong Thánh Lễ. Phụng vụ không thuộc về chúng ta mà là một kho tàng của Hội Thánh.”[25]

II. ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ THỰC TIỄN CỦA LINH MỤC

1. Linh mục và Thánh Thể

Thánh Lễ là hình thức cầu nguyện cao nhất của đời sống phụng tự Kitô giáo, và là cái đặc trưng của chức linh mục. Thánh Thể là “suối nguồn và tột đỉnh của đời sống và sứ vụ của Hội Thánh,” nên cũng phải là trung tâm đời sống và sứ vụ linh mục của chúng ta, bởi vì có một mối tương quan rất chặt chẽ giữa cử hành Thánh Lễ và rao giảng Chúa Kitô.

Theo những gì Chúa Giêsu đã nói và đã làm trong bữa Tiệc Ly (x. Lc 22,14-20), khi Ngài thiết lập Bí tích Thánh Thể và chức linh mục, để chúng ta tái hiện và cử hành nhân danh chính Ngài (in persona Christi), đời sống thiêng liêng của chúng ta có thể lớn lên dần dần và dần đưa chúng ta tới độ “trở nên và sống như một Chúa Kitô Khác trong mọi hoàn cảnh sống.”[26] Và “các sinh hoạt của đời sống hàng ngày của chúng ta sẽ thực sự mang ý nghĩa và chiều kích Thánh Thể.”[27]

Thiên Chúa tỏ lộ mầu nhiệm ý định của Ngài trong phụng vụ Lời Chúa, mà chúng ta phải biết liên kết với các thực tại của cuộc sống, ngõ hầu được sống và biến đổi bởi chính Lời ấy.[28] Chúng ta phải công bố Lời Chúa và Thánh Ý Chúa mà chúng ta đã tin và đang sống. Nhờ đó, tín hữu cũng được thúc đẩy suy gẫm và hành động cách thích đáng, đồng thời được biến đổi và hoán cải.

Chúng ta đã tự nguyện nhận lấy quà tặng quý giá chức linh mục, trong niềm hăng say, hạnh phúc và biết ơn. Nên cho dù không tránh khỏi khó khăn và thập giá trong đời sống và sứ vụ, nếu cho chọn lại, chúng ta chắc chắn vẫn sẵn sàng thưa “xin vâng”, đôi khi chậm rãi, nhưng với ý thức và bình an.

Khi làm phép lạ hóa bánh ra nhiều, Chúa Giêsu cần đến năm chiếc bánh và hai con cá của các môn đệ. Ngày nay Ngài cũng cần đến phần cộng tác ít ỏi và nhỏ bé của bản thân chúng ta, như giọt nước pha trong rượu nho.[29] Chúng ta sẽ cố gắng luôn sẵn sàng cho Ngài.

Như đã làm trong bữa tiệc ly với bánh, Chúa Giêsu cũng cầm lấy chúng ta và chúc phúc cho chúng ta, khi Chúa kêu gọi và tuyển chọn chúng ta giữa nhiều người khác có thể tốt hơn chúng ta. Chúng ta tạ ơn Chúa và có lẽ phải hét lên vui mừng và hạnh phúc, vì tình yêu vô điều kiện Chúa dành cho chúng ta, và vì may mắn của chúng ta nữa, là chúng ta được chọn làm linh mục, dù chưa chắc đã tốt hơn những người khác.

Ước gì chúng ta không bao giờ sợ bị cầm lấy và chúc phúc như thế, bởi Chúa và bởi đoàn chiên được trao phó cho chúng ta chăm sóc mục vụ, kể cả qua những gánh nặng, những khó khăn trong đời sống và sứ vụ linh mục của chúng ta. Như tấm bánh bị bẻ ra, chúng ta phải được trao ban và bị ăn bởi Dân Chúa, đoàn chiên của chúng ta, như cha Chevrier nói “linh mục là người bị ăn.” Để luôn trung thành giữ lời cam kết với Chúa và với Hội Thánh, đôi khi chúng ta cảm thấy đời sống và con tim bị bẻ ra vì hiểu lầm và đau khổ, vì sự cô đơn và những chiến đấu nội tâm chống lại những ước muốn nhân loại và các cơn cám dỗ từ bên ngoài.

Chúng ta biết rằng thân xác nhân loại yếu hèn của chúng ta được quyền năng Chúa làm cho trở nên một thân xác thánh thể như thân xác Chúa Giêsu (bị bẻ ra và trao cho người ta ăn). Chớ gì chúng ta luôn hiểu ý nghĩa của đời sống bị bẻ ra vì Thiên Chúa và vì tha nhân.

Ý thức rằng chúng ta không dám tự nộp mình cho đến chết như Chúa Giêsu, nhưng chúng ta sẵn sàng hiến tặng thời giờ, của cải, sức khỏe, ước muốn, hạnh phúc, niềm vui, cả những đau khổ và buồn phiền. Tất cả những thứ đó cũng là cuộc sống và chính con người của chúng ta vậy, như Chỉ Nam 1994 nói: “Linh mục phải học biết kết hợp mật thiết với lễ vật, đặt trên bàn thờ hy lễ cả cuộc đời mình như dấu chỉ của tình yêu nhưng không và ân cần

của Thiên Chúa.”[30]

Máu các thánh tử đạo đổ ra vì Chúa và vì Nước Trời chỉ có một lần thôi. Máu của chúng ta đổ ra cách này hay cách khác, mỗi ngày, từng giọt một, qua trách nhiệm và bổn phận của chúng ta: “Một lúc đổ cả máu đào, hay từng giọt một đẳng nào công hơn?” Và như Thánh Phaolô, mỗi ngày, chúng ta bổ khuyết nơi thân xác chúng ta phần còn thiếu sót trong cuộc khổ nạn cứu thế của Chúa Giêsu, mà “hy lễ Thánh Thể tái diễn mãi hy lễ thánh giá,”[31] kể cả “bước theo Ngài giữa những cuộc bách hại không hề thiếu vắng trong Giáo Hội,”[32] như thánh Phaolô đã xác quyết: “Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Ki-tô? Phải chăng là gian truân, khổ khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo? Như có lời chép: Chính vì Ngài mà mỗi ngày chúng con bị giết, bị coi như bầy cừu để sát sinh. Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta.”[33]

Bánh và rượu dâng lên sẽ được quyền năng Chúa biến đổi thành Mình và Máu Chúa Kitô. Nếu chúng ta dâng chính mình, những cảm nghĩ và tình yêu, những vấn đề, những băn khoăn lo lắng, đau khổ và hạnh phúc của chúng ta thì quyền năng ấy cũng sẽ biến đổi chúng thành những gì tốt đẹp hơn, hữu ích hơn cho chúng ta và đoàn chiên của chúng ta.

Đặc biệt, nếu chúng ta dâng những yếu đuối và tội lỗi của chúng ta, Chúa sẽ tha thứ, biến đổi và thánh hoá chúng ta, như Chúa Giêsu đã hiện ra nói với thánh Hiêrônimô “con hãy cho Cha cả tội lỗi của con nữa để Cha tha thứ cho con”, bởi vì với Chúa chẳng có tội gì quá nặng đến nỗi Chúa không thể tha thứ được!

Trong việc cử hành Thánh Thể, sự hiệp nhất của Dân Chúa được biểu lộ và thể hiện, cũng như việc xây dựng nhiệm thể Chúa Kitô được hoàn tất.[34] Chén chúc tụng mà chúng ta chia sẻ là Máu Chúa Kitô, lưu chuyển trong Giáo Hội, mang lại sự sống thần linh. Bánh mà chúng ta bẻ ra là Mình Chúa Kitô, được hiến dâng vì phần rỗi của mỗi chi thể.

Huấn thị Mầu Nhiệm Cứu Độ nhấn mạnh: “Trong việc cử hành Bí tích Thánh Thể, các linh mục có trách nhiệm lớn, vì các ngài chủ toạ in persona Christi, đưa ra chứng từ và phục vụ sự hiệp thông không những đối với cộng đoàn tham dự trực tiếp vào buổi cử hành, mà còn đối với Hội Thánh toàn cầu, luôn luôn có liên hệ với Bí tích Thánh Thể.”[35] ĐTC Biển Đức cũng nhắc: “Bí Tích Thánh Thể là bí tích của sự hiệp nhất của Hội Thánh, bởi vì tất cả chúng ta hiệp thành một thân thể duy nhất của Hội Thánh mà Chúa là đầu.”[36]

Chúng ta thật hạnh phúc được dâng Thánh Lễ, nhờ đó chúng ta không ngừng nhận được sự sống và hiệp nhất. Cử hành và lãnh nhận Thánh Thể là hiệp nhất với Giáo Hội trên khắp thế giới. Nhờ Thánh Thể mà mọi người được qui tụ lại trong một ngôi nhà đức tin. Sự hiệp nhất này là nguồn mạch và bằng chứng hữu hiệu cho sứ vụ loan báo Tin Mừng của Hội Thánh.[37]

Nhờ việc cử hành thánh lễ mỗi ngày,[38] chúng ta sẽ hiểu hơn sức mạnh biến đổi của Bí tích Thánh Thể và tìm thấy nơi mầu nhiệm này sự can đảm và nguồn sức mạnh đi theo Chúa Giêsu và phục vụ Ngài nơi tha nhân: “Các tư tế nên luôn tâm niệm rằng công cuộc cứu chuộc hằng được tiếp tục thi hành trong mầu nhiệm Hy Tế Thánh Thể; do đó, họ nên siêng năng dâng lễ, hơn nữa, rất đáng mong ước các tư tế dâng lễ mỗi ngày, cả khi các tín hữu không thể hiện diện, bởi lễ Thánh Lễ là tác động của Đức Kitô và của Giáo Hội, chính khi cử hành Thánh Lễ mà các tư tế chu toàn nhiệm vụ chính chính yếu của mình”[39]

Chúng ta sẽ kín múc dồi dào nguồn sức mạnh này từ Bí tích Thánh Thể, được cử hành trong thánh lễ mỗi ngày và được tôn thờ nơi Nhà Châu mỗi khi đến viếng Mình Thánh Chúa,[40] như chính Chúa Giêsu mời gọi “hãy đến với Ta, hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, Ta sẽ nâng đỡ và bổ sức cho các ngươi” (Mt 11,28). “Chính ở bên cạnh Chúa mà Linh Mục tìm được sức mạnh và phương thế đem ta đến gần Thiên Chúa, khơi dậy đức tin và thúc đẩy hành động và chia sẻ.”[41]*

Chúa Giêsu Thánh Thể sẽ nạp lại năng lượng và tăng thêm nhiệt huyết tông đồ cho chúng ta, bằng việc tiếp tục kích hoạt ngày sống và đổ đầy chúng ta với niềm hy vọng vững chắc.[42]* “Cha xứ phải chăm lo sao cho Bí tích Thánh Thể trở thành trung tâm của cộng đoàn giáo xứ; ngài phải cố gắng làm cho tín hữu được dẫn dắt và nuôi dưỡng bởi việc cử hành sốt sáng các bí tích và đặc biệt làm cho tín hữu thường xuyên đến với Bí tích Thánh Thể và Bí tích Thống Hối”[43]

Bí tích Thánh Thể là dấu chỉ thường hằng của tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu đỡ nâng

hành trình của chúng ta tiến về hiệp thông trọn vẹn với Chúa Cha, qua Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần. Đây là thứ tình yêu vượt thắng tình yêu nhân loại của trái tim con người, dù nó tự nhiên và hấp dẫn đến đâu.

Chính việc tôn thờ Thánh Thể nơi Nhà Tạm mà ta phục hồi và nạp thêm năng lượng cho đời sống thiêng liêng và sứ vụ linh mục, như Chúa Giêsu mời gọi và Giáo Hội hằng nhắc nhở.^[44] Ai trong chúng ta đã không có hơn một lần trải nghiệm những gánh nặng mục vụ và những thách đố trần trở và yếu đuối cá nhân? Thánh Phêrô khuyên: "Trong khi cầu nguyện, anh em hãy trao trút nỗi lòng anh em cho Chúa, vì Ngài hằng thương yêu chăm sóc đến anh em" (1 Pr 5,7).

Đó cũng là lý do tại sao Đức Gioan Phaolô II đã mở ra "Năm Thánh Thể" với ước mong rằng Hội Thánh được "khởi đầu lại từ Chúa Kitô." Ngài chia sẻ với cảm xúc sâu xa chứng tá đức tin của chính ngài nơi Bí Tích Thánh Thể như là phương tiện đồng hành và tăng sức mạnh: "Từ hơn nửa thế kỷ nay, từ ngày 2.11.1946, lúc tôi dâng thánh lễ đầu tiên dưới tầng hầm thánh Leonard của nhà thờ chính tòa Cracovie, hằng ngày đôi mắt tôi chăm nhìn vào Mình Thánh và Chén Thánh, thời gian và không gian như cô đọng lại và thảm kịch đồi Golgota được tái hiện với sức mạnh, như đương xảy ra cách nhiệm mầu. Mỗi ngày, đức tin cho phép tôi nhận ra trong bánh và rượu đã được truyền phép Vị Lữ Hành Thần Linh ngày nọ đã đi đường với hai môn đệ Emau để mở mắt họ ra với ánh sáng và mở lòng họ ra với niềm hy vọng."^[45]

2. Thánh Lễ tái hiện Hy tế Thập Giá

Mẹ của thánh Gioan Bosco đã nói với ngài khi ngài mới chịu chức linh mục: "Khi con bắt đầu bước lên bàn thánh tế lễ là con bắt đầu con đường thập giá." Chúa Giêsu đã mời gọi chúng ta vác thập giá mà theo Ngài: "Ai muốn theo Thầy, hãy từ bỏ chính mình, vác lấy thập giá của mình mà theo Thầy..." (Mt 16,24). Linh mục, Thánh Thể và Thánh giá luôn liên kết chặt chẽ với nhau. Linh mục đứng giữa bàn thờ và thánh giá: Thánh lễ tái hiện hy tế thập giá.

Cùng với Chúa Giêsu, linh mục (in persona Christi) vừa là tư tế vừa là của lễ. Cuộc sống và sứ vụ linh mục tìm được sức mạnh tình yêu từ Thánh Thể và thập giá Chúa Giêsu, vì chính từ thập giá mà tình yêu lớn nhất đã được bộc lộ: "Không ai có tình yêu lớn hơn tình yêu của người đã chết cho người mình thương."^[46] Là linh mục, chúng ta được mời gọi cách đặc biệt rảo qua con đường thập giá này. Mỗi ngày chúng ta dấn sâu vào mầu nhiệm thập giá, mầu nhiệm của hy tế, dù lắm khi thập giá dường như quá nặng và chúng ta muốn quy ngã. Nhưng mầu nhiệm thập giá không được hoàn tất bởi cái chết, song bởi đời sống mới của sự sống lại.

Suốt dòng lịch sử, Giáo Hội hầu như luôn luôn bước đi trên con đường hy tế thập giá này. Nhiều nhà truyền giáo đã tiến bước suốt nhiều năm hướng về Golgotha, vác lấy thập giá hy sinh và bách hại. Nhiều người trong chúng ta cũng đã trèo lên con đường dốc đứng đó, dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau, và hiện nay vẫn tiếp tục vác thập giá mà đi. Con đường thập giá của chúng ta vẫn kéo dài mãi. Những người bách hại còn đó hay đã qua đi, hoặc đã thay đổi, nhưng thập giá vẫn không thay đổi và vẫn đè nặng trên vai chúng ta.

Lắm lần chúng ta dường như bị oằn xuống dưới sức nặng của thập giá. Ngày xưa ông Simon đã giúp Chúa Giêsu vác thập giá, thì ngày nay chính Chúa chịu đóng đinh và sống lại đang đồng hành giúp chúng ta vác thập giá của chúng ta. Đau khổ của chúng ta là đau khổ của Ngài, hy tế của chúng ta là hy tế của Ngài. Chúa Giêsu thấu hiểu những yếu đuối của chúng ta, những thất bại của chúng ta, những cảm giác ngã lòng, những mệt mỏi, lo sợ và cô đơn của chúng ta, vì chính Ngài cũng đã trải nghiệm những khó khăn này.

Đường thập giá của Chúa Giêsu đã là con đường đầu tiên, nhưng không phải là con đường cuối cùng, vì còn chúng ta và bao nhiêu tâm hồn tận hiến đang theo Ngài đến tận cùng trong con đường thập giá của Ngài. Giáo Hội đã không quên con đường thập giá. Giáo Hội không bao giờ che giấu thập giá. Thập giá vẫn luôn có mặt trong Phụng vụ: Giáo Hội tán dương và suy tôn thập giá. Thập giá không chỉ là gánh nặng, nhưng phải được xem là cây gậy nâng đỡ. Cuộc sống linh mục càng cắm rễ sâu vào thập giá càng sinh nhiều hoa quả. Vào mọi thời và ở mọi nơi, bao nhiêu người vẫn không ngừng hăm hở đến với thập giá, chiêm ngắm thập giá, yêu mến thập giá.

Đường thập giá là trường dạy chúng ta sống. Chúa Giêsu ngã xuống rồi lại chỗi dậy và tiếp tục đi. Ngài chịu đựng nỗi cô đơn. Ngài chịu hành hạ và lắng nhục, nhưng Ngài luôn tha thứ. Đường thập giá là trường dạy sống thánh. Trên con đường thập giá, Mẹ Maria đã đi theo Con Mẹ. Mẹ bước đi trong thinh lặng. Cái nhìn của hai Mẹ Con bắt gặp nhau; hai Mẹ Con nhìn nhau tận trong sâu thẳm tâm hồn. Mẹ và Con kết hiệp với nhau bởi tình yêu bao la, sâu thẳm và trong trắng. Tình yêu này sẽ làm thế giới thay đổi. Xin cho chúng ta được thấm nhuần tình yêu của Chúa và tình yêu của Mẹ Chúa, cũng là mẹ của chúng ta.

Mẹ đã đứng kề thập giá Chúa Giêsu. Mẹ cũng luôn đứng kề thập giá cuộc đời và sứ vụ linh mục của chúng ta. Chúng ta hình dung dường như đang đứng ở trên đỉnh đồi Golgotha, dưới chân thập giá, nơi đã và đang mãi mãi tập trung sức mạnh lớn nhất của thế giới: tình yêu của Thiên Chúa trong con người của Con Ngài, Chúa Giêsu Kitô (x. Ga 3,16). Tình yêu này của Thiên Chúa không bao giờ cạn kiệt, không bao giờ thôi là sức mạnh cứu độ của thế giới.

Bằng những lời "Lạy Cha, con xin phó linh hồn con trong tay Cha", Chúa Giêsu dâng lên Chúa Cha đời sống mình làm hy tế. Và hy tế của Ngài đã được chấp nhận. Là linh mục, chúng ta cũng trao phó cuộc đời chúng ta trong tay Chúa Cha cùng với Chúa Giêsu. Hy tế của Ngài trên thập giá là một sức mạnh bao la cho thế giới. Sức mạnh đó được gìn giữ trong Giáo Hội bởi Bí tích Thánh Thể, trung tâm tình yêu ở dưới thế gian này. Chúng ta cử hành Thánh Lễ như một sức mạnh không thể cạn kiệt của tình yêu.

Chúng ta trèo lên con đường thập giá đến tận đỉnh đồi Golgotha, đến tận Chúa Kitô, một Chúa Kitô toàn thể vừa với thập giá và mào gai trên đồi Golgotha, vừa với vinh quang trên núi Tabôrê và chiến thắng phục sinh vinh hiển. Sứ mạng linh mục của chúng ta là hướng dẫn những con người phải đau khổ vì đối nghịch và hận thù để họ không quay lưng lại với nhau, nhưng nhìn vào mắt nhau trong sự cảm thông tương hỗ.

Với rất nhiều người trong chúng ta, bao nhiêu thời gian đã qua đi từ ngày chúng ta chịu chức linh mục và bao nhiêu sự đã thay đổi: tuổi tác, tình trạng sức khỏe, và kinh nghiệm thập giá, thử thách, đau khổ... Nhưng trong thâm sâu, chẳng có gì thay đổi: Chúng ta vẫn là linh mục của Chúa và của Giáo Hội. Là linh mục, chúng ta phải luôn được hướng dẫn bởi đức tin và tình yêu, và phải luôn sống sứ vụ ấy với cùng một niềm tin thác.

Mẹ Maria đã theo Chúa Giêsu trên đường núi Sọ, xin Mẹ luôn đồng hành với chúng ta. Một người mẹ đã nói với con mình rằng: "Dù con lớn bao nhiêu tuổi, con vẫn là con của Mẹ; dù con có đi tới cùng trời cuối đất, thì lòng Mẹ vẫn hằng theo con." Chớ gì chúng ta luôn cảm nhận sâu sắc Mẹ Maria luôn đồng hành với chúng ta, luôn đứng bên thập giá của chúng ta và che chở chúng ta.

Kết luận: THÁNH LỄ CUỘC ĐỜI VẪN Kéo DÀI

Việc cử hành Thánh lễ kết thúc, nhưng việc sống Thánh Thể vẫn tiếp tục trong cuộc đời: "Lễ xong, chúc anh chị em ra đi bình an." Ra đi để sống mầu nhiệm vừa cử hành, để đem yêu thương cho mọi người.

ĐTC Biển Đức XVI dạy: "Thánh Thể không tách xa chúng ta khỏi những người đương thời với chúng ta; ngược lại, bởi vì Thánh Thể là cách diễn tả hay nhất của tình yêu Thiên Chúa, nó mời gọi chúng ta cộng tác với tất cả anh chị em mình để đương đầu với những thách đố hiện tại và làm cho hành tinh này thành một nơi tốt đẹp để sống."[\[47\]](#)

Và ĐHY Francis Arinze, Bộ Trưởng Bộ Phụng Tự và Bí Tích, đã nói trong lễ bế mạc Năm Thánh Thể 49 (năm 2008) tại Canada rằng "Bí Tích Thánh Thể sai chúng ta đi để bày tỏ tình yêu và tình đoàn kết với anh chị em đang thiếu thốn của chúng ta. [...] Chúng ta cũng được sai đi để an ủi những người đang sầu khổ, để giúp giải phóng những người đang làm nô lệ, kể cả các nạn nhân của những hình thức đàn áp về phái tính, chủng tộc hoặc những hình thức đàn áp khác, để đem hy vọng đến cho những trẻ bụi đường, và giúp nâng cao các dân chưa được phát triển lên một mức độ xứng hợp với sự hiện hữu của con người, nhất là những người đang đói khát và thiếu thốn về tinh thần: Họ đang đói khát Lời Thiên Chúa, đói khát Tin Mừng giải phóng của Chúa Giêsu Kitô, cho nên việc truyền giáo, dạy Giáo Lý dưới nhiều hình thức cùng việc dẫn đưa người ta đến với Hội Thánh và các bí tích là những cách bày tỏ cần thiết của tình yêu thương tha nhân."[\[48\]](#)

Để được vậy, xin Chúa ban cho chúng ta, nhờ lời cầu bầu của Mẹ Maria và thánh quan thầy Gioan Maria Vianey, được ơn dâng lễ mỗi ngày thật sốt sắng như thánh lễ đầu tiên và cũng là thánh lễ cuối cùng của cuộc đời chúng ta. Amen

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

VỀ MỤC LỤC

BỆNH THƯỜNG THẤY Ở MẮT

Các phần chính của nhãn cầu là thủy tinh thể, giác mạc, võng mạc. Các bộ phận này và nhãn cầu có thể bị tổn thương, thay đổi, đưa tới suy giảm hoặc mất thị lực.

Xin cùng tìm hiểu.

Thủy Tinh Thể

1. Cấu tạo

Thủy tinh thể (lens) là bộ phận quan trọng tiếp nhận và hội tụ ánh sáng hình ảnh lên võng mạc (retina).

Đây là một cấu trúc hai mặt lồi (convex), trong suốt, gồm có nước và chất đậm, nằm ngay phía sau giác mạc và đồng tử.

Về cấu tạo, thủy tinh thể có một màng bọc, dưới đó là phần cùi, ở giữa là nhân. Cấu trúc này tương tự như một quả mận với vỏ, cùi và hạt mận.

Vì có tính cách đàn hồi nên thủy tinh thể có thể thay đổi độ cong để mắt nhìn rõ được sự vật ở xa hoặc ở gần.

Tinh thể dẹp xuống khi tập trung vào vật ở xa và hình ảnh vật đó thấy nhỏ. Tinh thể dày lên để tập trung vào vật ở gần, vật nhìn thấy to. Đó là sự điều tiết của mắt. Khả năng này hoàn toàn tự động, con người không điều khiển được.

Ở người dưới 40 tuổi, tinh thể mềm, dễ thay đổi hình dạng, nhờ đó ta có thể tập trung nhìn sự vật xa gần khác nhau.

Với người từ 40 tuổi trở lên, tinh thể mất dần tính đàn hồi, kém khả năng tăng độ cong, khiến cho việc nhìn vật ở gần khó khăn. Đó là sự lão thị (presbyopia), các vị này phải đưa vật ra xa tầm mắt hơn một chút hoặc phải đeo kính lão để điều chỉnh.

Bệnh thường xảy ra ở thủy tinh thể là đục mờ.

2. Nguyên nhân gây ra đục thủy tinh thể

Thực ra, đục thủy tinh thể hoặc Cườm mắt(cataract) không phải là một bệnh mà là hậu quả một thay đổi bình thường của sự hóa già. Ở tuổi trẻ, thủy tinh thể cũng có thể bị đục vì chấn thương hoặc do bẩm sinh.

Mới đầu, thủy tinh thể hơi mờ đục và chuyển dần từ màu trắng sang màu vàng hoặc nâu. Ánh sáng vào mắt sẽ giảm đi, hình ảnh trên võng mạc không rõ và biến dạng, lâu ngày đưa tới giảm thị lực.

Mỗi thành phần của TTT có thể đục mờ riêng rẽ.

Với tuổi già, phần nhân bị mờ nhiều hơn. Tiểu đường mờ phần cùi hoặc vỏ. Cận thị nặng hoặc dùng thuốc cortisone lâu ngày thường hay bị đục ở vỏ.

Ngoài hậu quả của sự lão hóa, đục thủy tinh thể còn thấy trong các trường hợp như khi mắt bị chấn thương, hút nhiều thuốc lá, uống nhiều rượu, do tác dụng của một số dược phẩm như thuốc lợi tiểu, cortisone, thuốc an thần, ô nhiễm môi trường, hóa chất độc hại, tia tử ngoại của ánh sáng mặt trời quá mạnh, sống trên cao với ít oxy, hậu quả của một vài bệnh như tiểu đường, cao huyết áp, cao cholesterol, mập phì.

Một số trẻ em sanh ra đã bị đục thủy tinh thể.

Đục thủy tinh thể đưa tới khó khăn nhìn giống như nhìn qua cặp mắt kính phủ sương mù. Bệnh nhân không nhìn rõ khi có quá ít hoặc quá nhiều ánh sáng, không coi được TV, khó khăn lái xe, dễ gặp tai nạn. Muốn đọc sách báo, họ phải mang kính phóng đại (magnifying glasses). Hậu quả là người đó ngại ngùng không muốn đi đâu và mất sự tự chủ, độc lập.

3. Điều trị

May mắn là hiện nay nhờ có vi phẫu thuật mà thị giác của người đục thủy tinh thể đã được phục hồi.

Trước đây, kỹ thuật mổ đòi hỏi cườm phải "già" cứng (ripen hoặc mature) để được dễ dàng "múc" ra, khiến cho người bệnh phải đợi một thời gian với kém thị giác.

Thực ra, sự "chín" của TTH không quan trọng bằng chính khó khăn mà người bệnh cảm thấy.

Trước khi mổ, họ có thể thay cặp kính mới hoặc dùng kính lúp. Khi nào thị giác kém hẳn, gây ra trở ngại cho các sinh hoạt hàng ngày thì mổ cũng chưa muộn.

Phẫu thuật được làm ngay tại phòng mạch bác sĩ chuyên về nhãn khoa và bệnh nhân có thể về nhà sau khi giải phẫu hoàn tất mỹ mãn.

Thường thì không cần đánh thuốc mê mà cần chích chút thuốc tê nơi mắt hoặc nhỏ mắt với mấy giọt thuốc tê và uống vài viên thuốc an thần.

Thủy tinh thể có thể "múc" ra trọn bộ với vỏ, cùi và nhân hoặc để vỏ lại, chỉ lấy cùi và nhân. Rồi thay thế bằng TTH nhân tạo làm bằng chất silicone hoặc acrylic.

TTH nhân tạo rất mềm, bẻ cong được, nên chỉ cần rạch vài ba mili mét là đủ để thay TTH mới. Vết mổ nhỏ, tự lành, đôi khi không cần khâu.

Theo thống kê, tỷ lệ thành công của vi phẫu thuật thay thủy tinh thể nhân tạo rất cao, lên tới 97%.

Sau khi mổ, nhiều bệnh nhân rất thỏa mãn, nói mắt sáng như đèn pha ô tô, nhìn rõ ràng mọi sự vật với màu sắc đầy đủ. Họ trở nên tự tin, yêu đời hơn.

Sau khi mổ, một số bệnh nhân vẫn phải mang kính lão để đọc chữ hoặc kính hai tròng để nhìn vật ở xa.

Tuy nhiên đôi khi một số rủi ro hậu giải phẫu có thể xảy ra như nhiễm trùng, chảy máu, sưng phù giác mạc, cao áp xuất trong mắt và bong võng mạc đặc biệt là ở người cận thị. Phẫu thuật gia đều có sẵn các phương thức để chấn chỉnh các rủi ro này.

Sau giải phẫu về, nên giữ gìn mắt theo hướng dẫn của bác sĩ, tránh làm việc nặng trong vài ngày.

Giác mạc

Giác mạc (cornea) là phần hình tròn phía trước của nhãn cầu, do các tế bào trong suốt tạo thành.

Giác mạc có khả năng tái tạo rất mau mặc dù không có mạch máu và rất nhạy cảm với sự đau đớn. Đây là bộ phận chính để bảo vệ mắt và để tiếp thu ánh sáng, đưa qua đồng tử.

Phủ lên giác mạc là *kết mạc* (conjunctiva) trong suốt, có rất ít mạch máu.

Sau đây là một số bệnh của giác mạc:

1. Viêm kết mạc (Conjunctivitis)

Mắt bị kích thích và đỏ (Pink eye).

Tác nhân gây bệnh thường thấy là những virus tương tự virus trong bệnh cảm lạnh vì thế nhiều người có dấu hiệu của bệnh này. Đôi khi vi khuẩn cũng gây ra viêm giác mạc.

Viêm giác mạc rất hay lây qua sự dùng chung các dụng cụ liên hệ tới mắt như khăn mặt, đồ trang điểm hoặc khi dụi tay lên mắt đang đau. Vì thế, rửa tay thường xuyên và không dụi mắt là phương pháp hữu hiệu để phòng tránh lây lan viêm mắt.

Viêm kết mạc do virus tự lành sau mấy ngày. Thuốc nhỏ mắt được dùng khi mắt cảm thấy cộm, ngứa.

Viêm do vi khuẩn được điều trị bằng thuốc nhỏ mắt có kháng sinh và cần được bác sĩ xác định trước khi dùng.

2. Trầy giác mạc

Đa số nguyên nhân của trầy giác mạc là do móng tay, tờ giấy vô tình đụng vào hoặc do vật lạ bắn vào mắt.

Vết thương trên giác mạc dù nhỏ cũng rất đau vì giác mạc có nhiều dây thần kinh cảm giác.

Nếu chẳng may bị thương tích này, nên đi khám chữa ngay.

Bác sĩ có thể nhỏ một giọt thuốc gây tê vào mắt để lấy vật lạ ra, nhỏ thuốc kháng sinh để tránh nhiễm trùng rồi băng lại để vết thương mau lành.

3. Đục mờ giác mạc

Bình thường giác mạc trong suốt nhưng có thể trở nên mờ đục vì:

- Bị thương tích chấn thương để lại vết sẹo
- Bị nhiễm virus, vi khuẩn hoặc nấm khiến cho giác mạc bị trầy.
- Thay đổi hình dạng của giác mạc khiến cho sự vật trở thành méo mó
- Tật bẩm sinh của giác mạc.

Khi giác mạc mờ, ánh sáng sẽ không vào mắt được và thị lực giảm hoặc mất hẳn.

Phẫu thuật hoặc tia laser có thể tẩy vết sẹo trên giác mạc, nhưng khi tổn thương quá rộng và sâu, giác mạc có thể được thay ghép.

Kỹ thuật ghép giác mạc hiện nay đang rất phổ biến.

Tế bào giác mạc dùng trong phẫu thuật ghép là do các nhà hảo tâm hứa tặng và được lấy trong vòng 6 giờ sau khi họ lâm chung. Tế bào được cất giữ trong ngân hàng giác mạc, được khám nghiệm coi có bị nhiễm các bệnh như HIV, viêm gan hoặc bất thường nào khác.

Ghép giác mạc được thực hiện đầu tiên vào năm 1905 khi bác sĩ Edward Zirm lấy giác mạc của một em bé 11 tuổi bị thương tích một mắt và ghép cho một nạn nhân hư giác mạc vì phỏng hóa chất.

Phẫu thuật có vẻ rất giản dị nhưng cần được các bác sĩ có kinh nghiệm thực hiện.

Bệnh nhân được gây tê tại mắt hoặc gây mê tổng quát tùy từng trường hợp. Phần giác mạc đục được lấy ra và thay thế bằng giác mạc người cho.

Mắt được băng kín cho tới ngày hôm sau tái khám. Thuốc nhỏ mắt được dùng mỗi ngày để phòng tránh nhiễm trùng và phản ứng bác bỏ "reject" tế bào lạ trong mấy tuần lễ.

Thường thường, cần thời gian từ 4 tới 6 tháng để giác mạc mới ổn định và thị giác phục hồi lần lần.

Ghép giác mạc cũng có một vài biến chứng như chảy máu, nhiễm trùng, phù sưng võng mạc đôi khi không phục hồi được thị giác.

Cần thảo luận kỹ càng lợi hại với bác sĩ trước khi ghép giác mạc vì chi phí cũng khá cao.

Võng mạc

Võng mạc (retina) là lớp tế bào nhạy cảm với ánh sáng, lót phía trong mắt.

Đây là cấu trúc căn bản của cặp mắt, có công dụng như tấm phim của máy ảnh để thu nhận và ghi lại cả muôn vàn hình ảnh, tĩnh cũng như động, suốt ngày này qua tháng khác mà không cần thay phim như trong máy ảnh...

Trên võng mạc có những tế bào hình nón, hình que chuyển ánh sáng từ bên ngoài vào thành những tín hiệu điện năng, được dây thần kinh thị giác đưa lên não bộ. Tế bào não phân tích, tổng hợp các tín hiệu và tạo ra hình ảnh của sự vật.

Bệnh của võng mạc có thể là:

1- Bong võng mạc

Đây là một bệnh rất hiếm nghèo nhưng may mắn là rất hiếm khi xảy ra.

Nguyên do thông thường là võng mạc bị rách, thủng lỗ. Dịch pha lê ở phòng trước võng mạc chảy vào mặt sau của võng mạc, làm cho mô bào này bong ra.

Bệnh thấy ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là người cận thị từ 25-50 tuổi và người già sau khi giải phẫu đục thủy tinh thể.

Bong võng mạc cũng thấy khi mắt bị chấn thương, bị viêm mắt, trong bệnh tiểu đường hoặc do di truyền.

Bệnh nhân thấy có nhiều vật nhỏ bay lượn trong mắt (ruồi bay trong mắt), lâu ngày đưa tới giảm thị lực.

Bong võng mạc được điều trị bằng phẫu thuật để dán võng mạc trở lại.

Phẫu thuật rất tinh vi, không cần mổ con mắt mà dùng tia laser, liệu pháp lạnh (cryotherapy) hoặc phép thấu nhiệt (diathermy). Tinh vi hơn nữa là thay thế dịch pha lê bằng một loại chất hơi (gas) để đưa võng mạc về vị trí nguyên thủy.

Các phương pháp này có tỷ lệ thành công khá cao là 80%.

2. Mù màu sắc

Trên võng mạc có những tế bào hình que nằm ở chung quanh võng mạc để nhìn sự vật vào ban đêm và các tế bào hình chóp nằm ở giữa để nhìn màu sắc vào ban ngày.

Nhiều người cho rằng khi bị mù màu sắc là chỉ nhìn được màu đen và trắng. Thực ra không phải vậy. Người mù màu sắc thường có khó khăn nhận ra từng màu căn bản là đỏ, xanh lá cây (green) và xanh da trời (blue).

Mù màu sắc là bệnh không chữa trị được và không biết rõ nguyên nhân.

Bệnh có tính cách di truyền, xảy ra từ khi mới sanh và thấy ở nam giới nhiều hơn nữ giới.

Một người nam bị mù màu sắc thừa hưởng khiếm khuyết từ người mẹ. Bà mẹ nhìn màu sắc bình thường và mang gen khiếm khuyết màu.

Vì không chữa được và vì chỉ là một khiếm khuyết với vài màu sắc, nên bệnh nhân thường thích nghi với khiếm khuyết của mình và có đời sống bình thường.

Bệnh cao áp nhãn

Cao áp nhãn (Glaucoma) là bệnh trong đó áp xuất trong nhãn cầu tăng rất cao. Để hiểu rõ bệnh này, có thể ví dụ như sau.

Trong một bồn tắm, nếu ta mở vòi nước vào bồn đồng thời mở ống thoát nước dơ, nước sẽ chảy ra ngoài. Nếu ta khóa ống nước dơ, nước sẽ dâng cao trong bồn tắm. Bây giờ nếu ta bịt kín mặt bồn tắm với miếng vải nhựa và tiếp tục mở nước vào thì tắm vải nhựa sẽ căng phồng, vì sức ép của nước không lối thoát.

Cao áp nhãn cũng tương tự. Mắt luôn luôn sản xuất dung dịch chất lỏng vào nhãn cầu và được đưa ra ngoài theo ống nhỏ nằm giữa iris và giác mạc cornea. Nếu ống tắc, chất lỏng sẽ tích lũy trong mắt và đưa tới bệnh cao áp xuất của mắt. Hậu quả là mạch máu bị đè dẹt, giảm máu nuôi võng mạc và dây thần kinh mắt, thị giác suy giảm, có thể trở thành mù.

Cao áp nhãn có thể cấp tính hoặc mãn tính.

a- Cấp tính hoặc cao- áp- nhãn- đóng khi áp xuất tăng đột ngột và nhanh vì ống thoát chất lỏng bị tắc nghẽn bất thành lình.

Bệnh tuy hiểm, thường thấy ở người tuổi cao với viễn thị nhưng là một cấp cứu. Nếu không điều trị trong vòng 48 giờ, dây thần kinh mắt sẽ bị hủy hoại và mất thị giác ở mắt đó.

Điều trị khá giản dị: bác sĩ dùng tia laser để thông ống nghẹt là thị giác trở lại bình thường.

b- Cao áp nhãn mãn tính xảy ra từ từ hơn, có khi cả vài năm, đôi khi không có triệu chứng, nhưng không kém phần nguy hiểm. Do đó, từ tuổi 40 trở lên, nên đi khám mắt mỗi 1 hoặc 2 năm để bác sĩ đo áp xuất mắt.

Bệnh được chữa trị bằng thuốc nhỏ mắt hoặc thuốc uống để giảm áp xuất. Nếu không có kết quả, có thể giải phẫu hoặc dùng tia laser để điều trị.

Ruồi bay trước mắt

Nhiều người thấy như có mấy con ruồi bay qua lại ở trước mắt, nhất là khi nhìn vào một nền sáng trắng, như vào một bức tường hoặc bầu trời trong xanh. Nguyên do gây bệnh là sự hóa lỏng của dịch pha lê(vitreous) ở phía sau thủy tinh thể. Các sợi nhỏ của dịch dính với nhau, tách rời võng mạc và bay nháy trong mắt. Hiện tượng này thường thấy ở người trên 40 tuổi, người cận thị, bị chấn thương hoặc viêm mắt thoái hóa võng mạc ở tiểu đường hoặc sau khi giải phẫu đục thủy tinh thể.

Thường thường, các vật đó biến mất sau một thời gian dù không điều trị. Tuy nhiên, nếu vật đó có quá nhiều và gây trở ngại cho thị lực thì nên đi bác sĩ nhãn khoa để được điều trị, bằng dược phẩm hoặc phẫu thuật.

Kết luận

Con mắt là cửa sổ qua đó tâm hồn được quan sát, tìm hiểu. Đồng thời mắt cũng để nhận diện sự vật chung quanh. Khi mắt đau, mắt mờ thì các khả năng này mất đi. Con người rất dễ dàng rơi vào tình trạng lẻ loi, cô đơn, mất tự chủ độc lập.

Cho nên, xin nâng niu, giữ gìn, không quá lạm dụng cặp mắt.

Và đi khám bác sĩ chuyên khoa ngay khi thấy có các thay đổi bất thường ở mắt.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức M.D.

Texas-Hoa Kỳ

www.nguyenyduc.com

VỀ MỤC LỤC

Theo những nhận định về nam châm, gã được biết :

- Khác cực thì hút nhau, đồng cực thì đẩy nhau. Âm với dương thì hút nhau và ngược lại cũng vậy. Còn dương với dương thì đẩy nhau và ngược lại cũng thế.

Trong lãnh vực con người, gã thấy chẳng khác bao nhiêu :

- Nam với nam thì nhiều khi đánh nhau phun cả máu đầu. Còn nam với nữ thì lôi cuốn lẫn nhau, quyến luyến vào nhau, như tục ngữ đã diễn tả :

- Trai thấy gái lạ, như quạ thấy gà con.

Tuy nhiên, khi phe đồn bà con gái ngồi lại với nhau, thì thường hay nói xấu và dí mũi vào cánh đồn ông con trai. Và cánh đồn ông con trai, khi trà dư tửu hậu, cũng thường hay bới móc và...chỗ mồm vào chuyện đồn bà con gái.

Trong một tiệc nhậu lai rai, khi các..."chiến hữu" bắt đầu tửu nhập ngôn xuất, một đấng mày râu đã lớn tiếng so sánh :

- Nếu so sánh con gái với con nai, ta thấy có những điểm khác nhau như sau :

Một là nai luôn ngơ ngác suốt cả đời, còn con gái thì chỉ ngơ ngác mỗi khi cần ngơ ngác.

Hai là nai không bao giờ giả nai cả, còn con gái thì nhiều lúc lại thích giả nai.

Ba là nai có sừng trên đầu, còn con gái thì có sừng trong ánh mắt.

Bốn là nai luôn ăn cỏ, còn con gái thì đôi lúc lại ăn cả thịt nai.

Năm là khi gặp tai nạn, nai biến thành khô nai, còn con gái thì biến thành...mít ướt.

Sáu là nai nhảy tung tung trong rừng, còn con gái thì nhảy tung tung trong...shop.

Một đấng tu mi khác đã so sánh sự giống nhau giữa đồn bà và con cạp như sau :

- Một là cạp thì găm, đồn bà nhiều lúc cũng găm.

Hai là cạp thì uyển chuyển, đồn bà đôi khi cũng uyển chuyển.

Ba là cạp thì được gọi bằng ông ba mươi, còn đồn bà lắm khi được gọi là...sư tử Hà Đông.

Bốn là cạp rất oai phong, còn đồn bà cũng rất lẫm liệt, chẳng thế mà người xưa đã bảo : nhất vợ nhì giới, lệnh ông không bằng công bà.

Năm là cạp rất quan tâm tới móng vuốt, còn đồn bà cũng rất quan tâm tới móng chân móng tay.

Sáu là cạp nổi tiếng về da, đồn bà cũng chăm chút về làn da cùng với áo quần của mình.

Bảy là cạp đôi khi chỉ vỗ chứ không ăn, đồn bà đôi khi chỉ yêu mà không lấy.

(Báo Phụ Nữ Chủ Nhật, số 8 ra ngày 4.3.2007)

Giữa lúc bầu khí đang hồ hởi, thì bỗng anh chàng chiến hữu, sắp sửa đi vào tình trạng ngắc ngư con tàu đi, đã phát biểu một câu ...xanh lè, khiến cho bàn dân thiên hạ ngẩn tò te :

- Còn tớ ấy hả, tớ vừa mới khám phá ra một chân lý, mới nghiệm một qui luật của muôn đời, đó là : Đồn ông, muốn hư thì phải có tiền, còn đồn bà, muốn có tiền thì phải...hư.

Câu nói trên đây đã làm cho gã đi từ chỗ ngẩn tò te, đến chỗ cúi đầu và suy gẫm.

Dĩ nhiên, câu nói này không hoàn toàn đúng "một chăm phần chăm đâu em ơi", bởi vì

nhiều ông có tiền, được liệt vào hàng đại gia, giàu nứt đổ đổ vách mà đâu có hư, đồng thời cũng có nhiều bà đã kiếm được tiền bằng chính công sức, mồ hôi, nước mắt của mình và họ cũng chẳng bao giờ hư đốn cả.

Tuy nhiên, câu nói trên cũng phản ánh phần nào sự thật, nhất là sự thật về một hạng người nào đó trong xã hội Việt Nam ngày hôm nay. Gã xin...bình loạn thêm về câu nói này.

TRƯỚC HẾT, ĐỜN ÔNG MUỐN HƯ, THÌ PHẢI CÓ TIỀN.

Kinh nghiệm cho gã thấy : khi gặp phải hoàn cảnh khó khăn, người ta dễ dàng đạo đức ăn ra, trái lại khi khó khăn đã qua đi và hoàn cảnh trở nên tươi sáng hơn, người ta trở về nếp sống cũ và lại khô khan nguội lạnh, nếu không muốn nói là còn xấu xa hơn trước nữa.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, đờn ông con giai thì sợ phải đi tù và học tập cải tạo, còn đờn bà con gái thì sợ phải đi lấy thương phế binh..."Viết Cộng", thành thử người ta vội vã tới nhà thờ xưng tội rước lễ, như để dọn mình chết lành vậy, nhà thờ lúc nào cũng đầy ắp những người.

Sau đó, những sinh hoạt tôn giáo trong nước bị hạn chế tới mức tối đa : không còn các hội đoàn, không còn các chủng viện, việc đi lại của các linh mục tu sĩ từ nơi này tới nơi khác cũng khó khăn...Tuy nhiên, càng bị hạn chế, càng gặp nhiều khó khăn, thì dường như người ta lại càng sốt sắng hơn.

Còn bây giờ, chính sách của nhà nước phần nào thông thoáng và hoàn cảnh cũng sáng sủa hơn, người ta lao mình vào công ăn việc làm, người ta ra sức tìm tiền kiếm bạc và đầu tư mọi công sức cho vấn đề cơm áo gạo tiền và làm giàu đã trở thành nỗi ưu tư số một, hay cái lý tưởng sáng chói cần phải thực hiện. Tôn giáo và đạo đức bị tụt hạng, nếu không nói là đã bị một số người...xếp xó.

Nước Mỹ, ngay sau biến cố 11.9 với tòa tháp đôi của Trung Tâm Thương Mại Quốc Tế bị sụp đổ tan tành, thì dường như chỗ nào cũng dấy lên một phong trào đạo đức : người ta thấp nển để cầu nguyện, người ta xác nhận lại niềm tin vào Thượng Đế, người ta tôn vinh những hành động can đảm của những người đã dám hy sinh mạng sống...Nhưng rồi những cảm tình đạo đức này dần dần bị chìm vào quên lãng, khi người ta thấy mình vẫn được sống trong bình an, đất nước mình vẫn liên tục phát triển và bọn khủng bố chưa dám tái xuất giang hồ, sờ đến gáy hay đá động tới quê hương mình.

Biến cố đau thương này, không phải chỉ là như viên sỏi nhỏ, nhưng là như một tảng đá lớn ném xuống mặt hồ, tạo được những chao đảo, những làn sóng trên làn nước vốn đã từ lâu êm ả. Tuy nhiên, dù sóng có to, thì cũng sẽ tới một lúc nào đó, tảng đá chìm xuống đáy nước và mặt hồ trở lại với tình trạng phẳng lặng và yên tĩnh của mình.

Cùng với nhận định này, gã xin đi xuống lãnh vực cá nhân và gia đình. Sách Cổ Học Tinh Hoa kể lại rằng :

Vua Cảnh Công có cô con gái yêu, muốn gả cho Ân Tử. Một hôm nhà vua đến ăn tiệc tại nhà Ân Tử, thấy vợ Ân Tử bèn hỏi :

- Phu nhân đây phải không ?

Ân Tử thưa :

- Vâng, phải ạ.

Nhà vua nói :

- Ôi, phu nhân trông sao vừa già lại vừa xấu. Quà nhân có đứa con gái trẻ đẹp muốn cho về hầu, Khanh nghĩ sao ?

Ân Tử đứng dậy thưa rằng :

- Nội tử tôi nay thật già và xấu, nhưng lấy tôi và cùng tôi ăn ở đã lâu, kể từ lúc còn trẻ

và đẹp. Xưa nay đàn bà lấy chồng lúc trẻ cốt để nhờ cậy lúc già, lúc đẹp lấy cốt để nhờ cậy lúc xấu. Nội tử tôi thường nhờ cậy tôi mà tôi cũng đã nhận sự nhờ cậy ấy. Nay nhà vua tuy muốn ban ơn chắc cũng không nỡ để cho tôi ăn ở bội bạc với những điều nội tử tôi đã nhờ cậy bấy lâu nay.

Nói đoạn Ân Tử lạy hai lạy, xin từ không lấy.

Đọc xong mẩu chuyện này, hẳn có nhiều người cho rằng : Ân Tử sao mà khờ quá vậy, chẳng bù cho những con người thời nay.

Thực vậy, có anh chàng "Hai Lúa" được cha mẹ cho lên Saigon...du học. Trước khi khăn gói quả mướp lên đường, anh ta đã thề độc thề địa với người yêu bé bỏng của mình rằng :

- Nếu không lấy được em thì anh sẽ chết. Em ráng chờ đợi anh nhé.

Và trong đầu óc đơn sơ của anh chàng Hai Lúa này đã vẽ nên một cảnh tương huy hoàng như người xưa đã diễn tả :

- Vồng anh đi trước, vồng nàng theo sau.

Nhưng rồi sau khi đã khêu được mảnh bằng, anh chàng Hai Lúa năm nào đã trở thành dân Saigon chính hiệu con nai vàng. Vì cần phải có hộ khẩu ở thành phố, vì cần phải có ô dù che chắn trước sau, vì cần phải mở ra con đường tiến thân, vì cần phải bảo đảm cho công danh sự nghiệp...nên anh ta đã lấy một cô vợ mà nhà thì giàu, bố thì thế lực và quên bém mất cô gái miền quê năm xưa năm xưa. Thật đúng với lời bàn của tác giả Cổ Học Tinh Hoa :

"Ngán thay thói đời giàu hay quên bạn, sang hay phụ vợ. Lắm kẻ lúc còn hàn vi, vợ nuôi cho ăn đi học, một mai được chút tiền của, chức tước, đã phụ ngay vợ cũ mà kiếm vợ mới, hoặc kiếm vào chỗ giàu, chỗ sang hay người trẻ tuổi xinh đẹp hơn. Nhưng kẻ như thế dù viện lẽ gì, cũng chỉ là kẻ phụ bạc cả mà thôi".

Nhiều ông chồng, khi còn là "bần cố nông", khi còn nghèo túng, khổ rách áo ôm, thì lại sống rất chung thủy và hạnh phúc với vợ với con, thiếu điều như ca dao đã từng diễn tả :

- Trên đồng cày dưới đồng sâu,

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

- Râu tôm nấu với ruột bầu,

Chồng chan, vợ húp, gật đầu khen ngon.

Thế nhưng, khi đã có một địa vị với cái ghế ngồi khá vững chắc và nhất là khi đã có sẵn tiền trong tay, thì bỗng quay phắt 180 độ và bị...hư đi. Dĩ nhiên ở đây gã xin miễn bàn đến chuyện kiếm cho ra nhiều tiền, chẳng hạn như : làm ăn chân chỉ hạt bột, điều ngoa xảo trá hay tham những hối lộ...mà chỉ bàn tới việc tiêu tiền thế nào khiến cho mình chóng bị hư đi.

Nếu kiếm được tiền mang về nuôi vợ nuôi con, trang bị cho gia đình những tiện nghi thì chả cần phải nói. Nhưng đàn ông này thì khác, kiếm được tiền và chỉ cho những cuộc du hí riêng tư của mình, để rồi nhiều khi thân bại danh liệt và gia đình đổ vỡ tan hoang.

Kinh nghiệm cũng cho thấy : có tiền, người ta sẽ dễ dàng "rừng mỡ", mà lao mình vào những cuộc chơi bởi trác táng. Hay nói cách khác, muốn chơi bởi thỏa thích thì phải có sẵn tiền trong túi.

Bình thường, sau một ngày lao động mệt mỏi hay căng thẳng, khi chiều xuống, bè bạn thường rủ nhau tới quán nhậu, làm một chầu để mở mang trí hóa, cũng như giải bớt cơn sầu. Chẳng thế mà các tụ điểm ăn nhậu, các nhà hàng cao cấp, các làng nướng cũng như các phố...chợ, mọc lên như nấm ở Saigon và ở khắp nơi trên đất nước này,. Còn thức uống thì đủ loại từ rượu ta đến rượu tây, từ nước ngọt đến bia bọt, với các thứ nhãn hiệu trình tủa, từ đẳng cấp địa phương cho tới đẳng cấp quốc tế, thôi thì...đủ cả.

Tuy nhiên, nếu chỉ nhậu tăng một, thì dù có say một tí, cũng vẫn là chuyện thường ngày ở huyện. Thế nhưng, người ta lại tiếp tục tăng hai và ở tăng hai này, người ta nhậu ở đâu và

nhậ như thế nào thì chỉ có ông trời mới biết được mà thôi. Cũng vì tăng hai ấy mà người ta phải chi ra không biết bao nhiêu tiền và cũng dễ bị hư đi.

Ngoài những người đã hư đi vì chuyện ăn uống, thì trong thực tế, còn có người hư đi vì chuyện hút sách. Khẩu hiệu được họ đưa ra, đó là :

- Có tiền làm tiên cũng được.

Nếu chỉ bắn thuốc lào, hay hút thuốc lá, thì vẫn là những chuyện thường ngày ở huyện, nhưng đảng này họ lại thích chơi những thứ hàng độc, như bạch phiến, xì ke ma túy... Họ muốn làm bạn với nàng tiên nâu và bản thân muốn được trở thành một...ông tiên, đi mây về gió. Giấc mơ phù du này đòi phải chi những số tiền lớn và cũng chóng kết thúc bằng sự hư đi.

Sau cùng, có tiền mua tiên cũng được. Một số người lại thích cầm tiền đi mua những...cô tiên qua những cuộc tình thâm lén và vụng trộm, những cuộc tình chớp nhoáng và...ngoài luồng, bằng cách chơi bởi trác táng hay đào bồng bồ nhí.

Có những ông già đang bước vào cảnh hoàng hôn của cuộc đời, thế mà vẫn cứ anh dũng bỏ vợ trốn con, bỏ tiền ra xây tổ ấm và trang bị những tiện nghi hiện đại cho cô bồ nhí trẻ măng của mình, để rồi nhiều lúc đã phải chịu nổi đắng cay như ngậm bồ hòn trong miệng :

- Bắc thang lên hỏi ông trời,

Mang tiền cho gái, có đòi được không ?

Có những ông ở nước ngoài về, đã lợi dụng cái "mác" việt kiều, cũng như cái ưu thế của đồng đô la, để rồi chơi bởi vung vít và mua đứt không những một, mà có khi cả hai ba cô gái trong nước làm vợ...hờ. Vừa đỡ tốn kém, vừa được cưng chiều, lại vừa bảo đảm an toàn giữa thời buổi căn bệnh HIV bùng nổ như một cơn ác mộng.

Từ những sự việc kể trên, gã có thể kết luận : Đờn ông muốn hư thì phải có tiền. Chứ nghèo rớt mồng tơi thì làm sao dám bước chân vào những nhà hàng cao cấp, những chốn chơi bởi du hí và dù có nằm mơ thì cũng chẳng thấy được những người đẹp...chân dài.

TIẾP ĐẾN, ĐỜN BÀ MUỐN CÓ TIỀN, THÌ PHẢI HƯ.

Sống trên đời, ai mà chẳng muốn có được nhiều tiền. Nhưng để thực hiện ước muốn...hoành tráng này, nhiều người đã cố gắng phấn đấu để vươn lên. Và họ trở thành những người tốt lành, cũng như đã giúp ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, cũng có những kẻ đã rơi tõm xuống vực thẳm tội lỗi và đã hư đi. Ở đây, gã chỉ xin bàn đến phe đờn bà con gái đã hư đi vì muốn có nhiều tiền một cách dễ dàng mà thôi. Gã xin tạm chia thành hai loại.

Loại thứ nhất là vì hoàn cảnh.

Họ có thể là những cô gái nông thôn, muốn thoát khỏi cảnh nghèo túng của miền quê bằng cách lên thành phố tìm việc làm, vừa để đổi đời, vừa để kiếm tiền giúp đỡ gia đình, nhưng rồi bị lừa gạt. Lúc đầu chỉ là phụ giúp bán cà phê, rồi bị ép bán cà phê ôm và sau cùng là bán tất cả cái vốn mình tự có.

Họ có thể là những sinh viên nghèo, nhưng lại muốn theo đuổi việc học, vì thế ngoài những giờ đến trường hay lên lớp, họ phải tìm việc làm để kiếm thêm chút tiền còm, bù lỗ cho những chi phí của mình.

Những việc làm thêm này, chẳng hạn như dạy kèm cho trẻ, bán hàng tại cửa tiệm, rửa chén bát cho các nhà hàng...lắm lúc thật vất vả mà lương bổng, thù lao lại chẳng bao nhiêu.

Vì thế, có những cô đã vào làm trong quán cà phê đèn mờ, những vũ trường hay cam phận với kiếp sống tầm gửi, làm vợ hồ, làm bồ nhí...Sở dĩ như vậy, vì những dịch vụ này thu nhập vừa cao, lại vừa nhàn hạ. Và rồi từ đó bị trượt chân, như viên bi lăn mãi lăn hoài cho tới

tận cùng con dốc mới thôi. Gã xin đưa ra một vài chứng từ sống động cho vấn đề này.

Để có tiền trang trải cho chuyện ăn, chuyện ở và chuyện học, Hằng quyết định làm thêm công việc tiếp thị bia vào ban đêm tại một quán nhậu. Với thân hình khá bắt mắt của một cô gái đương thì, cộng với tính tình nhanh nhẹn vui vẻ, Hằng nhanh chóng được lòng rất nhiều anh lẫn..."ông" nhậu lui tới quán.

Trong số những khách hàng thường xuyên uống bia ủng hộ cô, có Khánh, một dược sĩ 32 tuổi, chủ nhân tiệm thuốc tây tọa lạc gần nơi Hằng tiếp thị bán bia mỗi đêm. Sau vài lần gặp gỡ, trò chuyện, Hằng bằng lòng cho chàng dược sĩ này đưa đón, đi ăn uống và về nhà trọ khi hết giờ làm việc ở quán nhậu.

Chỉ sau một tháng đưa đón, Hằng đã sẵn sàng ngã vào vòng tay của chàng dược sĩ, mà cô nghĩ có thể bao bọc được cho mình trong những tháng ngày ăn học khó khăn. Đúng như Hằng nghĩ, để tiện bề lui tới, Khánh thuê hẳn cho Hằng một căn nhà nhỏ trong hẻm...

Tuy nhiên, sự cung phụng của Khánh dành cho Hằng chỉ được một năm thì người thứ ba xuất hiện. Đó là một ông nhà thầu xây dựng, cũng là bạn nhậu của Khánh. Ông nhà thầu 42 tuổi này đã có vợ con để huê. Sau vài lần gặp Hằng, ông đâm ra "kết" cô.

Sau đó không lâu, đã diễn ra một thỏa thuận rành mạch giữa ba người : Ông nhà thầu bỏ tiền ra cho Hằng mượn nhà trọ và ăn học. Anh chàng dược sĩ cung phụng cho cô mua sắm. Phần cô sinh viên Hằng tự chia lịch : 2-4-6 dành "tiếp ông thầu", còn 3-7-5 thì "đi chơi" cùng anh dược sĩ. Chủ nhật là ngày cô được tự do...(Báo Phụ nữ Chủ nhật, số 7 ra ngày 19.2.2006).

Loại thứ hai là vì đua đòi

Có những cô gái, đua đòi cách ăn chơi của bè bạn, chạy theo những mốt áo quần hàng hiệu, theo kiểu bốc ngẩn cần dài, vung tay quá trán, con nhà lính tính nhà quan...vì thiếu tiền chi ra, nên sẵn sàng chấp nhận thân phận làm bồ nhí, làm gái bao...

Thanh xuất thân trong một gia đình khá giả. Thi đậu đại học. Bất chấp lời khuyên của những người thân, Thanh dọn ra ở riêng trong một căn phòng cho thuê khá tiện nghi. Không có sự kiểm soát của người thân, Thanh tự do bay nhảy, đàn đúm.

Để có tiền ăn chơi, thanh không ngần ngại cặp bồ với nhiều người đàn ông lớn tuổi nhưng có tiền. Trong số các "đại gia" ấy, Thanh chọn ông Phát đã có vợ con, nhưng lại là ông chủ cửa hàng kinh doanh xe gắn máy làm "bến đậu lâu dài" vì mọi chi phí thuê nhà, sắm sửa đều được ông Phát chu cấp hậu hĩ. (Báo Phụ nữ Chủ nhật, số 7, ra ngày 19.2.2006).

Có những cô gái khác vì cảm dỗ của đồng tiền, hay vì một cuộc sống buông thả, sẵn sàng đánh đổi cả thân xác và không ngần ngại kinh doanh bằng cái vốn tự có, bằng cái vẻ tươi mát trời cho.

Lúc ban đầu, có thể chỉ lâu mới nhảy dù, tiếp khách một lần để có phương tiện tiếp tục nếp sống chơi bời quậy phá của mình. Nhưng rồi thấy việc kiếm tiền bằng phương cách này quá dễ dàng, nên bỗng trở thành chuyên nghiệp lúc nào không hay.

Và khi hàng đã quá đắt, thì chỉ còn nước đứng ra ngoài vỉa hè và trở thành một loại bướm đêm, mà thiên hạ vốn thường thấy bay lượn dọc theo những quãng đường vắng hay tại những công viên, khi thành phố đã lên đèn.

Và cuối cùng, đồn ông cũng như đồn bà, tất cả đều phải cúi đầu lãnh nhận một kết thúc đáng buồn !!!

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
